Chơn Lý - Luật Nghi Khất Sĩ (Tổ sư Minh Đăng Quang)

Đạo Phật Khất Sĩ

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM HỆ PHÁI KHẤT SĨ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời nói đầu Q uyển Luật nghi Khất sĩ rất cần thiết cho chư Tăng Ni Khất sĩ học hành, vì nó gồm cả mười quyển: Bài học Khất sĩ, Luật Khất sĩ, Bài học Sa di, Pháp học Sa di I (Giới), Pháp học Sa di II (Định), Pháp học Sa di III (Huệ), Giới bổn Tăng, Giới bổn Ni, Giới Phật tử và 114 điều Luật nghi Khất sĩ, là những quyển mà chư Tăng Ni cần phải học thuộc lòng để hành trì trong mỗi lúc. Nhưng điều đáng tiếc, mỗi lần tìm kiếm từng quyển một thật rất khó khăn. Tuy nhiên, tôi có soạn lại in kết tập trong bộ Chơn lý và tái bản ấn tống được nhiều lần, mà nguyên bộ thì rất nặng nề, mỗi khi đem theo đi hành đạo, hoặc học hành thì bất tiện. Nên tôi cho sửa sai và in kỹ lưỡng, kết tập lại thành một cuốn, lấy tựa là Luật nghi Khất sĩ, hầu giúp đỡ cho quý chư Tăng Ni noi theo giáo lý y bát chơn truyền của Đức Tổ sư Minh Đăng Quang khai sáng. Rất mong thay chánh pháp y bát Khất sĩ chơn truyền của chư Phật ba đời còn lưu trụ mãi mãi trong không gian và thời gian vô tận. NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT. Mùa Xuân năm Nhâm Tý - Phật lịch 2516 TM. GIÁO PHẨM HỆ PHÁI Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên

BÀI HỌC KHẤT SĨ

I. CÚNG DƯỜNG TAM BẢO
Cầu xin cho lễ cúng dường này, đến với đức Như Lai, xin Phật chứng minh.
Cầu xin cho lễ cúng dường này, đến với chư Bồ tát, xin
Tăng chứng minh.
Cầu xin cho lễ cúng dường này, đến với chư Phật Pháp
Tăng, xin Tam Bảo chứng minh.
II. KHUYẾN KHÍCH Những ai hết lòng, ân cần cung cấp, thức ăn vật uống cho đệ tử của Phật, và làm phải cho mọi người cao thượng hơn lòng bỏn xẻn và tánh tư vị, thì sẽ hưởng được sự vui sướng thanh nhàn, đời đời kiếp kiếp ở cảnh thượng thiên; những người ấy sẽ chứng đủ các quả đạo lành, sẽ được hân hạnh về đạo lý, sự khoái lạc hoàn toàn, các vị ấy sẽ sanh lên cõi trời, để hưởng sự sung sướng và nhàn lạc luôn luôn.

BÀI HỌC KHẤT SĨ

III. CHỨNG MINH
Tín chủ cúng dường Phật Pháp Tăng
Chứng minh công đức nhờ Tam bảo
Chú tâm nguyện độ thiện duyên này
Tín chủ đời đời thêm phước báu.
Sở cầu, sở ý đều thành tựu
Tín nhớ, hạnh y, nguyện trở về

Nay mới gieo nhơn, nhơn chánh giác
Sau này chứng quả, quả Bồ đề.
Đây thể lòng từ Phật Pháp Tăng
Vì tâm thành kính biết ăn năn
Đem cho tín chủ phước thanh tịnh
Xin lấy cho mình nghiệp khó khăn.
Tín chủ từ đây đặng nhẹ nhàng
Bến mê thoát khỏi chốn lầm than
Tiêu diêu khoái lạc y Tam bảo
Đắc quả kiếp nay thành Phật đạo.
IV. CẦU NGUYỆN Phước cúng dường này của tín chủ Tam nghiệp thanh tịnh định, huệ tu

Tánh cũ tự mình gồm chứa đủ Tây phương an dưỡng hưởng thiên thu.

Phước cúng dường này của chư linh
Dứt tiêu tội chướng thoát vô minh
Sám hối ăn năn tâm niệm Phật
Tây phương Cực lạc đắc siêu sinh.
Phước cúng dường này của bá tánh
Cầu an tai nạn đặng muôn lành
Phát nguyện tu hành thành chánh giác
Tây phương Tịnh độ chỗ vãng sanh.
V. CHÚ NGUYỆN
Chú tâm nguyện độ cả thảy chúng sanh,
Kẻ thác siêu thăng người còn thơ thới,
Biển ái yên lặng, sông mê trong sạch,
Pháp giới chúng sanh đồng tròn quả trí.
Nguyện khắp tín thí ruộng phước thêm gieo,
Có tình, không tình đều thành Phật đạo.
Kính lạy cõi Tăng già Tây phương giải thoát. (1 lần)
Kính lạy cửa Khất sĩ đường Như Lai. (1 lần)
Kính lạy chư Phật Pháp Tăng mười phương ba đời.
(3 lần)
BÀI HỌC KHẤT SĨ

VI. THỌ BÁT
Bát cơm tín chủ biết bao công
Đức hạnh đầy vơi tự xét lòng
Thỏa miệng thích tình tham quấy bỏ
Nuôi thân hành đạo thuốc lành dùng

Toan vun chánh pháp cho thành tựu
Nguyệt dứt ác duyên thoáng sạch không
Nguyện các việc lành làm tất cả
Nguyện xin độ tận chúng sanh chung.
VII. LỤC HÒA
Thân cùng nhau hòa hiệp ở chung
Miệng không tranh đua cãi lẫy
Ý ưa nhau không trái nghịch
Giới luật đồng cùng nhau tu theo
Kiến thức riêng chỉ giải cho nhau
Tứ sự chia đồng với nhau.
VIII. SAU KHI ĐỘ CƠM XONG Nguyện cầu cả thảy chúng sanh, đồng đặng đủ đầy tròn xong Phật sự. (3 lần)

IX. CHÚ NGUYỆN
Chú tâm nguyện độ mười phương
Kẻ âm siêu thoát, người dương nhẹ nhàng
Cõi đời biển ái lặng trang
Sông mê trong vắt sóng an, nước bình
Khắp cùng pháp giới chúng sanh
Gieo mầm giống huệ, viên thành quả chơn
Nguyện cầu tín thí công ơn
Phước điền rộng đức, huệ sơn cao tài
Hữu tình nhơn vật các loài
Vô tình bụi, đất, đá, cây bao đồng
Thảy đều đắc quả thành công
Cả nên Phật đạo hiện trong kiếp này.
Kính lạy cõi Tăng già Tây phương giải thoát. (1 lần)
Kính lạy cửa Khất sĩ đường Như Lai. (1 lần)
Kính lạy chư Phật Pháp Tăng mười phương ba đời.
(3 lần)
X. TỤNG ĐỌC THÊM KINH HOẶC THUYẾT PHÁP (Nếu có thời gian và có nhu cầu của tín chủ thì đọc tại khoản này).

LUẬT NGÔN

a) Đạo Phật được bảo tồn lâu dài, là nhờ giới luật; các sư được tôn trọng sùng bái là nhờ giới luật; bá tánh được an cư lạc nghiệp, vui hưởng mọi sự lành, cũng nhờ giới luật nữa! Ở xứ nào mà người ta có giữ hạnh, thì dân chúng được bình an, không có tai nạn phiền hà; dầu là nhà sư Đại thừa ở Tàu, ở Nhật; dầu là Tăng Lạt ma giáo ở Tây Tạng; dầu là Tỳ kheo Tiểu thừa ở miền Tích Lan hay Thiên Trúc; mọi người đều phải trân trọng giữ giới, và nhờ sự bảo hộ bởi giới lành. Lại cư gia bá tánh cũng thế, không phân

biệt là miền Đại thừa hay Tiểu thừa, ai nấy đều phải cần trì giới, giữ hạnh... để sống một cách phải thế, trong sạch và hiền hòa. b) Thiếu chơn không đi được; cũng như thế, thiếu luật không lên cõi thượng thiên được; ai muốn sanh lên cõi trên, ngay kiếp này, phải giữ giới luật cho kỹ, vì nó là chơn của mình, đưa mình đi. Tên đánh xe, khi qua truông, thấy mất cái chốt ở bánh xe hay thấy chốt xe gãy, thì nó buồn; cũng như thế, kẻ phạm giới đến giờ chết thì rầu lắm. Soi gương vui hay buồn, là tùy mặt mình tốt hay xấu; đọc giới luật cũng thế, người nghe vui hay buồn là do nơi họ có giữ giới, hay đã phạm giới.

PHẬT NGÔN

1. Đừng làm việc quấy nào hết, hãy làm việc phải luôn luôn, làm cho trong sạch các sở ý của mình. Ba cái lý đó, tóm rút đạo lý của chư Phật. 2. Đối với nhà sư, gần rắn độc còn hơn là gần đàn bà, vì con rắn chỉ hại mạng mà thôi, chớ người đàn bà nhận chìm tới địa ngục lận. Đã bao phen Ta lấy đủ các thí dụ, mà làm cho đệ tử hiểu rằng: ái tình rất nguy hiểm đối với người, cũng như lửa đối với rơm, cũng như rắn độc, cũng như gươm hươi, cũng như hèo nhọn, nó làm cho nhơ nhuốc Giáo hội của Ta. 3. Diệt sự ô trược, diệt các tư tưởng bất chánh, là diệt bằng cách tham thiền, làm yên tịnh và thanh bạch cái tâm, cũng như trời mưa làm rạp gió và bụi vậy. 4. Có hai hạng người giả dối đáng chê, một hạng khoe mình trong sạch, mà họ không có trong sạch gì; một hạng nữa khoe mình có đức, để được sướng miệng và no bụng mà thôi. Những người đó nói láo đặng cho người ta bố thí, vì người ta lầm mới cho. Những người đó là hạng giả danh đạo đức vậy.

PHẬT NGÔN

5. Chúng ta phải dùng tư tưởng tốt mà đuổi tư tưởng xấu, và chúng ta phải chặt đứt các dây xiềng để tới Niết bàn. 6. Trước khi ngủ mà chăm chú tới ý tưởng quấy thì bị năm điều hại: Chiêm bao thấy bậy, thần thánh không phò trì, cái tâm tách xa đường đạo, việc vọng tưởng làm nguội lạnh sự tham thiền, và cái thân phải dính trược. Trước khi ngủ mà chăm chú về ý tưởng phải thì được năm điều lợi: Chiêm bao thấy điềm lành, được thần thánh phò trì, cái tâm khắn chặt với đạo lý, sự tham thiền càng được thêm hiệu quả, và cái thân không dính trược. 7. Xin nhiều người ghét người phiền Xin mà chẳng đặng ta liền buồn ngay Vậy nên ta chớ xin ai Đặng cho an lạc khoan thai một mình. 8. Có hai thứ người sa địa ngục, đầu đâm xuống đất, chơn trở lên trời, ấy là bọn giả danh đạo đức, và bọn phỉ báng người có hạnh. 9. Mặt trời và mặt trăng lu lờ là bởi bốn vật: Thần sanh nhựt thực và nguyệt thực, mây với sa mù, khói và bụi. Cũng như thế, chư Tỳ kheo mất cái minh mẫn là bởi bốn món này: Rượu, sắc dục, vàng bạc và sự danh lợi phong lưu.

10. Khi nào mình nói: dầu với thú vật cũng vậy. Phải nói thế nào cho người ta được dạn dĩ thêm, chớ không phải chôn sống hạ mạt người ta.

11. Con người ta thường thường bất bình nhau là bởi có kẻ khác xen vào.

12. Nương mình ở chốn thanh êm
Thì lòng khoái lạc càng thêm thâm trầm

Sống mà giữ giới chẳng lầm
Thì bề yên tịnh mười phần chẳng xao
Chẳng ganh, chẳng ghét người nào
Chẳng hay phá hại đau rầu chúng sanh
Chẳng còn mong mỏi ham tranh
Chẳng còn luyến ái quẩn quanh theo mình
Phải cho khéo tập, khéo gìn
Thì phần phước trọn mặc tình thảnh thơi.
13. Đức Thầy chỉ dặm nẻo đường xa
Chẳng trở, chẳng lui, chẳng sợ tà
Lang hổ rống to, Ngài tỉnh mỉnh
Gió mây thổi nhẹ, Phật ôn hòa
Chú tâm cứu khổ cho muôn loại
Định trí vớt nàn kẻ bá gia
PHẬT NGÔN

Phàm tục Thánh Tiên nhờ tế độ Được thêm thuần hậu chốn Ta bà!

PHÁP
1. Thân thọ sanh từ nơi không tướng
Như giấc mơ do tượng hình ra
Người mơ tâm thức đâu mà
Trụ đâu tội phước, đều là thành không.
2. Pháp lành khởi, vốn xưa là huyễn
Nghiệp dữ gây, cũng huyễn mà ra
Mình bọt đậu, gió lồng qua
Không căn, không thật, pháp là huyễn thôi.
3. Bốn vật lớn, mượn làm thân gió
Tâm không sanh, nhơn cảnh mà sanh
Cảnh không, tâm cũng không thành
Đôi đàng tội phước, như hình huyễn thôi.
4. Thân không thật thấy là thân Phật
Tâm bông lông, biết Phật bông lông
Thân tâm tánh ấy vốn không
Người ta với Phật, cũng đồng như nhau.
5. Thân chẳng thấy, biết là thân Phật
Nếu biết rồi, thì Phật là không
Người khôn biết tội tánh không
Thản nhiên chẳng sợ, trong vòng tử sanh.
6. Tánh chúng sanh thảy thanh tịnh hết
Do không sanh, không diệt mà ra

Thân tâm là huyễn thôi mà
Huyễn thì tội phước hóa là thành không.
7. Pháp là pháp, vốn xưa không pháp
Không pháp, mà cũng pháp đó đây
Soi ra không pháp buổi nay
Pháp nào, pháp nấy, nào hay pháp nào.
I. THÂN
Thân này chưa biết ra chi
Của kia lại có chắc gì mà ham
Bao nhiêu cho thỏa lòng tham
Càng thâu càng đắm, càng làm càng say
Tiếc cho tháng rộng năm dài
Chung quy hoang phí về tay thần tiền
Được thua, thua được liền liền
Hả hê mới đó, ưu phiền đâu đây
PHẬT NGÔN

Đem thân làm kẻ tội đày
Cho bao vật chất nó cai trị mình
Để tâm làm vật hy sinh
Suốt đời theo lịnh dục tình dắt lôi
Cái tham bao thuở cho rồi
Cái không may đến một hồi là xong
Dã Tràng xe cát biển Đông
Vô tình lượn sóng cướp công nhọc nhằn
Tuồng đời ai biết cho chăng?
Như mây tan hiệp, như trăng khuyết tròn
Đêm tàn tim lụn, dầu mòn
Cái đi mờ mịt, cái còn mỏng manh
Chắc chi bọt nước đầu gành
Chắc chi sương đọng trên cành ban mai
Bọt kia làn gió nhẹ lay
Sương kia mặt nhựt chiếu ngay xong đời
Mênh mông trong khoảng đất trời
Thân ta biết gởi về nơi chốn nào?
Tử thần tay dắt làm sao?
Gần xa mấy nẻo, thấp cao mấy từng?
Giả như phước thưởng, tội trừng
Biết công hay nợ, biết mừng hay lo?
Thử theo công hóa mà so

Tội dồn muôn kiếp biết to thế nào?
Phước gom nghĩ được là bao
Nếu đem trừ cấn biết sao thiếu thừa?
Dặc dài kiếp cũ, căn xưa
Biết bao oan nợ mà chưa trả đền?
Tiền cừu, hậu hận há quên
Một bên đi trả, một bên đến đòi
Lung tung trong cạm luân hồi
Day qua trở lại, biết đời nào ra?
Mấy ai suy kỹ nghĩ xa
Rảo chân sấn bước cho qua khoảng này
Chán chê mộng cảnh đọa đày
Đưa tay trí huệ tháo dây dục tình
Đoạn trừ cái hoặc vô minh
Tâm chơn trở lại, tánh linh đem về
Gieo lan hột giống Bồ đề
Xinh tươi nhành lá, sum suê cội tàng
Nước dương rưới khắp trần hoàn
Diệt trừ phiền não, tiêu tan tội tình
Gây chèo thuyền giác độ sinh
Bến mê phút chốc biến thành ao sen.
PHẬT NGÔN

II. KHẨU
Trăm năm vật đổi người dời
Một câu quý giá, muôn đời còn ghi
Mở lời trước phải xét suy
Rằng ta cất tiếng, ích chi chăng là?
Bằng như lời ấy thốt ra
Làm buồn kẻ khác thì ta xin đừng
Nói chi mắng nhiếc tưng bừng
Miệng xây núi nghiệp biết chừng nào tan
Nói chi chửi rủa kêu vang
Lưỡi đào hố nghiệp biết đàng nào lên
Họa tai vì miệng mà nên
Bịnh căn vì miệng mà rên phù trầm
Ai ôi nghĩ lại kẻo lầm
Đóng bưng cửa miệng, chớ tầm quỷ ma
Cũng thời tiếng nói thốt ra
Của chư Phật Thánh, dịu hòa biết bao

Là câu nói pháp thanh tao
Đưa người giữa biển, sóng xao lên bờ
Ôi lời nói quý không ngờ
Đương phàm hóa Thánh, một giờ đổi thay!
Ta nay học đạo Như Lai
Hãy dùng lời nói mở bày pháp môn!
Ta nên cất tiếng ôn tồn
Phá tan những giấc mộng hồn tối đen!
Miệng ta là cánh hoa sen
Một khi hé nở, một phen thơm lừng!
Tiếng ta là gió mùa Xuân
Một cơn thổi nhẹ, muôn dân mát lòng!
III. Ý
Con người cái ý vốn hai
Khi mừng, khi giận đổi thay không lường
Vội vàng khi ghét, khi thương
Khi vui vui ngất, khi buồn buồn hiu!
Muốn ưa, tạo sắm đủ điều
Rồi khi chê chán bỏ liều như chơi!
Pháp nương tương đối không rời
Do hai lẽ ấy, ý đời phát sanh
Dẫy đầy ngoại cảnh chung quanh
Càng nuôi tạo, ý trưởng thành thêm lên
Thói đời càng nhiễm càng quen
Bụi đời càng đóng càng đen tinh thần
PHẬT NGÔN

Nhiều năm chung lộn trong trần
Ý mình còn giữ riêng phần được đâu?
Chịu mang ảnh hưởng từ lâu
Ý căn thôi đã ăn sâu lắm rồi
Nếu ai nhận ý là tôi
Tức thì bị ý cuốn lôi luân trầm
Dắt đi theo nẻo lạc lầm
Đọa chìm vào cõi tối tăm mịt mờ!
Nghiệp nhơn tội quả bao ngờ
Biết chi phương hướng bến bờ là đâu!
Lướt theo ý dục mong cầu
Đèo cao băng vượt, biển sâu lao mình!
Con đường sinh tử, tử sinh

Ra vào lui tới thân hình đổi thay
Luân hồi trong cõi trần ai
Cũng vì cái ý chuyển lay không ngừng
Lên cao, xuống thấp vô chừng
Cũng vì cái ý lẫy lừng buông lung
Ý năng chế ngự oai hùng
Người người răm rắp phục tùng vâng theo
Nguồn đời nước chảy thuận chiều
Cảm thương cái bọt riu riu xuôi dòng!
Mấy ai cưỡng ý, nén lòng
Vượt nguồn dục vọng, thoát vòng muốn ham
Tịnh tâm bớt nói, ngưng làm
Lần lần nhập Thánh, siêu phàm từ đây
Đừng lòng cố chấp riêng tây
Cũng đừng tính có ý này ý kia
Ta người đừng tính phân chia
Có không đừng tính, đoạn lìa hai bên
Như thường, như vậy, như nhiên
Như như chẳng động, không thiên, không dời
Sự duyên thì đạo khác đời
Lý chơn đời đạo không rời, không xa
Chấp không, chấp có rầy rà
Đến khi vô chấp mới hòa thuận nhau
Sao sao thôi cũng là sao
Sự chi cũng vậy, thế nào cũng xong!
Tâm không, vạn sự đều không
Tâm chơn, vạn pháp thảy đồng quy chơn
Học đòi theo bậc Thánh nhơn
Phải trừ tâm vọng mới huờn bổn nguyên
Vọng tâm là ý tư riêng
Thất tình lục dục một tên khác gì
PHẬT NGÔN

Thường nên kiểm soát hành vi
Khi ăn, lúc nói, đứng, đi, ngồi, nằm
Đừng cho vọng ý phóng tâm
Phải nhờ giới luật buộc cầm khít khao
Tuy không thấy ý chỗ nào
Nhưng khi động tác ý xao ra ngoài
Nếu ai thiền định hoài hoài

Ấy là ý mã bị cai trị rồi
Bằng ai giải đãi buông trôi
Trách sao ý mã chẳng lôi xa đường
Vậy nên hãy ráng kềm cương
Giờ giờ, phút phút phải thường soi tâm
Lặng lờ giữ vẻ trầm ngâm
Tánh dè dặt kín, nết đằm thắm nghiêm
Luôn luôn đôi mắt phải kềm
Đừng hay nhìn liếc kiếm tìm chi chi…
Ngó ngay xuống bước chân đi
Ngó vào tâm trí luôn khi không rời!
Lỗ tai phải để thảnh thơi
Chớ ham nghe ngóng tiếng lời ai ai…
Nghe kinh, nghe pháp, nghe bài
Nghe vào tâm trí đặng hay sửa mình
Mũi thường phải ngửi mùi thanh
Ấy mùi đạo lý thơm lành hương đưa
Ngửi lâu càng mến càng ưa
Ngửi vào tâm trí để ngừa nhiễm ô!
Lưỡi dầu phải nếm vị thô
Cũng đừng chê trách, thích đồ cao lương
Nếm là nếm vị chơn thường
Nếm bằng tâm trí tỏ tường nghiệm suy
Thân như xúc đối thức chi
Tay chân kiềm chế trong khi đụng sờ
Sờ thiên lý, nắm huyền cơ
Sờ chừng tâm trí xem hờ kẻo quên
Ý đừng vọng tưởng rối ren
Thường năng quán xét nhơn duyên tao phùng
Tưởng suy tham cứu tột cùng
Tưởng gom tâm trí tập trung điển lành!
Phàm trong sự thể tu hành
Đừng buông cái ý tung hoành tự do
Bước đầu bổn phận làm trò
Cả thân tâm trí dâng cho người thầy
Mặc người uốn nắn chuyển xoay
Đặng mình diệt hẳn riêng tây ý xằng
PHẬT NGÔN

Sống chung Giáo hội chư Tăng

Không còn tự ý mới năng thuận hòa
Đừng làm trái ý người ta
Cũng đừng tự ý kiêu sa của mình
Mới mong thực hiện hòa bình
Nhờ nơi Giáo pháp chương trình in khuôn
Chẳng ai ý lộng, tâm buông
Mỗi người nắn đúc, tròn vuông thành phần.

NHẪN

1. Tục rằng no quá mất ngon
Và khi giận quá mất khôn thành khờ
Lửa xông đôi mắt đã mờ
Trắng đen phải quấy, bấy giờ thấy đâu
Khôn phân nghĩa nặng, tình sâu
Không rành sự cảnh, đuôi đầu làm sao
Con tâm đã lánh đường nào
Mà con ma giận nhập vào đó thôi
Đánh Nam, dẹp Bắc một hồi
Múa men nào kể đất trời là chi
Người sầu, vật khóc lâm ly
Rõ ràng một cảnh A tỳ gớm ghê
Đau lòng xót mắt mọi bề
Mà người gây thảm chớ hề có hay
Đứng xa trông thấy thương thay
Lửa lòng bốc ngọn, ai tài chữa chuyên!
2. Một cơn nóng giận không hiền
Khói sân tím ruột, lửa phiền cháy gan
Hại lây lắm kẻ vô can
Hỏa tai một trận, khổ nàn biết bao
Gió lên, ngọn lửa càng cao
Bao nhiêu sự nghiệp đổ nhào như chơi
Phật xưa có dạy mấy lời
Rằng: “Rừng công đức một đời trồng gieo
Lửa sân nổi dậy đốt thiêu
Như chim mất cánh, như diều đứt dây”
Hỡi ai! Nghe mấy lời này
Có nên tiếc đám rừng cây chăng là?
Có nên dẹp lửa cho xa?
Có nên nhẫn nhục cho qua tháng ngày?
Có nên lấp mắt, ngơ tai?

Có nên niệm Phật hoài hoài hay chăng?
PHẬT NGÔN

GIỚI
1. Nhịn nhường là giới đầu tiên
Kìa chư Phật vẫn thường khuyên ta hoài
Kẻ mong lìa bỏ trần ai
Mà còn phiền giận, thật ngoài chữ tu.
2. Người lanh mắt khác phàm phu
Vượt qua vực thẳm, hố sâu dễ dàng
Kìa Phật Thánh thoát trần gian
Cũng nhờ qua khỏi con đàng chông gai.
3. Giữ giới hạnh chớ lầm sai
Nói hành, tật đố tránh hai tánh này
Hằng gìn bổn nguyện đủ đầy
Thích nơi thanh vắng, am mây tu trì.
4. Xét dò kẻ khác làm chi
Hạnh ta, ta giữ cho y mới là
Cũng như lấy mật trong hoa
Con ong có phá màu hoa bao giờ.
5. Cái tâm chớ để bơ thờ
Phải dùng giới buộc, phải nhờ luật vây
Kết gom hạnh đức đủ đầy
Nhiễu nhương phiền não từ đây xa lìa.
6. Điều lành hãy gắng làm bia
Lánh xa điều ác phân chia hai đường
Để tâm trong sáng như gương
Chẳng màng sự thế, chẳng vương bụi trần.
7. Hãy gìn lời nói là cần
Giữ cho tâm ý lần lần thanh bai
Chớ làm một việc đơn sai
Là theo chánh đạo Như Lai lưu truyền.
HUỆ
Trí thần sáng chiếu thế gian
Trừ tiêu tiếng khổ, phá tan bóng mờ
Sông mê đã vượt khỏi bờ
Soi ra ngũ uẩn, một giờ thành không
Tai ương nạn khổ thoát vòng
Này đây cái sắc, cái không khác gì
Sắc không, không sắc đó chi

Chịu ưa, tưởng nhớ, hành vi, thức tình
Thảy đều một thứ như in
“Uẩn” từ “không” đến, “không” sanh“uẩn” về
Này là các pháp chấp nê
Vốn không có tướng nào hề diệt sanh
PHẬT NGÔN

Chẳng dơ, chẳng sạch khó rành
Chẳng thêm chẳng bớt, thôi thành hư không
Vậy nên cái sắc bông lông
Thọ, tưởng, hành, thức cũng đồng thế ni
Mắt, tai, mũi, lưỡi có chi
Tính chung thân, ý cũng y một chiều
Sắc, thinh, hương, vị mỹ miều
Kể luôn xúc, pháp cũng đều không ngơ
Sự nhìn của mắt chết trơ
Sự nghe, sự ngửi lặng lờ giác quan
Lưỡi này sự nếm khô khan
Thân này xúc động, sá màng chi chi
Ý kia đã dứt nghĩ suy
Bao nhiêu cái thức chung quy chẳng còn
Vô minh đâu có sinh tồn
Vô minh cũng chẳng hao mòn mất đi
Cái già, cái chết thấy chi
Pháp nào tận diệt, ai bi chết già?
Bốn bề thanh dịu bao la
Khổ, tập, diệt, đạo cũng xa mấy vòng
Đến đây cái trí không không
Có chi là đắc, mà mong cho thành?
Bởi không có đắc riêng mình
Thế nên Bồ tát, tâm tình không ngăn
Nương theo trí huệ vô ngằn
Không còn sợ hãi, băn khoăn cảnh đời
Đảo điên mộng tưởng xa rời
Không còn ưa thích nghỉ ngơi Niết bàn
Ba đời chư Phật khắp tàng
Nương thuyền trí huệ mà sang bến bờ
Quả linh hiển đắc kịp giờ
Chánh đẳng chánh giác tôn thờ không trên
Cho hay trí huệ tảng nền

Ai mà thấu nhập trở nên phép thần
Oai to, lực rộng sáng ngần
Phép nào cao cả dám cân phép này
Năng trừ các thứ nạn tai
Rõ ràng chơn thật chẳng sai ngoa lời
Bến bờ trí huệ rộng khơi
Buông ra muôn tượng, gom thời một câu
Độ đi, độ khắp đâu đâu
Độ cho giác ngộ, chóng mau viên thành
Vật chi nếu có tướng hình
Thảy đều hư mộng, vọng tình bông lông
PHẬT NGÔN

Bằng xem tướng có là không Nhận ra đức Phật khắp trong cảnh tình

***

Nếu ai chấp có biết mình
Biết người cũng biết chúng sanh kia là
Lại thêm mạng số biết tà
Phải đâu Bồ tát vượt qua lưới mành
Nếu xem Phật ở tướng xinh
Lại nghe Phật ở âm thanh dịu dàng
Thì ra kẻ ấy lạc đàng
Như Lai chơn tánh có tàng chi chi
Những là các pháp hữu vi
Giống như mộng ảo, khác gì huyễn thôi
Tựa hồ bọt nước dòng khơi
Mảnh hình ảnh giả, chút hơi sương tàn
Thoáng qua chớp nháng lẹ làng
Phải nên soi sáng, hiệp tan đó là!
Cái tâm đã biết vừa qua
Vốn thành quá khứ chạy xa lạc loài
Cái tâm vừa biết đương nay
Thì tên hiện tại, nào ai thấy nào
Cái tâm chưa biết về sau
Vị lai chẳng có ước ao chi mà.
Kính lạy Ta bà thế giới Thích Ca Mâu Ni Phật.
(3 lần)
CẦU NGUYỆN TRAI TĂNG
Nay tín chủ lòng thành phát nguyện

Lễ cúng dường phụng hiến chư Tăng
Sắm sanh vật uống, thức ăn
Thuốc men, mùng chiếu, áo chăn cúng dường
Là tứ sự thông thường mọi việc
Sắp gom vào một việc trai tăng
Lễ này vốn lễ cầu an
Hiện tiền phụ mẫu được ban phước nhiều
Và cũng lễ cầu siêu báo bổ
Trong Cửu huyền Thất tổ từ xưa
Được nhờ ân đức móc mưa
Tiêu diêu khoái lạc phước thừa sanh Thiên
Cùng nội ngoại hai bên cật ruột
Tổ tông đồng quyến thuộc lục thân
PHẬT NGÔN

Kẻ xa cho chí người gần
Thảy đều thọ hưởng phước phần vẻ vang
Lòng tin tưởng trong hàng Tăng chúng
Bủa đức lành mưa phún phước rơi
Từ bi thương xót cứu đời
Ra ơn chú nguyện như lời cầu xin
Vậy gom cả tâm linh hòa nguyện
Phước lành này phổ biến thế gian
Chúng sanh khắp cõi các hàng
Siêu vòng nghiệp chướng thoát đàng trầm luân
Xứ xứ thảy thấm nhuần đạo đức
Người người đều ra sức cần tu
Mưa hòa gió thuận êm ru
Trăm nhà phước lạc muôn thu thái bình
Địa ngục bớt thảm hình thống khổ
Ngạ quỷ thường được chỗ siêu lên
Súc sanh vượt cõi thấp hèn
Theo duyên tiến hóa đua chen lần lần
Đường thiện đạo chư thần cải dữ
Cõi nhơn người biết xử khoan dung
Nhịp nhàng theo lẽ sống chung
Chư Thiên hòa hiệp thảy đồng yên vui
Mớ vật chất lấp vùi hố thẳm
Nẻo tinh thần bước giẫm lên cao
Thánh vương phải mặt anh hào

Hiền thần đức hạnh thanh cao dạy đời
Dân lành biết giữ lời khuyến nhủ
Chỉ chuyên lo chăm chú tu hành
Không người giàu có ỷ mình
Không người nghèo khổ, ghét ganh, khích hiềm
Chốn tù tội ngày đêm trống vắng
Nạn điên khùng mất hẳn hôn trầm
Ăn xin, đui, điếc, què, câm
Bao nhiêu những cảnh thương tâm chẳng còn
Núi xương trắng mau mòn thán oán
Biển máu đào chóng cạn thù hằn
Bầu trời độc khí tiêu tan
Mùi hương bác ái thơm lan khắp cùng
Chúng sanh biết tôn sùng Phật pháp
Tiếng kệ kinh lấn áp lợi danh
Ai ai lánh dữ về lành
Bến mê Đông độ đổi thành Tây phương
PHẬT NGÔN

Không còn phải vấn vương tứ khổ
Nỗi khổ sanh đến độ khổ già
Khổ đau oằn oại rên la
Ngặt nghèo khổ chết, xót xa bi sầu
Kỉnh đức Phật nhiệm mầu đạo chánh
Trọng chư Tăng khổ hạnh công dày
Quý yêu Pháp bảo bực thầy
Biết cây đuốc sáng hiệp vầy nương theo
Kẻ sống chớ giàu nghèo xao xuyến
Người thác đừng lưu luyến tríu mê
Sanh giả không, tử giả không hề
Sống nương cõi tạm, thác về quê xưa
Vong linh được cải chừa nghiệp dữ
Giữa ngày này tứ sự cúng dâng
Là ngày tín chủ trai tăng
Cầu siêu nghiệp tội vong nhân bấy chầy
Được thọ hưởng đủ đầy phẩm thực
Lại chi dùng phước đức dồi dào
Thêm nghe nhạc Pháp thanh tao
Vội vàng thức tỉnh xôn xao quy đầu
Lối tham chấp từ lâu được giải

Nợ buộc ràng oan trái dứt tiêu
Cất mình bay nhẹ cao siêu
Thung dung khoái lạc, tiêu diêu thanh nhàn
Người hiện tại bình an thơ thới
Sức khỏe tăng, phấn khởi tinh thần
Sống lâu, tuổi thọ thêm phần
Trí thông, huệ sáng, sắc thân tốt màu
Ý nhiệm mật, giồi trau đức hạnh
Mắt tinh vi theo chánh bỏ tà
Đoan trang mặc áo nhu hòa
Ngồi tòa thanh tịnh, vào nhà Từ bi
Học thấu suốt huyền vi phép nhiệm
Diệt tâm phàm vọng niệm chẳng sanh
Tập trung tư tưởng điển lành
Hào quang rạng chói chung quanh đỉnh đầu
Bồ đề nguyện đạo mầu chứng đắc
Bồ tát thân dìu dắt thế trần
Trang nghiêm thị hiện oai thần
Độ trong sanh chúng tinh cần chuyên tu
Người người biết công phu thiền định
Dưỡng tinh thần thanh tịnh tự nhiên
PHẬT NGÔN

Cõi đời biển ái lặng yên
Sông mê trong vắt não phiền còn đâu
Chúng sanh thảy quay đầu bến giác
Kẻ sống vui, người thác nhẹ nhàng
Đàn na tín thí công ơn
Phước điền rộng đức, huệ sơn cao tài
Hữu tình vốn nhơn loài động vật
Vô tình là cây đất bao đồng
Thảy đều đắc quả thành công
Cả nên Phật đạo hiện trong kiếp này.
Kính lạy cõi Tăng già Tây phương giải thoát. (1 lần)
Kính lạy cửa Khất sĩ đường Như Lai. (1 lần)
Kính lạy chư Phật Pháp Tăng mười phương ba đời.
(3 lần)
KINH PHƯỚC THÍ
Thành kính là phước báu
Quên mình là cội phước

Phước là sự Bố thí
Cầu xin cho tín chủ mau đến quả Trì giới.
Phước thí là con đường Nhẫn nhục
Cầu xin cho tín chủ mau đến quả Thiền định.
Phước thí là con đường Tinh tấn Cầu xin cho tín chủ mau đến quả Trí huệ. Phước thí là con đường Vô lậu Cầu xin cho tin chủ mau đến quả Chơn như. Phước thí là con đường Giải thoát Cầu xin cho tín chủ mau đến quả An lạc. Phước thí là hạng Người, Thần, Trời Cầu xin cho tín chủ mau đến quả Niết bàn. Phước thí thuận xuôi theo nguồn chơn lý, là sự gieo trồng giống lành vào ruộng phước. Phước thí sống lâu, sắc tốt, yên vui, sức mạnh và trí huệ. Phước thí sẽ giàu sang, quan quyền, vua chúa, sự sung sướng thanh nhàn của cõi trời. Phước thí là bến bờ núi báu, cù lao châu ngọc, lầu đài, xe cộ, của quý, cõi sống no vui. Phước thí là hạnh phúc cao thượng, trong sạch, yên lặng, sáng suốt và chơn không. Phước thí là chơn Phật, thân Thánh, đầu người, nhơn từ, quảng đại, lễ hiếu, thiện nền. Cầu xin cho tín chủ phát lòng không trên, Chánh đẳng Chánh giác thêm lên.

PHẬT NGÔN

Trời Thần kỉnh phục, Tiên Thánh mến vì.
Chư Phật vừa lòng, gương lành đáng kể.
Phước huệ gồm thâu, ý nguyện toại cầu.
Phiền não đoạn tuyệt, ô nhiễm tránh xa.
Cúng thí là người Bồ tát
Cầu xin cho chư Bồ tát mau đến quả Như Lai.
Cúng dường nơi Tam bảo
Cầu xin cho tín chủ mau đến quả Phật Pháp Tăng.
BÀI THỌ BÁT
Bát cơm ai sắm cực lòng
Ta ăn phải nhớ tầm công ơn người
Vì nguồn sống phải mượn hơi
Cũng như chén thuốc chữa nơi bịnh tình
Ráng tu trước độ thân mình
Sau lo độ tận chúng sanh mê lầm
Thức ăn này từ đâu đem đến
Phải chăng vì người mến đạo lành?
Thương ai chín chắn tu hành
Thảo lòng, nhịn miệng, kỉnh thành, cúng dâng
Tay thọ lãnh, bâng khuâng tự nghĩ
Đức hạnh mình thọ thí đáng không?
Món vay, món trả phải đồng
Người dâng vật quý là mong phước lành

Ngăn tham luyến, không sanh lòng quấy
Dứt lỗi lầm chẳng thấy miếng ăn
Lẽ nào tập tánh khó khăn
Chiều theo khẩu nghiệp, tự trăn trói mình
Cơm như món thuốc linh chữa bịnh
Ta người đau phải tính phương châm
Tạm dùng nhưng chẳng luyến tâm
Đã không tham nhiễm nào lâm tội tình
Giờ thọ thực nhắc mình tinh tiến
Lập đạo thành chí nguyện mới thành
Độ rồi cả thảy chúng sanh
Cũng như thọ hưởng phước lành hôm nay.
LUẬT KHẤT SĨ

BÁT ĐẤT Bát phải bằng đất, hông tròn sáu tấc, miệng rộng, đốt đen, lăn sáp bên ngoài. Một cái nắp đậy bát bằng nhôm trắng nhẹ. Lại phải có một cái túi vải tròn vừa với bát, túi có nắp phủ, có quai một tấc bề ngang, còn bề dài khi mang choàng vào vai trái thì miệng túi bát phải ngang dây lưng chăn. Túi nhuộm một màu với y (màu vàng sậm).

Y VÁ a) Y thượng bá nạp, phải bằng vải cũ hoặc vải vụn đâu lại. Không được may vải vụn đủ bông, đủ màu rằn rực sặc sỡ; phải may bằng vải trắng, vải vàng, hoặc những thứ lợt màu, để có thể sau khi may rồi, nhuộm cho tiệp màu vàng sậm (cấm dùng vải chỉ bằng tơ, lụa, hàng nỉ, nhiễu, len, tố cẩm tự… đồ vật của sanh mạng; cấm dùng màu đen, trắng, xanh, tím, đỏ, vàng... màu tươi tốt). Y thượng bề dài 2m70, bề ngang 1m80, mặc vấn. Nếu y của Sa di vải nguyên, bằng y của Tỳ kheo thì bá nạp, thêu bìa dọc dài 0m10, bìa ngang 0m15 (là 3m x 2m). Khi ra đường, vào nhà xóm mặc y vấn tràng.

b) Y hạ vải nguyên, bề dài 2m, bề ngang 1m, may dính lại, thành ra vuông vức 1m2. Bìa trên 0m10, bìa dưới 0m05, nhuộm màu vàng sậm theo y thượng (Tăng mặc xếp, Ni mặc dún rút; Tăng mặc nửa ống chơn, Ni mặc ngang mắt cá cổ chơn). c) Y trung vải nguyên, bề dài 2m, bề ngang 0m70, không may bìa. Kết mỗi bên hông một nút quai thắt. Nhuộm màu vàng sậm theo y thượng và y hạ, mỗi khi giặt phải giặt một lượt 3 cái, không cho bay màu khác nhau (có thể y trung này màu sậm, hoặc lợt hơn y thượng và y hạ một chút ít cũng được). Nhuộm bằng thuốc màu, hoặc vỏ trái măng cụt sống, vải giặt sạch hồ, nhúng phơi 4 nước chớ đừng ngâm (khi mặc vào chừa cánh tay mặt). Y trung của Ni lưu bề dài 1m, bề ngang (kích) 0m70, tay 0m85, ống tay 0m20, đinh, lai, bâu 0m02, nút quai thắt, phải có may xương sống và vai vuông. Y thượng: Phải mặc một cái một, mỗi năm đổi một lần vào ngày Rằm tháng Bảy. Hoặc ai muốn chỉ giữ một cái cũ, mặc vá trọn đời cũng được. Y hạ: Có thể cho một cái mới, mỗi năm đổi một lần vào ngày Rằm tháng Bảy, và giữ thêm được một cái cũ để thay đổi. Mỗi khi đi ra đường phải mặc cái cũ ở trong, cái mới ở ngoài đặng cho tiệp màu với y thượng. Trong lúc đêm hôm, mặc ngủ, cùng khi làm việc dính dơ, nên mặc

LUẬT KHẤT SĨ

dùng cái cũ. Hoặc như ai muốn mặc một cái thì càng tốt, chớ cấm tuyệt đối không cho có đến ba cái hạ y, hoặc hai cái mới hết. Y trung: Mỗi năm đổi một cái mới vào ngày Rằm tháng Bảy và còn giữ được một cái cũ. Cấm ba cái, hoặc hai cái mới hết. Phải mặc cái cũ phía trong, cái mới phía ngoài cho tiệp màu y thượng và y hạ. Hoặc chỉ mặc thường một cái cũ cho hư trước, cái mới ít mặc đặng lâu hư. Ai mặc được một cái càng tốt (Ni lưu có được hai bộ y hộ thân riêng và một cái túi nhỏ, bề dài 0m30, bề ngang 0m25). Khăn lau: Bề dài 0m60, bề ngang 0m30, vải nguyên, màu vàng sậm. Khăn, túi và tam y phải một màu vàng sậm. Choàng tắm: Bề dài 2m, bề ngang 0m85, nếu dùng choàng tắm thì không dùng y trung, y hạ cũ. Với một cái muỗng nhôm, một bàn chải chà răng cán bằng cây, bằng cao su (chớ không được bằng sừng, xương, ngà, đồi mồi) và một con dao cạo tóc, một ống đựng kim chỉ, vải vá, một bộ đồ lược nước uống, một cái lon uống nước bằng nhôm là đủ bộ phận của nhà sư (đồ này với giấy đạo thảy để hai bên trong túi bát). Bậc Sa di hoặc Thinh văn, hay có sắm thêm một cái túi nhỏ để kinh sách và bài học. Nhằm khi đi du hành xa, nơi xứ muỗi nhiều, các sư ấy cũng đem theo mùng, nên túi riêng này: bề dài 0m40, bề ngang 0m10, bề cao 0m30, nắp

phủ 0m20. Mùng túi này ai không có cũng được (Ni lưu có một túi nhỏ riêng để kinh sách). Mùng của nhà sư: Bề dài 2m, bề ngang 0m70, bề cao 1m. Mặt giường nằm của nhà sư: Cũng y như nóc mùng, bề dài 2m, bề ngang 0m70, bề cao 0m40. Ghế nhà sư ngồi: Cũng không cao quá 0m40, khi ngồi thòng chơn, gót vừa đụng đất. Cốc nhà sư ở: Bề dài 3m, bề ngang 2m, cột 2m50 cất khiêng, lót sàn 0m30. Chỗ ở phải xa nhà bá tánh ít nhất là một trăm thước. Phải ở vườn rừng, không được ở núi, chợ xóm. Nhà sư phải đầu trần, chân không, mặc y chừa cánh tay mặt. Trừ khi bệnh yếu, được dùng guốc cây, dép mo, che dù vải vàng, đội mũ vải, hoặc khăn vải vàng, mặc y thượng trùm kín, hoặc y trung che kín hay phủ ngược (không được ở trần). Mền, ngọa cụ, tọa cụ, gậy, đồ vật dùng trong khi dưỡng bịnh uống thuốc, khi mạnh rồi phải bỏ hết, giữ giới luật thanh bần đơn giản lại như cũ, như hồi chưa đau. Chẳng đặng mặc, mang đồ vật theo cách người bịnh mà vào tịnh xá lễ Phật, nghe Pháp, hầu thầy, lại gần Pháp tháp, nhóm họp, đọc giới, sám hối, đi đường. Không mưa, không bịnh, thì chẳng đặng ăn ngủ trong cốc. Chớ ngủ hai đêm một gốc cây. Chớ ăn hai lần một chỗ ngồi.

LUẬT KHẤT SĨ

Người bịnh nếu có ai hộ cho đồ ăn buổi sáng thì được ăn. Nếu bịnh nặng, không độ được buổi cơm trưa, thì được độ dùng buổi cơm chiều, khi có ai dâng cho. Người bịnh tốt hơn là để tâm mình thanh tịnh, những kẻ khác phải lo nuôi sóc người ấy. Vị sư điều dưỡng có thể khỏi đi xin và được ăn dùng buổi sáng khi có đồ ăn dư nhiều. Còn tất cả các sư đều phải ăn độ một bữa ngọ trưa. Đi xin, đồ chay, hoa trái, rau cỏ mà thôi. Giáo hội Tăng thì đi du hành khắp xứ, nghỉ tạm nơi các vườn, rừng, tịnh xá, nhà mát, cốc lều làm che tạm. Không nhận tiền, bạc, vàng. Không nấu nướng, tích trữ vật thực. Mỗi vị sư bịnh, khi thiệt mạnh rồi, không tích trữ để dành thuốc. Trong xã hội, cư gia có đủ hội phước thiện để hộ pháp cho chư Tăng và giúp đỡ bá tánh, kẻ cô độc về tứ sự: sự ăn, sự mặc, chỗ ở, khi bịnh, nếu là một xứ có đạo; và như vậy, trong mười người có một người xuất gia Khất sĩ, ba người tại gia cư sĩ, ba người thiện, ba người ác. Thành ra một

trường học có ba lớp cho người ác bước lên. Mỗi lớp có đủ chi nhánh giáo phái, càng nhiều càng hay, chúng sanh tất cả đều có học, biết rõ mục đích chung là tiến đến sự sáng suốt, hiền lương và khỏi khổ. Muốn hết khổ phải dứt bỏ tham, sân, si thì ý mới định. Ý định là Niết bàn.

Muốn vậy phải xuất gia Khất sĩ, giải thoát khỏi tứ sự: ăn, mặc, ở, bịnh. Sống như ông già không giống tuổi trẻ. Ta xin vật chất để nuôi thân, người xin tinh thần để nuôi tâm. Cõi đời mà chúng sanh biết xin lẫn nhau để sống cả thân tâm là xứ Cực lạc. Hơn là để nhồi sọ lẫn nhau bằng các cái xin của bóc lột, cái xin đàn áp xảo trá, không phải tự người vui lòng cho, không phải thiện. Nếu không đi xin thì không bao giờ hết tham, sân, si tội lỗi

TỨ Y PHÁP 1. Nhà sư khất thực: Phải lượm những vải bỏ mà đâu lại thành áo, nhưng có ai cúng vải, đồ cũ thì được nhận. 2. Nhà sư khất thực: Chỉ ăn đồ xin mà thôi, nhưng ngày hội, thuyết pháp, đọc giới bổn, được ăn tại chùa. 3. Nhà sư khất thực: Phải nghỉ dưới cội cây, nhưng có ai cúng lều, am nhỏ, bằng lá một cửa thì được ở. 4. Nhà sư khất thực: Chỉ dùng cây, cỏ, vỏ, lá mà làm thuốc trong khi đau, nhưng có ai cúng thuốc, dầu, đường thì được dùng. Không tự lấy để trừ tham. Không tự làm để tránh ác. Uống hỏi xin nước, nằm hỏi xin đất. Ăn hỏi xin lá, trái; ở hỏi xin cốc, hang. Không ngắt lá cây, không bẻ

trái, phải lượm xin. Ăn quả chừa hột, đừng bứng gốc (không xin thái quá), không dùng đồ vật về sanh mạng của thú, người. Dứt tham ác thì sân si vọng động chẳng phát sanh.

MƯỜI GIỚI TẬP SỰ SA DI 1. Cấm sát sanh 2. Cấm trộm cắp 3. Cấm dâm dục 4. Cấm nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi. 5. Cấm uống rượu, tham lam, sân giận, si mê. 6. Cấm trang điểm phấn son, dầu hoa, áo quần hàng lụa tươi tốt. 7. Cấm nghe, xem hát, múa, đờn, kèn, yến tiệc vui đông. 8. Cấm ngồi ghế cao, nằm giường rộng chiếu lớn xinh đẹp. 9. Cấm ăn sái giờ từ quá ngọ đến ngọ mai (phải ăn chay). 10. Cấm rớ đến tiền, bạc vàng, của quý, đồ trang sức. Sống theo lẽ một: ở một mình, ăn một bữa, mặc một bộ áo, ngày học một lần, làm một việc, nói một lời, đi một đường, một cái bát, ngồi nằm chỗ một người (ngày lạy một lần...).

Ngoài Tứ y pháp và mười giới (hoặc 250 giới luật nghi), không còn có đạo Niết bàn nào thứ hai nữa cả.

CÕI NIẾT BÀN

Giới bổn Luật nghi (Tỳ kheo 250 giới)
A. BẢY LỚP LAN CAN BÁU (Thất tụ giới)
1. Bốn đại giới (trục xuất) 4
2. Mười ba giới tổn hại Tăng tàn (giáng cấp) 13
3. Hai giới không định 2
4. Ba chục giới phá sự thanh bần (cấm phòng sáu bữa) 30
5. Chín chục giới hành phạt (quỳ hương) 90

6. Bốn giới đặc biệt (xưng tội xả đọa) 4
7. Một trăm giới nhỏ phải học (sám hối) 100
Cộng: 243 giới
B. BẢY LỚP LƯỚI BÁU (Thất định pháp)
8. Bảy pháp diệt tránh (giới giải hòa) 7
Cộng: 250 giới
C. BẢY HÀNG CÂY BÁU: Thất giác ý (Thất Bồ đề)
1. Phân biệt sự lành với sự dữ
2. Tinh tấn mà lướt lên
3. An lạc trong vòng đạo đức
LUẬT KHẤT SĨ

4. Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành
5. Nhớ tưởng đạo lý
6. Nhứt tâm đại định
7. Vui chịu với mọi cảnh ngộ
(Muốn biết rõ hơn, hãy xem Giới bổn).
NIẾT BÀN THỜI KHẮC BIỂU
TRÚ DẠ LỤC THỜI
1) 5 giờ tới 6 giờ sáng: Thiền định
2) 8 giờ tới 9 giờ sáng: Khất thực
3) 11 giờ tới 12 giờ trưa: Thực thời
4) 3 giờ tới 4 giờ chiều: Thuyết pháp
5) 6 giờ tới 7 giờ chiều: Thiền định
6) 12 giờ đến 1 giờ khuya: Thiền định.
GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ

a) Một Tăng hay một chúng là 4 vị sư. b) Một Tiểu Giáo hội Tăng già là 20 vị sư. c) Một Trung Giáo hội Tăng già là 100 vị sư. d) Một Đại Giáo hội Tăng già là 500 vị sư. Trong đó chỉ có một chức Khất sĩ mà thôi, chớ không có phân chia giai cấp chi cả. Những ai đắc quả A-la-hán, hay Bồ tát, có trí huệ, đạt quả linh, đức hạnh lớn, thì được người ta tôn trọng. Trong đạo không có tính tuổi lớn, nhỏ, nhiều, ít, theo đời. Tùy theo kẻ xuất gia sau trước, kể từ ngày quy y thọ giới, thì giáp năm tính là một tuổi. Bởi kẻ chết bên đời, sanh qua bên đạo, chết bỏ cõi ác, cõi thiện mà sanh vào trong đạo giải thoát, nên tính theo tuổi giải thoát thôi. Người mới xuất gia nhập đạo, phải theo thầy, ở chung trong Giáo hội 2 năm, kế đi tách riêng một mình 2 năm nữa. Trên 4 năm được thâu một người tập sự. Trên 6 năm mới được thâu nhận một đệ tử và một người tập sự. Được trên 12 năm tách ra đi lập đạo riêng, dạy số đông. Trên 6 năm gọi là Đại đức. Trên 12 năm gọi là Trưởng lão. Hai bậc này phải có đủ đức hạnh do Giáo hội chứng

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ

minh cho phép. Trong Giáo hội, ai lớn tuổi đạo được đứng, đi, ngồi trước; ai nhỏ tuổi đạo phải theo sau. Từ khi Giáo hội đã được đủ 20 vị rồi, thì những ai xuất gia sau này phải tập sự với một vị sư trong 2 năm. Ở trong giữa Giáo hội, kêu gọi là nhập thai trong bông sen (chính hoa sen là Giáo hội Tăng già, là ngôi vị của đức Bồ tát hay Phật, là Giáo chủ. Giáo hội Tăng già lớn gọi là tòa sen lớn). Sau 2 năm tập sự đủ nết, hạnh thanh tịnh và thiện căn phước đức nhơn duyên mới cho thọ quy giới, nhập chúng sau hàng Khất sĩ, bấy giờ mới được gọi là bình đẳng). Trong đạo: Các sư chỉ làm thầy đỡ đầu, tiếp dẫn, truyền giới, chứng minh tạm cho mỗi vị mới xuất gia, chớ chúng sanh là bình đẳng, không có danh quyền chi cả. Người tập sự phải từ 18 tuổi sắp lên và từ 20 tuổi mới được thọ giới Khất sĩ 250 giới. Chứng minh cho một người tập sự phải có đủ 4 vị sư trên 2 năm. Và khi cho thọ giới Khất sĩ phải có đủ một tiểu Giáo hội 20 vị sắp lên, chứng nhận minh bạch, thiếu một vị cũng không được. Khi đó, phải có một vị sư đứng ra giới thiệu, xin giùm với Giáo hội, một vị sư truyền thọ quy giới cho, và phải có một vị Đại đức hay Trưởng lão, Thượng tọa đứng ra bảo đảm dạy dỗ. Lúc ấy, tất cả Giáo hội đều phải ưng thuận hết; nếu có một vị sư bất bình thì sẽ không được thâu nhận. (Ni lưu, cách thâu nhập đạo cũng y như Tăng, mà mỗi khi thâu nhận một người tập sự, phải trình diện với một

Tăng (4 vị) liền trong lúc ấy. Cho thọ giới một nữ Khất sĩ, phải do Giáo hội Tăng xem xét mới được). Trẻ nhỏ dưới 18 tuổi không được thâu nhận cho tập sự, vì đạo Phật là đạo Giác ngộ, của bậc già đủ trí. Đúng phép của sắc thân, thì người 48 tuổi là tuổi tập sự; 50 tuổi là tuổi xuất gia, Thinh Văn; 54 tuổi là tuổi du hành, Duyên Giác; 60 tuổi là tuổi làm Bồ tát; 66 tuổi là tuổi đi giáo hóa cả chúng sanh; 72 tuổi là tuổi Như Lai Niết bàn nín nghỉ. Người xuất gia nhập đạo cũng giống như gia đình, xã hội cõi thế. Chính Giáo hội Tăng già mới là một đại gia đình hạnh phúc, một đại xã hội hiền lương. Chính Giáo hội Tăng già là giáo lý muôn năm, cõi sống của những ông già kinh nghiệm không còn tư riêng nhỏ hẹp, sống với cả chúng sanh chung, từ bi trí huệ, thanh tịnh trang nghiêm, đức hạnh đầy đủ. Giới luật Tăng già là miếng đất Tịnh độ, xứ an lạc của mỗi vị Phật; nơi đó thâu, chứa, rước, độ chúng sanh, dạy tu cho mau đắc quả! Cõi ấy dầu bao nhiêu, nhiều ít, ai ai cũng không có sự tranh cãi rầy rà, ai nấy tự lo tu học lấy mình, không hay dòm ngó, không có danh lợi chen đua, khi đã thấu lý đạo rồi, thì lại xót thương muôn loại mà chẳng còn sở chấp riêng mình. Người người đều biết hạ mình tôn trọng lẫn nhau trong tâm bình đẳng, hẳn thật yên vui. Từ khi mới theo tập sự với một vị sư, dưới sự đùm bọc che chở của vị sư đỡ đầu, cũng như nhập thai trong hoa sen có được pháp danh thọ ký. Đến khi được xuất

gia thọ giới là mới sanh ra trong giữa tòa sen. Thầy đỡ đầu như mẹ, thầy tiếp dẫn là cha, kế đó Tăng chúng như quyến thuộc chủng loại. Nhờ đó được lớn lên Đại đức, có đệ tử như con, thành Trưởng lão là già, lập đạo giáo riêng là gia đình, xã hội khác, để dắt dẫn cả chúng sanh chung. Ấy mới là gia đình, xã hội, thế giới chơn thật vĩnh viễn tốt đẹp, riêng toàn là của những bậc Đại hiền kia vậy. Những ai vào trong giới luật của Giáo hội Tăng già rồi, thì chẳng bao lâu sẽ bổ xứ đi làm Phật, giáo hóa chúng sanh ở

những nơi khác nữa. Vào đó, không còn ai muốn thối chuyển trở ra để làm chúng sanh. Chính giới luật là xứ Phật, gương sen! Những ai đã được ở vào trong ấy, không còn lo sợ dính dơ bùn bụi trong giữa cõi trần. Giáo hội Tăng già: Luôn luôn đi du hành, chớ không ở một chỗ quá ba tháng. Khi đi, đi bộ cả Tăng đoàn, để cho được sự học hành khắp xứ, đủ hạng người và quý nhứt là sự giải thoát chỗ ở một nơi, để dứt bỏ tham sân si ái dục dễ dàng, vì chính nguyên nhân của sự giải đãi, mất đức và phạm giới là bởi ở một chỗ vậy. Trừ ra những kẻ già bịnh mới ở lại nghỉ dưỡng nơi tịnh xá và giữ chừng cho Giáo hội sau này có chỗ trở lại. Vị sư ở một chỗ, có bổn phận phải dạy dỗ cư gia, kêu là Bồ tát trụ xứ. Tại chỗ trụ: Trong đó có nhà tịnh xá, xây tháp thờ Pháp của chư Phật quá khứ. Tháp phải mười ba từng (vì đức Như

Lai là ngôi vị thứ 13 của chúng sanh tiến lên từ nấc), tháp phải mở trống bốn cửa. Nơi đó chỉ để kinh sách hoặc cốt tượng Phật. Tháp bề cao 3m, chân rộng vuông 1m80. Tịnh xá phải 8m, vuông bốn phía, hình bát giác. Có nhà giảng thuyết pháp, góc vuông 16m. Có nhà độ cơm nghỉ mát, bề ngang 8m, bề dài 16m (ba cái này gọi là nhà Tam bảo), và có nhà thờ riêng cho cư gia, bề dài 8m, bề ngang 4m. Phía trước, bên trái có nhà thiện nam, bên mặt có nhà tín nữ. Phía sau, bên mặt có cốc nghỉ chơn cho Ni lưu, bên trái có cốc ở của Tăng. Có hồ sen, núi đất, có ao rạch hoặc suối, có cây cao bóng mát gió thanh, xa nhà bá tánh trăm thước, trống trải giữa trời, không trồng bông trái. Xa núi, xa chợ, cảnh giữa vườn rừng, đó mới là thiền định đáng làm chỗ trụ. Đất rộng trăm thước, không thú dữ, xa tôn giáo, tránh binh gia, gần xóm người hiền, tránh xa trộm cướp, chẳng cận đường đi, không xây tường gạch, nóc ngói, chỉ cất dùng cây, ván, lá. Cốc phải lót sàn, xa mồ mả trăm thước. Nhà tiêu hướng Đông-Nam. Nhà tắm phía Tây-Bắc. Nhà bếp để hờ nấu nước, thuốc, phương Đông- Bắc. Chỗ để đồ vật Giáo hội tại Tây-Nam. Mặt tiền Tam bảo ngay phía Tây, lưng trở lại Đông; thiện nam phương Nam, tín nữ phương Bắc. Có cốc Tăng ở chung quanh, có hàng rào cao hai thước làm ranh. Thiện nam, tín nữ, Ni lưu chẳng được nghỉ đêm trong vuông chùa. Cổng rào, sáng 7 giờ mở ra, chiều 5 giờ đóng lại, để yên cho các sư tu tịnh.

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ

Tại chùa: Những ngày 30, Rằm, mùng 8, 23, các sư có nói Pháp cho cư gia, mỗi ngày phải học luật, sám hối, làm công, học Pháp từ 3 giờ tới 4 giờ chiều. Mỗi buổi sáng phải đi khất thực từ 8 giờ đến 9 giờ. Trưa 11 giờ độ cơm và đọc kinh tới 1 giờ; khuya, chiều, sáng lo tu tịnh. Tại chùa: Các sư còn có phận sự phải dạy học chữ Quốc ngữ (Hán Việt và Nôm Việt cho tập sự kém chữ). Hoặc dịch sách, in kinh cho Giáo hội Tăng già đi du hành, và dạy cho bá tánh sự tu tập. Tăng chúng phải giữ thứ lớp trật tự, màu sắc, y bát, đồ đạc cho giống nhau. Những ai muốn đi tách riêng tìm chỗ vắng tu tịnh, phải có lệnh Giáo hội cho phép và xem xét kỹ lưỡng, phải cho được trên hai năm thọ Đại giới, phải có đủ hạnh, phải chịu khổ cực mới được. Kẻ ở trong Giáo hội Thinh văn, gọi là Hữu dư Niết bàn. Kẻ độc thân Duyên giác, gọi là Vô dư Niết bàn. Kẻ bổ xứ giáo hóa lập đạo riêng, gọi là Đại Niết bàn. Đến chơn như yên nghỉ mới gọi là Vô thượng Đại Niết bàn. Người tập sự phải hầu thầy và làm công cho Giáo hội, thờ kính các sư để trau giồi thiện căn phước đức nhơn duyên, vừa để cho các sư xem xét tánh hạnh lâu ngày. Tại chùa,

các sư không đi đám tụng kinh, thỉnh thoảng, vì tình cận sự của cư gia, các sư đến thăm bịnh, để nói

pháp an ủi mà thôi. Khi có trai tăng, cầu siêu, các sư mới đọc kinh chú nguyện. Thường ngày thì các sư đọc kinh cầu nguyện chung cho cả chúng sanh sau buổi cơm ngọ, khi rảnh các sư đọc, học kinh để mở trí tham thiền. Và luôn luôn chú nguyện cho chúng sanh trong mỗi lúc, để mở mang trí huệ và tập tâm từ bi, tinh tấn. Sư trị sự ở tại chùa: Có phận sự phải thâu cất giữ y bát, đồ vật dụng cho Giáo hội, lo sắp đặt chỗ nơi cho các sư ở xa mới tới, và chỉ bảo cách cúng kiến cho cư gia, sắp đặt trật tự cho Giáo hội. Ở tại chùa khi nào có công việc làm nhiều, nên chi ai đem đến dâng đồ điểm tâm sáng thì các sư được dùng, bằng không có là thôi, chớ không tự nấu luộc, không được hỏi xin. Các sư lữ hành đi đường xa khi bịnh yếu cũng được như vậy. Bởi ăn đồ chay thiếu chất bổ, nên chi buổi ăn sáng, nếu có cư gia đem đến hộ, thì các sư cũng được dùng, vì sự ăn chay đi bát ít ai cúng được thức ăn tử tế. Ấy bởi sự bất cập của bá tánh mà phần nhiều các sư chỉ nhận được bánh trái đơn sơ, không đủ sức khỏe cho lâu ngày. Vậy nên buổi sáng không cấm hẳn, nhưng vị sư nào nhịn không độ sáng thì lại tốt hơn, vì để rảnh trí tham thiền. Còn những ai làm công việc nhiều, dùng thêm buổi sáng thì khi nào có mới độ, không thì thôi, chớ chẳng đặng để dành đồ ăn cách đêm. Trong Giáo hội Tăng già: Ở tại chùa phân chia theo ngăn ranh thứ tự:

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ

Tập sự ở theo phía tập sự. Khất sĩ ở chung theo phía Khất sĩ. Chỗ học hành, nghỉ ngơi, tiêu, tắm khác nhau. Ban ngày thì trò nào theo thầy nấy, mỗi trò nhỏ phải có theo một vị sư. Chính giới luật của Giáo hội Tăng già là xứ Tây phương Tịnh thổ, Cực lạc an dưỡng của chúng sanh, là thế giới tinh thần hay viên ngọc quý trong giữa cõi trần, cũng là trường học Ta bà của vũ trụ, chiếc thuyền bè giữa biển, hay nhà an lạc nơi giữa chợ v.v... Trong đó có lan can, lưới, cây quý báu, đạo tràng như ao, pháp Bát chánh như nước, giáo lý như cát vàng, lẽ Chánh đẳng Chánh giác như mặt đất lưu ly, tứ chúng như mé ao, các bậc trí huệ như hoa sen, chơn lý sáng như hào quang, sự giảng giải nói ra như mưa hoa tuôn rưới, cõi sáng rỡ quang minh chánh thiện, không chút đen tối ác tà, tiếng dữ lời thô không còn. Tăng chúng thanh nhã, áo vàng phất phơ bay lượn; cõi êm ái lặng trang, không chó sủa, không mèo kêu, không gà gáy, trên chim hót, dưới cá lội. Nhà không có cửa, ngoài đường chẳng lượm của rơi, không tiền, không gạo; kỳ hoa, dị thảo, bửu quả trổ sanh, cõi bất thối vô sanh, Tăng chúng số trội không lường đếm. Mỗi ngày có gió rung khua là nhơn duyên giảng luận đạo lý, tiếng pháp nhiệm mầu, thanh tao hay diệu, hơn cả

nhạc trời. Bảy bậc giác ngộ như chim nói pháp. Nơi cõi ấy chỉ biết có Phật Pháp Tăng, dân chúng niệm mãi không nhàm, vào đó chỉ lo ăn học, cõi thế sự xa mất biệt hình. Tưởng ăn có ăn, là đúng giờ đến buổi, vừa nhớ ra, là đã có kẻ hộ bát cúng dâng. Tưởng mặc có mặc, là mãn năm áo rách, vừa nhớ ra, là đã đến kỳ đổi y thay áo. Muốn tắm tới đâu có nước dâng lên tới đó, là muốn thấm nhuần đạo lý, tắm nước pháp tới đâu, có người xối dạy, dâng cho tới đó. Người hiểu đặng chơn lý, nhập định hoặc một ngày, hoặc đến bảy ngày, sẽ có thần thông, vào địa vị Phật Thánh khác nào nhờ bậc ấy rước

đưa. Thế cho nên, kẻ đã hiểu ra, mau liền giải thoát, chết bỏ cõi đời, sanh qua nhà Phật. Kẻ đã sanh, kẻ đang sanh, kẻ chưa sanh. Đạo mà có trong đời, thì ai ai rồi cũng sẽ giác ngộ vãng sanh lần, để xa lánh cõi đời ác trược. Còn ai mà chẳng muốn được vãng sanh đến cõi giải thoát trói trăn phiền não của điều thiện ác, là xứ của những bực trong sạch ông già. Những ai muốn xuất gia, trước phải hiểu thông luật đạo, học thuộc lòng Tứ y pháp, mười giới và những bài kinh cúng nguyện, mới được cho vào tập sự, giữ hạnh và tham thiền, sau 2 năm thuộc giới bổn, tinh tấn không phạm giới, tham thiền được ấn chứng và trọn lễ hầu thầy, mới được cho xuất gia nhập đạo. Khi còn tập sự phải học hỏi cho biết tên tuổi, lịch sử của thầy, của vị Giáo chủ, của các bậc Trưởng lão, Đại

đức; phải biết mục đích của mình, tôn chỉ của đạo và phải nhớ ngày mình vào đạo. Nhứt là cần hiểu biết giáo lý của y bát, sự đi xin và ăn chay. Và tại sao mình lìa bỏ cảnh thế? Người nhập đạo phải không bịnh hoạn chi, và phải được trong sạch các nhơn duyên của đời. Phải cho đủ trí, phải hiểu biết các bộ phận trong thân của mình. Khi thọ giới thì phải một lần một người, mau lắm cũng bảy ngày mới cho vào tập sự. Ai muốn xin xả giới về thế cũng phải xả lần từ mười giới, tám giới, năm giới, đủ bảy ngày mới trở ra luôn, và khi trở vào cũng phải thọ giới lần từng bực.

VỀ SỰ ĐI KHẤT THỰC 1) Phép đi khất thực chỉ từ một tới hai người mà thôi, trừ khi nào đến xứ lạ, một hai ngày đầu đi chung cho biết đường sá, đi từ người cách khoảng 2 thước. 2) Khi đi lấy cơm, hoặc đi trai tăng tại nhà cư sĩ thì được đi chung, đi một hàng một, cách nhau 2 thước tây, ai lớn tuổi đạo đi trước, tập sự đi sau. 3) Tại tịnh xá có ban cư sĩ hộ pháp, hoặc có nhiều người xin cúng dường luân phiên giáp ba mươi ngày trong mỗi tháng, thì Giáo hội nếu đông chia ra: phân nửa Tăng đi khất thực, phân nửa Tăng nhận cúng dường trọn bữa ăn.

4) Tốt hơn là mỗi người hàng ngày đều phải đi bát, ban hộ pháp chỉ hộ thêm sau khi đi về. 5) Khi đi khất thực, nếu ai về không kịp ngọ, lỡ quá trưa thì phải độ nơi chỗ vắng, gốc cây, xa đường lộ, phố xá, chợ đông. Phải tránh những chỗ dơ dáy bụi bặm, cấu trược ồn ào, vì thế sẽ làm nhẹ thể pháp Phật. 6) Đi bát không được vô chợ, hoặc đứng phía góc chợ, hoặc chen lấn chỗ đám đông. Nên phải đi vào trong xóm và các đường lộ xa chợ. 7) Mỗi đường có thể đi ba ngày, đi xa không quá ba ngàn thước. 8) Bận đi phải đi luôn, bận về nếu thiếu thì đứng trước cửa từ nhà (ngoài đường, chớ không được vào thềm), mỗi nhà đứng năm ba phút theo thứ tự. 9) Khi bát còn lưng, thì ôm qua tay trái gần trước bụng, lúc đầy rồi phải để vào túi, phủ nắp lại, quảy phía tay mặt, không nhận nữa. 10) Không nhận lãnh đồ vật để trong túi, ngoài bát, hoặc trên nắp bát. 11) Không được nhận tiền, gạo, không được nhận đồ ăn mặn. Khi người đem đến cúng, mình có thể hỏi xem chay hay mặn, đó là gương dạy thiện cho người. 12) Không được đi vào nhà ai, khi đi khất thực. Nếu phải đi viếng ai, hoặc có việc của Giáo hội sai, thì đi lại

ngay nhà người ta trước, bát mang chớ không ôm, bận về mới ôm ra đi xin mà trở về. 13) Không được đứng lại uống nước, hay đại, tiểu khi đi khất thực. 14) Bát nếu ôm trần

thì được nhận, bát mang trong túi cấm thâu nhận. 15) Không được ngó mặt thí chủ, hoặc nói chuyện quá năm sáu câu. 16) Ai có hỏi đạo giữa đường, thì kiếm gốc cây ngồi nói, hoặc hẹn sau khi độ cơm rồi sẽ nói, hoặc mời người đến ngay chỗ ngụ, hoặc để ngày khác người thỉnh cúng dường tại nhà có Tăng đông, có cư sĩ nhiều sẽ nói. 17) Khi đi khất thực, ai muốn cúng hoặc thí gì tự ý, bao giờ người hỏi sẽ chỉ dạy, bằng không thì thôi, chớ chê khen bắt lỗi ép buộc người ta. 18) Nếu biết cơm có dính lỡ đồ ăn mặn, thì khi về phải cho người khác, chớ không được dùng, bằng khi túng ngặt, phải gụt rửa sạch mới được dùng. 19) Khi đi khất thực phải trang nghiêm hòa huỡn, ngó ngay xuống, ngó xa hai thước, chớ ngó liếc hai bên, chớ tìm lóng nghe chuyện người nói, tâm phải niệm Phật. 20) Đừng vừa đi vừa nói chuyện, chỉ chỏ, muốn qua đường quẹo phải đứng lại xoay mình, chớ đừng đi tắt xéo.

21) Mỗi khi có chuyện gì thì phải đứng lại, có ai cúng thì chỉ lại người sau, cho để bát trước. 22) Ngày nào ai đi bát đường nào, phải sắp đặt trước tại chùa, chớ đừng ra đường lộn xộn. 23) Khi đi khất thực, ngoài món ăn ra, không nhận món chi ai gởi hết. Hãy bảo người đem lại các chùa kia. Ai nói gởi cúng Phật thì không được nhận, hãy nói: “Tăng chỉ là người tu đi xin ăn mà thôi”. 24) Đồ ăn rồi nếu còn dư phải cho hết, không được để dành. 25) Đồ khất thực trước phải độ trước. Đồ cúng dường sau phải độ sau. 26) Khi đi khất thực không được chống gậy, mang giày, che dù… Phải mặc y chừa cánh tay mặt, đầu trần, chơn không, phải mặc vấn thượng y trùm kín.

PHÉP ĐI ĐẾN NHÀ CƯ SĨ Tăng đi phải từ hai người sắp lên (Ni đi phải bốn người sắp lên). Không được ở đêm nơi nhà cư sĩ, trừ khi có tai nạn cần kíp, được ở một đêm thôi. (Người xuất gia rồi, chẳng đặng trở về nhà, chẳng đặng biết quyến thuộc riêng, chủng tộc riêng, mà xem tất cả là chúng sanh chung. Người tập sự có thể 3 tháng về một lần, giáp năm về một lần, 2 năm về một

lần. Về ban ngày, mỗi lần chừng hai giờ đồng hồ, đi với bốn vị sư). Chớ dòm ngó đồ vật hai bên, chớ ngó ra phía sau. Phải ngồi ngay giữa, day mặt ngó ra. Khi vào phải có người thỉnh 3 lần: một lần ngoài đường, một lần trong sân và một lần trước cửa. Không có ghế riêng thấp thì chẳng đặng ngồi. Nếu thấy chủ nhà ngồi ván, ghế cao, ăn thịt uống rượu, đi guốc giày, để đồ dằn mạnh, thì phải kiếu ra về. Không được hỏi thăm tuổi tác, tên họ, mạnh giỏi, làm ăn dua bợ theo kẻ thế. Nhà nào không có đàn ông rước thì chẳng đặng vào (Ni cô nếu không có đàn bà rước thì chẳng đặng vào). Biết nhà không ưa chớ nên vào. Vào nhà cư gia không quá hai giờ đồng hồ. Nhà không ghế riêng cho nhà sư, thì ngồi trên đất hết thảy, hoặc đứng. Còn giường ván của cư gia chẳng được phép ngồi. Phải tránh thị phi tai tiếng. Chớ nói cười cao giọng, chớ ngó mặt ai. Chớ tôn trọng sắc thân vật chất của người. Phải có mặc vấn y thượng kín đáo đoan trang, cử chỉ thanh cao, nói năng chậm rãi, mắt ngó ngay xuống, chớ ở lâu, hãy sớm liệu ra về. Trong khi ăn: Ngồi bán già, bát để trước mặt, sát chân; canh, bánh trái để ăn sau, cơm đồ ăn phải trộn lại cho đều, khi bịnh mới để riêng từ món. Tay trái ôm bát, tay mặt cầm muỗng không rời. Muỗng múc tém gọn, miệng không hả lớn. Đừng hả miệng trước, chớ cho rớt cơm

hoặc lào thào. Nhai chớ hở môi, nhai cho thật nhuyễn và chậm rãi. Đang khi nhai chớ múc muỗng khác, chớ làm xao động. Cơm, đồ ăn rớt phải lượm bỏ vào bát (nếu lấm dơ phải lượm để riêng). Đang khi ăn chớ nói chuyện, chớ ngó liếc, ăn chung Giáo hội phải một lượt hòa chúng. Ngồi phải ngay lưng, đầu hơi khom cúi. Mắt ngó xuống ngay tách nước trước mặt cách năm tấc. Muỗng cơm đưa lên tới miệng, chớ khom đầu. Khi ăn múc chi độ nấy, chớ lựa chọn món ăn. Ăn rồi phải rửa tay, miệng ba lần mới uống nước. Bát ai nấy rửa. Trước khi ăn, cúng dường chú nguyện, khi ăn rồi đọc kinh cầu nguyện. Cách ngồi ăn phải phân minh thứ lớp, tập sự theo tập sự, Khất sĩ theo Khất sĩ. Ngồi cách một chỗ ngồi, ăn chớ để dư thừa, phải nhắm chừng sớt ra cho ai trước khi ăn, chớ ngồi ăn chung với cư sĩ, chớ ăn tại chỗ thờ Phật, chớ ăn chung với Ni lưu. Trai tăng phải từ bốn vị sư. Ăn chớ chấp mùi vị, chớ quá no. Bịnh phải tự cữ ăn.

MẶC Áo chăn có thứ lớp, chớ lộn xộn. Tăng mặc nửa ống chân (Ni ngang mắt cá), mặc xếp phía trước. Nếu có rách vừa bằng ngón tay là phải vá lần, đừng đợi rách lớn. Màu lợt phải nhuộm sậm lại. Chăn áo ba ngày phải giặt. Thượng y nửa tháng phải giặt, chớ để mùi hôi. Dính dơ phải cắt bỏ vá lại.

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ

NÓI Nói rất ít, ngậm miệng cắn răng, tìm cách tránh nói, cực chẳng đã nói với ai năm sáu câu trở lại thôi. Nên tập nói pháp, chớ nói thế sự, chiến tranh, tôn giáo, chê bai bói khoa, khoe khoang, nói dối, đâm thọc, rủa sả, nói giễu cợt lời vô ích... Nên khen người mà chớ a dua nịnh bợ, nên luận đạo mà chớ tranh cãi, chớ nói việc ai ai. Nói pháp không quá một giờ đồng hồ, đọc kinh thầm nho nhỏ, mỗi lần nửa giờ thôi.

LÀM Chớ làm việc sát sanh, trộm cắp tổn hại ai. Chỉ làm việc đạo lý: viết sách, dịch kinh, tham thiền, nhập định, thuyết pháp, luận đạo, dạy học, khất thực làm gương lành; giúp việc công cho Giáo hội, quét dọn chùa, tháp, cốc, sân, lượm rác, giữ vệ sinh cho Giáo hội, đóng cửa chùa. May áo vá y cho Giáo hội, sắc thuốc, nấu cháo nuôi người bịnh. Chớ ra tay làm việc cho cư gia, chớ làm việc chung với kẻ chưa thọ giới. Áo ai nấy giặt. Bát ai nấy rửa. Việc riêng ai nấy làm, rảnh việc mình nên giúp kẻ khác.

ĐI Đi ngay hàng, đi hai gót khít, bước cách một bàn chân, đầu cúi, lưng hơi khom, không nhìn liếc, ngó ngay tới

trước mặt bề xa hai thước. Đi chậm rãi khoan thai. Tại chùa hay ra đường cũng vậy, đi phải ngay mình, chớ lắc nghiêng qua lại, chớ đi mau, chớ đánh vòng xa, chớ chạy nhảy leo trèo. Quá ngọ tới chiều, không được đi vào xóm. Có đi đâu phải từ hai người sắp lên (Ni phải bốn). Cấm đi chung và một lượt với Ni lưu, tín nữ, kẻ gian nhơn, người hung ác.

ĐỨNG Đứng hai gót phải khít, hai đầu gối phải ngay, hai tay phải nắm lại, phải biết chỗ đứng theo thứ tự. Chớ đứng gần cư gia, tín nữ, Ni lưu. Chớ đứng tréo chơn, chống nạnh, chớ đứng hở gót (bẹt hai chơn), chớ đứng chơn thẳng chơn dùn. Chớ đứng một chơn dưới đất, một chơn trên ván ghế, chớ đứng ẹo lưng, ngoẻo đầu, dựa vách ngả ngớn.

NGỒI Ngồi hầu pháp, hầu thầy, xếp chơn; ngồi thiền phải ngồi kiết già; ngồi thường chỉ ngồi bán già. Chớ ngồi tréo ngoảy, chớ ngồi chồm hổm. Khi làm việc ngồi chồm hổm giây lát thì hai đầu gối phải cho khít. Mỗi khi ngồi phải tém chăn cho gọn, lấy mí thượng y che phía trước. Chớ ngồi xếp bằng lót hai chơn phía dưới. Chớ ngồi sái phép. Tỳ kheo ngồi cách Sa di hai thước; với cư sĩ, Ni lưu cũng vậy.

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ

NẰM Phải nằm nghiêng co đầu gối, hai tay không đưa lên, không để gần chỗ trược. Chớ nằm ngửa, nằm sấp. Chớ nằm chỗ cư gia, tín nữ, Ni lưu. Chớ nằm chung hai người, trừ khi bịnh. Chớ nằm chỗ đông đảo.

THỨC Thức nhiều, ngủ ít. Ngày đêm ngủ sáu giờ đồng hồ. Sống chết sao cũng được. Sống bởi chung quanh, chết bởi mình. Thân phải trì giới. Tâm phải nhập định. Trí phải huệ sáng. Tánh phải chơn như. Phải chết nơi núi, rừng, vườn; chớ chết trong chợ, xóm. Chết nằm nghiêng hoặc ngồi kiết già; nên thiêu đốt lấy tro, hoặc cất xương trong hang núi.

MẮT Mắt phải đừng nháy liếc, nếu ngó ngang phải xoay trọn cái đầu. Ngó phụ nữ cách xa năm thước. Ngó ngay sống mũi, ngó thoáng qua, không được chăm chú. Xuất gia rồi, nam không ngó mặt mẹ, nữ không ngó mặt cha. Mắt là thần, chủ của tâm nên phải ngó xuống và tập cho cứng. Thường phải ngó xa chân trời hướng Tây để quán tưởng. Chớ ngó sắc trần đồ vật tươi tốt khéo hay, thân người chưng dọn, mà phải thấy chư Phật Pháp Tăng,

thấy sự khổ của chúng sanh. Thấy xa thẳm tận hư vô. Thấy trong chơn tánh. Thấy ba đời.

TAI Tai không nghe thế sự, tiếng ác nhơ, êm dịu, lời kèn huyễn. Phải nghe gió, nghe hư không, nghe tiếng pháp, nghe tận nơi xa, nghe trong trí não.

MŨI Mũi chớ ngửi mùi thơm thúi, mà nên ngửi tâm người, ngửi mùi Pháp, ngửi tận hư không, ngửi mùi của các hạng chúng sanh, ngửi cùng tam thế.

LƯỠI Lưỡi chớ nếm vị ngon, chớ phân biệt thức ăn, nên phải nếm Pháp vị, nếm đạo lý, quả Niết bàn an lạc.

THÂN Thân chớ trau giồi tốt đẹp, mà cũng đừng quá ư trệ xấu xí, chớ ưa mềm mại, chớ ham tươi tốt áo quần. Phải trì giới phạm hạnh thanh tịnh, chớ đụng cọ với ai ai. Đừng dung dưỡng, đừng khổ hạnh. Chớ ham mập, chớ ưa ốm. Đừng sạch quá, chớ ở dơ, ba ngày tắm một lần, đừng thoa dồi, xức, ướp. Đừng uống thuốc nếu chẳng đau, đừng liều mạng khi có bịnh.

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẤT SĨ

Ý Ý không mong cầu, đừng hay cố chấp, sao cũng được, sao cũng xong. Sao là sao, cái gì cũng vậy, sao cũng bằng nhau, như vậy, như nhiên, như thường, như như. Đừng trái ý ai, đừng tự ý mình. Đừng nhớ tưởng, đừng rối loạn, chớ tự cao. Thân, khẩu, ý phải trong sạch lục trần. Tham, sân, si phải đoạn diệt; sát, đạo, dâm phải dứt chừa. Bốn

miệng chớ hơn thua. Phải thường ở nơi thanh tịnh, lánh chỗ lợi danh mới phải là người Khất sĩ giác ngộ. Tóm lại: Có Giới mới có Định. Không Giới Định thì không phải là người tu hành, chẳng bao giờ phát Huệ sanh Chơn. Chắc ai cũng chưa thành Phật, thì đừng khinh giới luật. Vì Giới luật là Phật thân, hay là chơn gốc của chúng sanh; không có nó, muôn loài khó sống. Giới là trung đạo, không thái quá và bất cập. Ai muốn đắc quả A-la-hán ngay kiếp này, khá mau trì giới giữ hạnh, giải thoát ly gia. Ta nên nhớ rằng: muốn làm bậc gì trong xã hội thế gian mà không có giới thì sẽ thất bại, tự chiêu kỳ họa. Vì không có giới thì tham sân si không dứt mà tham sân si là độc khí sẵn trong mình, nó sẽ giết chết mình, trước khi hy vọng thành công. Phạm giới, sái với kỷ luật, phận sự vai tuồng của mình là có tội, lỗi quấy. Người giữ đúng giới luật, theo trình độ của mình là phước, trúng, phải. Ấy thế, phước hay tội của mỗi bực là do giới luật, vậy ai ai cũng phải có giới luật.

Vì sự thiện, ác, khổ, vui nhiều ít là do giới luật. Giới luật là nền tảng của mọi việc hay khác. Kẻ nào không giới như không có chỗ đứng, nấc thang, sẽ sa ngã té xuống hố sâu, lọt vào địa ngục, thì còn biết chi là đầu trên chơn dưới, ta và người… Kẻ ấy sẽ không có chi hết.

BÀI HỌC SA DI

MÔN OAI NGHI Môn oai nghi là hạnh đức trau giồi của lớp học trò tập sự Sa di, trong một thời hạn nung đúc trí tâm, để bước lên lớp xuất gia bình đẳng. Phật dạy: “Khi Sa di đúng 20 tuổi, muốn thọ giới đủ (Cụ túc giới 250 giới), nếu hỏi không đáp được tròn công việc của Sa di, thì không nên cho thọ giới đủ. Vì người làm Sa di mà chẳng biết bổn phận Sa di, thì việc Sa môn rất lớn, e khó làm được; xin hãy học hạnh cho chín, nghe biết đầy đủ, mới nên thọ giới đủ”. Nếu nay thọ giới đủ cho người, thì thiên hạ lầm tưởng pháp Phật dễ làm, Sa môn Tỳ kheo dễ làm, vậy nên phải hỏi trước. Các phép tắc đại yếu cần cho mỗi Sa di phải học thông, hiểu rành, làm xong tròn bổn phận trong mỗi lúc, xin lược rút giải ra sau. Khi rời khỏi nhà thế, cắt ái ly gia để vâng giữ theo pháp Phật, mà làm Sa di tập sự, theo về ngôi Tam bảo, là phải giữ đúng Sa di giới, 10 giới như sau đây:

MƯỜI GIỚI TẬP SỰ SA DI

1. Cấm sát sanh
2. Cấm trộm cắp
3. Cấm dâm dục
4. Cấm nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi.
5. Cấm uống rượu, tham lam, sân giận, si mê.
6. Cấm trang điểm phấn son, dầu hoa, áo quần hàng lụa tươi tốt.
7. Cấm nghe xem hát, múa, đờn, kèn, yến tiệc vui đông.
8. Cấm ngồi ghế cao, nằm giường rộng, chiếu lớn xinh đẹp.
9. Cấm ăn sái giờ từ quá ngọ đến ngọ mai (phải ăn chay).
10. Cấm rờ đến tiền, bạc, vàng, của quý, đồ trang sức.

SA DI THỜ THẦY Sa di sáng phải dậy sớm, muốn vào phòng thầy trước phải lên tiếng (gõ cửa ba tiếng). Nếu có lỗi, thầy dạy chẳng đặng nói trả lời nghịch lại, xem thầy cũng như Phật vậy. Thầy bịnh sai đổ bình dơ chẳng đặng khạc gớm, chẳng đặng buồn giận. Sáng chiều phải quét tước, dọn dẹp, xếp đặt am cốc, chăn y, mùng chiếu cho thầy, có bẩn dơ phải giặt sạch, xếp cất cẩn thận theo thứ tự. Muốn kỉnh lạy mà thầy mắc đi đứng chẳng đặng lạy, thầy ăn cơm, thầy nói

BÀI HỌC SA DI

kinh, thầy tắm gội, thầy ngủ nghỉ đều chẳng nên làm lễ. Thầy đóng cửa chẳng nên ở ngoài mà làm lễ, muốn vào làm lễ phải bạch xin, hoặc gõ cửa ba tiếng, thầy chẳng đáp thì đi, chẳng nên vào. Đem đồ ăn uống cho thầy phải bưng hai tay, phải xem kỹ đừng cho có sự bẩn dơ, hoặc trùng kiến, sâu bọ, lăng quăng ẩn chết trong ấy, phải đứng hầu thầy trong khi ăn, khi thầy có bảo đi ăn thì sẽ đi, thầy ăn rồi phải dọn rửa đồ nhè nhẹ. Khi hầu thầy chẳng đặng đứng trước mặt hoặc chỗ cao chỗ xa lắm, chẳng đứng dựa ngang dọc hoặc tréo chân, phải cho ngay thẳng, phải đứng vừa, đặng thầy nói nhỏ nghe được. Muốn hỏi nhơn duyên trong Phật pháp, phải sửa y kỉnh lễ, quỳ gối chắp tay, thầy chỉ giảng phải lóng lòng nghe kỹ, suy gẫm cho thâm nhập; nếu hỏi việc thường trong chùa, tịnh xá thì khỏi phải quỳ lễ, chỉ đứng ngay thẳng bên thầy, chắp tay cứ thiệt thưa hỏi. Khi thầy mệt mỏi chẳng đặng thưa hỏi nhiều, phải lui ra, chẳng đặng phiền giận. Sa di lỡ phạm giới điều chi, chẳng nên che giấu, mau đến thầy tha thiết cầu xin sám hối, thầy cho thì hết lòng bày tỏ, tín thành chừa cải trở lại cho đặng trong sạch. Thầy nói chưa dứt câu chẳng đặng chen nói, chẳng đặng ngồi, nằm nơi chỗ ghế, giường thầy, chẳng đặng lấy dùng đồ vật nào của thầy mà xài, như chăn, y, choàng, hoặc lục soạn giấy tờ kinh sách của thầy mà chơi phá. Thầy sai đi làm việc gì, hoặc đem thư cho ai chẳng đặng lén giở coi, đi đường hoặc đến đâu có ai hỏi gọi, đáng đáp thì đáp thật, chẳng

đáng đáp thì khéo lời cho qua đi, người cầm chẳng đặng ở, phải một lòng lo sợ thầy trông. Thầy đối chuyện với khách, thì mình phải đứng hầu chăm chỉ, tay mắt tiếp ứng, trong khi thầy có dạy bảo. Thầy có bịnh phải mỗi mỗi chăm lòng săn sóc phòng cốc, giường chiếu, chăn y, cơm cháo, thuốc thang luôn luôn. Phàm khi hầu thầy, chẳng bảo ngồi chẳng dám ngồi, chẳng hỏi chẳng dám nói, trừ khi có việc muốn xin thưa, muốn lạy mà thầy ngăn, thì vâng lời thầy; khi thầy đàm luận với khách, câu chuyện đạo đức, có ích cho thân tâm, đều nên ghi nhớ lấy, thầy sai làm việc chi chẳng đặng chậm cãi. Khi ngủ chẳng đặng ngủ trước thầy, dậy chẳng đặng dậy sau thầy. Sa di đến lui, qua lại trước am cốc, nơi chỗ mấy thầy Tỳ kheo, mấy vị Sa môn lớn tu tịnh, ngủ nghỉ, phải rảo chân, nhẹ bước chớ cho có tiếng động đất, khua chạm, phá động sự tham thiền tu học thanh tịnh của người. Ngoài việc của Giáo hội sai bảo, sự xin học kinh luật, hay việc chi cần ích thì không đặng vô cớ vào phòng cốc người. Sa di phải thông hiểu mà trả lời cho đúng pháp danh, lịch sử của thầy khi có người hỏi đến. Làm trò Sa di, trước phải lựa thầy cho chơn chánh đặng ở cho lâu, không đặng thay đổi hay lìa thầy sớm, dầu cách thầy, cũng vẫn nhớ lời thầy dạy, chẳng đặng tự ý buông lung, làm việc không chánh theo đời, chẳng đặng ở nơi chỗ chợ búa ồn ào, nơi đình thần, hoặc nhà vua quan, dân

dã và chỗ gần

BÀI HỌC SA DI

chùa cốc Ni cô. Không đặng ở chỗ xa thầy mà tự chuyên làm việc của đời, quấy ác.

THEO THẦY RA ĐI Ra đi chẳng đặng lẻn ghé nhà người, chẳng đặng đứng hai bên đường kêu hỏi nói chuyện với người, chẳng đặng day ngó hai bên, phải cúi đầu theo sau thầy. Đến nhà đàn việt thí chủ, nhà thế có thờ Phật thì phải xá bái cúi đầu. Đến chùa am khác thầy lạy Phật phía trước, thì mình phải đứng lui lại phía sau mà lạy, chẳng đặng tự chuyên đánh chuông khánh. Nếu đi đường rừng núi chẳng đặng cách thầy xa lắm, chẳng đặng bẻ phá cây lá hoa trái ở bên đường, chẳng đặng chạy nhảy ngang mương suối, bờ ao, trèo leo mô đất đá giỡn cợt. Nếu tách đi riêng, hẹn đến chỗ nào hợp lại, phải đến chỗ trước thầy, chẳng đặng chơi dạo ghé nằm ngủ nghỉ theo đường mà để thầy phải trông đợi.

VÀO CHÚNG Vào chúng chẳng đặng chen lấn chỗ ngồi, chẳng đặng kêu bảo nói cười trửng giỡn. Trong chúng có lỗi không đặng bàn bạc khen chê, học đi học lại. Chẳng đặng khoe công nhọc để được ngợi khen, chẳng đặng ăn ngủ trước người, chẳng đặng dậy sau người. Không đặng súc miệng làm nước văng tạt ướt người; chà răng, rửa mặt phải cúi xuống chà rửa, làm nhẹ nhẹ, chẳng đặng hỉ mũi, khạc nhổ

lớn tiếng, chẳng đặng ở nơi chùa tháp, am cốc mà khạc nhổ, hỉ mũi làm bẩn dơ. Chẳng đặng đứng trước vị Sa môn mà hỉ, khạc. Chẳng đặng khạc nhổ trên rau cỏ, trên nước sạch. Chẳng đặng một tay mà chào người. Chẳng đặng đi chạy mau lẹ, phải khoan thai đi đứng nghiêm chỉnh. Chẳng đặng lấy đèn nơi bàn Phật để dùng riêng, nếu có đốt đèn phải dùng đồ che, chớ để trùng cánh bay vào chết mạng. Chẳng đặng bẻ đem bông héo cúng Phật, hoặc ngửi mùi bông trước khi dâng cúng. Chẳng nên dóm ngó liếc xem việc người làm, hoặc nhiều lời khen chê, nên hư tốt xấu làm phiền lòng người. Nghe ai gọi đến chẳng nên không đáp, phải dùng câu niệm Phật mà đáp. Chẳng đặng lượm của rơi, nếu gặp phải liền thưa với vị sư tri sự. Chẳng đặng kết bạn với Sa di nhỏ tuổi, và bàn nói chuyện của Tăng Sư trong Giáo hội. Chẳng nên sắm nhiều khăn, choàng tắm, chăn áo, hoặc bằng hàng lụa màu sắc tươi tốt, phải nhuộm màu hoại sắc, chẳng đặng may mặc y phục giống người thế. Khi lên tịnh xá, chùa tháp phải nghiêm trang, chẳng đặng đi quanh nhiều vòng nơi tháp thờ Phật. Chẳng đặng ngồi xem chúng làm việc nhọc, lánh hé yên phận. Chẳng đặng lén lấy phá chơi, hoặc cắp lén đồ vật của chúng, của Giáo hội, muốn điều chi phải nhứt nhứt bạch hỏi xin, không đặng làm ngang, lếu, tự ý. Chẳng đặng luận nói việc chính trị, việc nên, hư, tốt, xấu của triều đình công phủ, chợ, quán, nhà cửa thế gian. Khi xưng mình với Tăng chúng, nên xưng

BÀI HỌC SA DI

nói pháp danh, con, trò, chẳng nên nói tôi, chẳng đặng vì sự nhỏ lớn, hơn thua mà tranh cãi, phải nhịn tất cả. Khi muốn luận giảng lý đạo để mở mang, cần phải bình tâm hòa khí mà nhận định, và cốt để học hỏi thôi, chẳng đặng nói thô tháo, hoặc hiện ra sắc mặt, bộ tướng giận dữ, sỗ sàng làm mất hạnh người tu hiền, đạo đức. Sa di sáng và chiều phải có giờ hội họp lại mà tập học kinh luật, tụng đọc kệ giới, không được xao

lãng, bê trễ, biếng nhác.

THEO CHÚNG ĂN

Đến giờ ăn, nghe tiếng chuông phải sửa y phục, trong khi ăn phải chú nguyện, phải nghiêm chỉnh biết phép cung kỉnh nhịn nhường.

KHI SẮP ĂN, PHẢI TƯỞNG NHỮNG ĐIỀU NÀY:

Bát cơm tín chủ biết bao công

Đức hạnh đầy vơi tự xét lòng

Thỏa miệng, thích tình, tham quấy bỏ

Nuôi thân hành đạo thuốc lành dùng

Toan vun chánh pháp cho thành tựu

Nguyện dứt ác duyên thoáng sạch không

Nguyện các việc lành làm tất cả

Nguyện xin độ tận chúng sanh chung.

Thân cùng nhau hòa hiệp ở chung

Miệng không tranh đua cãi lẫy Ý ưa nhau không trái nghịch Giới luật đồng cùng nhau tu theo Kiến thức riêng chỉ giải cho nhau Lợi quyền chia đồng với nhau. Ăn chẳng chấp mùi vị, chẳng đặng hiềm trách đồ ăn ngon dở, chẳng đặng lấy đồ ăn liệng quăng bỏ cho mèo chó ăn. Đem đồ ăn thêm chẳng nên nói không dùng, nếu no lấy tay nhường đi, chẳng đặng lấy tay gãi đầu, khạc nhổ, hỉ mũi làm văng bụi nước vào bát người, chẳng đặng ngậm cơm mà nói chuyện, chẳng đặng nói cười, quơ tay trong khi ăn, chẳng đặng nhai có tiếng, nhai hở môi và hả miệng lớn, muốn gỡ răng mắc đồ ăn phải lấy khăn tay mà che miệng, trong đồ ăn có sâu kiến phải che giấu, chẳng đặng cho người thấy mà sanh lòng nghi phiền, chẳng đặng lấy cơm vò viên bỏ vào miệng, chẳng nên ăn mau hoặc chậm quá, chẳng nên thấy đồ ăn chưa đến mà sanh lòng phiền muộn, chẳng nên tham nhiều quá, chẳng đặng ăn chênh mếch chúng Tăng, chẳng đặng cố ý lựa đồ ăn mỹ vị, chẳng đặng khua chén bát lớn tiếng, phải ngồi ăn một lượt một, chẳng đặng đứng dậy đi lìa chỗ, mà ngồi lại ăn nữa, chẳng đặng đứng dậy trước người sái phép chúng, nếu có việc tư đi ra ngoài phải bạch hỏi xin phép, gặp cơm có thóc phải lột vỏ mà ăn, không đặng phun nhổ.

BÀI HỌC SA DI

LẠY KỈNH Chẳng đặng đứng ngay trước mặt thầy hoặc vị Sa môn mà lễ lạy, phải nép một bên. Chẳng nên đi ngang trước mặt người đang hành lễ. Tay chắp chẳng đặng so le mười ngón. Chẳng đặng trống rỗng ở giữa hoặc hở ngón. Chẳng đặng đem ngón tay nhét trong lỗ mũi. Chẳng đặng đồng lạy với thầy cùng mấy vị Sa môn khác, phải đứng phía sau xa thầy mà lạy. Trước mặt thầy chẳng nên chịu người lạy. Chẳng nên lạy người đồng học với mình. Có việc chi thành kỉnh chắp tay, chẳng nên tay cầm tượng Phật hoặc kinh sách mà lạy xá người. Lạy là lễ phép rất tốt, quý ích cho người trau hạnh đức, nhưng cần phải hiểu cho thấu lý nghĩa của sự lễ bái.

NGHE PHÁP HỌC KINH Nơi nhà giảng Sa di phải đến trước sớm, dọn dẹp quét tước sạch sẽ, dọn chỗ cho chúng Tăng. Chớ đợi đang nói pháp mới đến sau. Y phục phải

chỉnh tề, nghe pháp chẳng đặng nói chuyện bậy bạ và cử động. Chẳng đặng ho khạc lớn tiếng. Đang khi nghe học pháp chẳng đặng bỏ đi ra ngoài, phải lóng lòng nghe, ngẫm nghĩ tu tập. Chẳng nên chưa hiểu nói hiểu, hoặc vào tai ra miệng. Sa di còn bé kém, giữ giới chưa chắc, phải học luật thêm để răn lòng trong mỗi giờ phút.

Sa di phải trước học luật sau học kinh, chẳng nên trái cãi. Muốn học kinh phải nhờ thầy trao dạy và giảng giải. Muốn xem bộ kinh nào phải bạch hỏi với thầy dạy của mình. Chẳng nên bỏ kinh sách ở chỗ dơ lấm, hoặc làm dầu nước văng ướt, hư rách. Chẳng nên bôi vẽ chữ nghĩa, viết bậy trong kinh. Khi thấy hư rách phải bồi sửa, tay dơ lấm chẳng đặng cầm đến kinh sách, phải kỉnh kinh pháp cũng như kỉnh Phật vậy. Chẳng đặng coi xem bài vở nói về chính trị, khoa học, bói khoa, toán số, tiểu thuyết nhảm nhí hay các sách khác. Sa di phải học hiểu nghiên cứu đạo luật bài học của lớp bậc mình cho thông đã. Viết chữ đừng hoa mỹ, màu mè, kiểu cách, phải viết ngay ngắn lối hàng, nét chữ ngay thẳng nhận rõ, đọc học được mà thôi. Đọc kinh luật, bài học, không nên đọc lớn rền vang làm rầy kẻ khác. Chẳng nên đọc xem mau lẹ, vì như thế không nhận thấu đặng nghĩa lý sâu xa của Pháp. Chẳng nên mượn kinh sách của người ta mà không trả và chẳng tiếc giữ để cho hư rách.

TIẾP CHUYỆN CÙNG NGƯỜI THẾ Sa di nhập vào tập sự trong Giáo hội Tăng, là người đã quay về với Phật Pháp Tăng, học tập để trở nên giác ngộ như Phật. Một phen ra đi là cắt bỏ việc trần, sự đời, không còn phải vọng tâm lo nghĩ việc bên ngoài thế sự, hoặc nhận nhìn quyến thuộc bà con, dòng họ, gia đình, xã hội riêng tư nữa. Phải nhận mình là theo họ hàng

BÀI HỌC SA DI

Khất sĩ Tỳ kheo trong sạch, con cháu của chư Phật trong tam thế, chớ cha mẹ, ông bà, quyến thuộc ở thế gian là giả tạm cho cái áo, xác thân tham ác, tội lỗi, tứ đại giả hợp này thôi. Người Sa di, tập sự có thể về thăm nhà cha mẹ, quyến thuộc trong lúc đầu, sau khi nhập vào đạo được 3 tháng, và sau đó một năm thôi. Từ ấy về sau chỉ còn biết dòng giống họ mình là Phật, Tăng, Thánh chúng không không trong sạch. Còn có nghĩ đến cha mẹ, quyến thuộc, thì tất cả nhơn loại là quyến thuộc, cha mẹ, anh em chung, đúng chơn lý đại đồng của võ trụ, không còn có cái gì là riêng của ta nữa cả. Khi người thân thích, quen hoặc lạ đến xin hỏi ta điều chi, trong nhà giảng, chùa tháp không được nói chuyện, bàn luận lâu phải xin phép vị sư trị sự hay thầy dạy mình chứng kiến cho. Chẳng đặng ăn ngủ chung với người thế và giỡn hớt, la lối, cãi cọ. Chẳng đặng hỏi xin xỏ đồ vật nơi người thế, mà không có sự chứng kiến của Tăng Giáo hội.

LÀM VIỆC Phải tiếc trọng đồ vật của chúng Tăng. Phải nghe lời vị sư tri sự chỉ bảo, chẳng nên trái cãi. Múc nước xài phải cho sạch sẽ, kỹ lưỡng, dùng nước phải xem kỹ coi có trùng bọ hay không, nếu có, phải lấy vải mà lược qua rồi sẽ dùng, chẳng đặng đổ nước nơi đường đi, trước sân. Nước nóng, không đặng tạt, đổ, làm chết trùng đất, kiến, dế. Chẳng đặng giơ cao tạt nước, phải nghiêng đổ nhẹ nhẹ. Chụm

lửa chẳng đặng chụm cháy quá nhiều, chẳng đặng chụm củi mục có mối mọt. Quét đất chẳng nên quét ngược gió, hoặc gom, nhóm đống bỏ dở, tấp nơi cửa, hông nhà, chỗ kín.

Chẳng nên quét gần chỗ người đang ngồi ăn hoặc học. Làm việc chẳng nên bỏ bậy bạ gạo, bún, rau, trái, cơm, bánh, vật thực mà chẳng tiếc giữ, nếu dùng có dư phải cho người, chẳng đặng dùng đồ của chùa mà bỏ hủy hoại làm hư bể. Sa di nên tập làm việc công cho Giáo hội, may đồ, sắc thuốc, dọn dẹp, quét tước, vá áo chăn, coi sóc vườn rẫy, am cốc, giữ xem trâu bò súc vật phá hoại ngôi đất chùa Tam bảo.

VÀO NHÀ TẮM Trước lấy nước rửa mặt, gội đầu từ trên đến dưới nhẹ nhẹ. Kỳ rửa chẳng đặng thô tháo làm tạt nước văng đến người. Chẳng đặng xối đổ nước nhiều hao phí. Chẳng đặng tiểu trong nhà tắm. Chẳng đặng giỡn cợt cười nói với người. Ghẻ lác chỗ kín phải kỳ rửa sau, chẳng nên chú ý rờ rẫm. Thân mình có ghẻ độc phải băng bó ẩn tránh để khỏi phải xốn mắt người. Chẳng đặng buông ý tắm lâu, làm ngăn cản người sau. Cởi mặc áo chăn phải chậm rãi từ từ cho ngay thẳng. Chẳng đặng vừa đi vừa mặc áo xốc xếch, chẳng đặng làm tạt đổ nước xài dơ vào nước sạch.

BÀI HỌC SA DI

VÀO NHÀ TIÊU Mắc đại, tiểu thì đi liền, đừng để nôn quýnh. Xếp áo vắt lên sào cây, dùng dây hoặc khăn tay mà buộc cho khỏi bay rớt. Đến nơi phải khảy móng tay ba cái hoặc lên tiếng, chẳng đặng hối người ra mau. Chẳng đặng cúi đầu ngó xuống. Chẳng đặng rặn ra hơi tiếng. Chẳng đặng nói chuyện với người cạnh vách. Chẳng đặng khạc nhổ trây dơ trên vách. Gặp người chẳng đặng chào, phải nghiêng tránh day mặt đi. Chẳng nên vừa đi vừa buộc dây lưng. Mặc chăn áo, tiêu rồi phải rửa tay sạch, chưa rửa chẳng đặng cầm vật gì. Chẳng nên mặc mang thượng y mà đi tiêu tiểu. Chẳng nên mang kinh, tượng, ảnh Phật. Chẳng nên bẻ, bứt lá cây mà đi nhà tiêu.

NẰM NGỦ Phải nằm nghiêng hông bên hữu trở xuống, gọi là ngủ điềm lành, chẳng đặng nằm ngửa, nằm sấp mà ngủ. Chẳng đặng ngủ chung phòng cốc, chung giường chõng với thầy. Chẳng đặng dùng mùng chiếu, chăn y của thầy. Chẳng đặng cởi áo nằm trần, trên giường ngủ chẳng đặng cười nói lớn tiếng. Chẳng đặng làm tiếng động lớn phá sự tham thiền, giấc ngủ nghỉ của người. Đến giờ ngủ nghỉ, tất cả đều giữ sự yên lặng cho Giáo hội, đúng theo thời khắc biểu Niết bàn.

Ở TRONG PHÒNG CỐC Muốn đem lửa vào phải nói trước trong phòng biết “lửa vào”. Muốn tắt đèn phải hỏi trước “còn dùng đèn không”. Nơi phòng đọc niệm chẳng nên lớn tiếng. Trong phòng cốc, chăn, y, mùng, chiếu phải cho vén khéo, thứ tự. Chẳng đặng vô cớ mà vào phòng người, có việc phải xin phép lên tiếng. Có người bịnh phải đem lòng thương, trước sau chăm nom săn sóc.

ĐẾN CHÙA NI CÔ Đến chùa Ni cô, có chỗ riêng thì ngồi, không thì chẳng đặng ngồi. Chẳng đặng nói pháp không nhằm lúc. Trở về chẳng đặng nói chuyện xấu của Ni cô, hoặc khen vật này việc khác. Chẳng đặng thơ từ qua lại và cậy vá may, giặt nhuộm, cất giữ áo chăn, đồ vật v.v... Chẳng đặng tay mình cạo tóc giùm người, chẳng đặng ngồi chung chỗ khuất, chẳng đặng trao hình ảnh cho nhau. Không có hai người thì chẳng đặng một mình đi đến. Không được đưa đồ lễ vật kỷ niệm thơ từ qua lại. Chẳng đặng cậy Ni cô khuyên người khác bố thí cúng dường cho mình. Chẳng đặng ăn dùng đồ của Ni cô. Chẳng đặng kết cùng các Ni cô làm cha mẹ, chị em, cháu con, đạo hữu.

ĐẾN NHÀ NGƯỜI Phải đi với thầy hoặc Tăng chúng. Nhà có chỗ riêng thì ngồi, chẳng đặng ngồi lộn xộn. Có nói kinh pháp phải biết lúc, chớ nên nói không nhằm dịp. Người ta dọn cơm, tuy chẳng phải trong Giáo hội, nhưng cũng đừng mất quy tắc. Chớ nên ngồi nói chuyện chung với người nữ trong nhà hoặc chỗ che khuất. Chẳng đặng thơ từ qua lại v.v... Đến nhà người thế tục thăm thân quyến, trong nhà có ảnh, tượng Phật phải nghiêm xá, bái, chẳng đặng nói phép thầy nghiêm nhặt, xuất gia khó, vắng vẻ, lạt lẽo, cay đắng, khó nhọc. Phải nói việc Phật pháp cho cha mẹ sanh lòng tin, thêm phước đức. Ai có hỏi, phải đáp chậm rãi, chớ đáp lộn xộn câu hỏi, chớ ham nói nhiều để cầu người cung kỉnh, khen ngợi. Chẳng đặng kết với người đời làm cha mẹ, quyến thuộc, chị em. Chẳng đặng nói lỗi trong Tăng. Chẳng đặng cùng trẻ nhỏ, bà con thế tục ngồi, đứng lâu, nói đùa, cười giỡn, hoặc đi dạo kiểng hoa, vườn ruộng. Chẳng đặng xem người tiệc rượu, đờn ca, múa hát. Không đặng ở đêm nơi nhà thế, nếu lỡ tối, ở ngủ phải riêng một cái giường, chõng, thường ngồi ít nằm, một lòng niệm Phật, nhà phải không có phụ nữ.

KHẤT THỰC Phải đi với các vị lớn tuổi đạo, nếu có đi, thì mình phải biết chỗ mà đi, đến cửa nhà người phải giữ thân, miệng,

ý. Nhà không có đàn ông chớ vào cửa (nếu phái Ni lưu, nhà không có đàn bà chẳng đặng vào cửa). Nhà có binh khí chẳng nên ngồi, đứng gần, ở lâu. Chẳng nên ngồi chỗ có vật báu, có áo chăn, vật trang sức của đàn bà. Muốn nói kinh pháp, phải biết khi nào nên nói. Chẳng đặng nói cúng dường cho tôi ăn được phước. Đi khất thực chẳng nên nài nỉ hỏi mãi. Chẳng đặng nói nhiều lý nhơn quả, để trông người cúng dường nhiều. Được nhiều đừng sanh lòng tham, được ít chớ sanh lòng phiền. Chẳng nên đến nhà thí chủ quen mà xin mãi. Chẳng nên đến nhà có đám tiệc, đình, am mà xin. Chẳng nên làm phụ việc người thế gian, hay khoe tài đức để được cúng dường lễ bái. Đồ vật của người hộ cúng dường không được lấy trao cho người thế, vị tình riêng, khi chưa chú nguyện cúng dường.

VÀO XÓM ĐÔNG NHÀ Không có việc cần thiết chớ vào xóm. Chẳng đặng đi mau, chạy nhảy và tay đánh vòng xa. Chẳng đặng vừa nhìn ngó nhơn vật mà đi. Chẳng đặng cùng Sa di nhỏ cười nói mà đi, chẳng đặng cùng người nữ đi gần nhau. Chẳng đặng đi gần Ni cô trước sau, hoặc ngó nhìn người nữ. Chẳng đặng đi gần kẻ gian nhơn cùng quân binh, người say rượu, người điên khùng. Chẳng đặng xem hát thuật trò chơi đám đông vui, gặp bờ ao hầm nước phải đi vòng chẳng nên nhảy lội. Chẳng đặng cưỡi thú chạy nhảy, hoặc bắt chó, mèo, chim, rắn, thú vật mà chơi hay giết hại.... Đi

BÀI HỌC SA DI

phải dòm ngó xuống cách lối hai thước mà niệm tưởng và xem tránh loài trùng, kiến, dế kẻo phải vì chân mình mà chết. Khi gặp vị Sa môn lớn, thì phải đứng bên dưới, để ý chào hỏi trước. Khi về chùa chẳng đặng nói chuyện hay dở, tốt xấu, quen lạ trong thành.

LÀM VIỆC CHỚ NÊN TỰ Ý Muốn đi đâu, làm việc gì trước phải thưa với thầy. May y chăn mới, xin thuốc men, đồ vật cần dùng, cạo tóc, xin giấy mực viết xài riêng, đều phải thưa thầy trước mới thọ lãnh. Sa di phải cung kỉnh bạch hỏi, xin phép những điều gì mình muốn xin dùng, nếu thầy không cho chẳng nên hờn giận. Có ai cúng dường cho Sa di, hoặc cho thầy vật chi, phải bạch trước với thầy mới được nhận. Khi muốn cho ai món gì cũng phải có sự chứng kiến của thầy. Muốn đi nghe giảng đạo, đi học, đi nhập chúng, giúp việc gì cho ai, hoặc khởi duyên chi, đều phải thưa trước với thầy, chẳng nên tự ý. Sa di không được rình nghe điều của các vị Tỳ kheo Sa môn bàn luận. Không đặng lén nghe các thầy tụng giới và sám hối. Điều gì không biết phải cung kỉnh nhờ thầy chỉ giải, giảng dạy cho.

ĐI CÁC CHỖ HỌC ĐẠO Đi xa phải nhờ bạn lành, người xưa nẻo lòng chưa tỏ, cầu thầy chẳng lấy ngàn dặm làm xa. Chẳng cùng bọn bất lương, tà ác, tham sân kết bạn lữ học trò, tập theo thói

xấu. Phải tìm thầy bạn tốt, hết lòng trau giồi đức tánh học đạo, lựa quyết nẻo dứt tử sanh. Chẳng nên xem nước dạo non, toan du lịch cho nhiều chỗ để khoe với người. Muốn vào chùa am chẳng đặng quảy, mang hành lý đi ngay vào chánh điện. Phải xin phép, thưa hỏi trước, tùy trong chùa cho phép, mới đặng đem hành lý vào ở nghỉ nơi nào, theo lời chỉ bảo của vị sư trị sự trong chùa. Đây là lược giải sơ tạm chút ít đôi điều cho có sự học hạnh lúc đầu của người tập sự, chớ quý hơn hết là tự mình phải có nhiều điều răn nghiêm nơi mình thêm nữa. Sa di phải chịu nghiêm giữ oai nghi tư cách, trau giồi đức tánh, phải kính ngôi Tam bảo và tập giữ lần đại giới, để khi nhập vào đại chúng Tỳ kheo, do công đức đó, mà được nhiều người tiến dẫn, không ai ngăn cản, và phải một lòng hết sức học hỏi cho uyên thâm nghĩa lý. Hằng coi xem sự hành động về thân, khẩu, ý của mình và ráng tham thiền quán xét cho thấu lẽ đạo, và phụ giúp vào việc làm công trong chúng. Hãy giữ đúng luật, giới, tịnh hạnh trong sạch mà tinh tấn tu hành. Đến khi được bước lên vào hàng Tỳ kheo lớp bình đẳng rồi, là chỉ còn sống chung tu học đúng chơn lý, tự mỗi ai nấy lo cho tâm mình. Nếu tâm được tịnh định, thì trí huệ sẽ sáng thông, đắc lần từ loạt quả đạo theo đường vô lậu Chánh đẳng Chánh giác, mà đắc được Vô sanh quả A-la-hán và nhập Niết bàn.

BÀI HỌC SA DI

SA DI PHẢI BIẾT RẰNG Tu học đạo đức là món ăn về tinh thần lý trí, để đến với tâm chơn Phật, một lẽ sống tinh khiết trong sạch hoàn toàn, rất cần hơn tất cả nghệ thuật và mọi sự học về bên ngoài thể chất, cùng sự giồi trau sắc thân, cái có, tô đắp sự vật hữu tình tan hoại, cần hơn cả thức ăn bổ dưỡng mỹ vị để nuôi thân. Thế nên người quân tử, ăn không cầu no, ở không cầu yên, chỉ cần chăm lo trau giồi đạo đức làm gương quý báu cho đời. Vì con người chịu thiếu kém về sự ăn mặc hoặc chỗ ở, vật chất còn có thể sống được, chớ thiếu đạo đức trí tâm ắt sẽ phải khổ nạn chết hết. Thế nên Sa di là một lớp đầu tập tu học, để đến lần theo đạo lý, công lý, lẽ sống chung tiến hóa quý báu, nên hay, ích lợi cho mình và cho cả chúng sanh. Vậy mỗi ai biết, thấy điều tối cần quý báu ấy, là nên hãy trước lo trau đức, giồi tâm để trở nên bậc người trên hạng thường nhơn tục tử. Hãy nhận nhìn ra lẽ ấy mà mau bước chơn đến nơi lớp học đạo

trường, trong thời hạn hai năm đặng uốn nắn tâm viên, giồi trau ý mã. Dù sau có bước ra đời, sống chung với chúng sanh muôn loại, cũng hiểu rõ được luật sống lý công, mà không phải mê muội, tối tăm, tạo ác, gây nhơn để phải quay cuồng nhào lăn theo tứ đại vật chất luân hồi rối khổ. Còn ai muốn tiến lên hàng Phật Thánh là phải tu, tiến lên lớp trên cao hơn nữa, phải có cả hàng trăm giới luật, tịnh hạnh, sống trong cảnh yên lặng không không của cảnh giới Niết bàn vậy.

Vậy thì tất cả ai ai cũng nên tập mình theo bậc Hiền nhân, hay bước lần lên bậc Trời, Phật là quý báu hơn hết. Mô Phật Và Sa di cần phải học thuộc lòng những bài kệ, để chú nguyện trong tâm mỗi lúc, khi có gặp dịp ấy:

NHỮNG CÂU CHÚ NGUYỆN
THỨC DẬY BUỔI SỚM BƯỚC XUỐNG GIƯỜNG NGỦ
Như, ngủ vừa tỉnh dậy Như, từ mai sớm đến chiều
Cầu cho chúng sanh! Cả chúng sanh khá giữ thân
Trí tất cả tỉnh Chân này lỡ giày đạp
Xem khắp mười phương. Cầu cho cảnh Phật về gần.
MẶC Y I LÊN NHÀ TIÊU
Như, bằng mặc áo trên Như, khi đi đại, tiểu
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Đặng căn lành quý Bỏ tham, sân, si
Đến pháp bờ kia. Dứt hết các tội.
II RỬA SẠCH
Như, khi mặc hạ y Như, việc rồi đến nước
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Mặc những căn lành Pháp ra khỏi đời
Đủ lòng hổ thẹn. Mau lẹ sang qua.
BÀI HỌC SA DI

III RỬA SẠCH CHỖ DƠ
Như, sửa áo buộc dây Như, rửa hết mình dơ
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Buộc tóm căn lành Trong sạch dịu hòa
Chẳng cho tản mất. Trọn vẹn không nhơ.
ĐI CHẲNG HẠI TRÙNG RỬA TAY
Như, nếu bước chân này Như, lấy nước rửa tay
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Khỏi biển sanh tử Đặng tay trong sạch
Đủ các pháp lành. Vâng phép giữ Phật.
NƠI NHÀ ĐI RA RỬA MẶT
Như, từ nhà đi ra Như, lấy nước rửa mặt
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!

Suốt vào trí Phật Đặng pháp môn sạch
Hằng ra ba cõi. Vĩnh viễn không dơ.
UỐNG NƯỚC BƯNG BÌNH SẠCH Như, Phật xem một bát nước Như, tay cầm bình sạch Tám muôn bốn ngàn trùng Cầu cho chúng sanh! Nếu không niệm chú này Trong ngoài không dơ Như ăn thịt chúng sanh. Đều được sáng sạch.

TRẢI NGỌA CỤ GIỞ BÁT Như, vật nằm ni sư đàn Như, bình bát của Như Lai Nuôi lớn tánh mộng lòng Tôi nay đặng mở bày Mở trải lên chỗ Thánh Nguyện dâng tất cả chúng Vâng giữ Như Lai dạy. Đồng ba vòng trống vắng.

LÊN ĐẠO TRÀNG THẤY BÁT KHÔNG Như, bằng đặng thấy Phật Như, bằng thấy bát không Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh! Đặng mắt thông suốt Trọn vẹn trong sạch Thấy tất cả Phật. Trống không phiền não.

LỄ PHẬT
Như, trên trời dưới đất chẳng so tài
Khắp cả mười phương cũng nhượng oai
Những việc trong đời tôi thấy rõ
Không ai bì đặng đức Như Lai.
CHƠN NGÔN LẠY KHẮP
Như, tánh lạy năng sở đều luống vắng
Cảm ứng nhằm đạo khó khen ngợi
Ta đến đạo tràng như ngọc tốt
Mười phương chư Phật bóng bày trong
Thân ta bóng bày trước chư Phật
Đầu mặt nối chơn tin trở lại.
BÀI HỌC SA DI

KHEN PHẬT THẤY BÁT ĐẦY
Như, vua pháp lớn không trên Như, bằng thấy bát đầy
Ba cõi không sánh ví Cầu cho chúng sanh!
Dắt dẫn cõi trời người Đựng tròn đầy đủ
Cha lành của bốn loại Tất cả pháp lành.
Tôi nay lần trở lại
CHỊU CỦA
Dứt hết nghiệp ba kỳ!
Như, thí của và pháp
Khen ngợi hoặc nêu bày
Đều không khác nhau
Ức kiếp không thể hết.
Sự thí rốt ráo
Viên mãn tròn đủ.

RỬA BÁT SÚC MIỆNG Như, đem nước rửa bát này Như, súc miệng sạch luôn lòng Như cam lộ cõi trời Ngậm nước thơm trăm bông Cúng cho các quỷ thần Ba nghiệp hằng trong sạch Đặng no đủ tất cả. Cùng Phật qua Tây phương.

LÓT CHỖ NGỒI THIỀN NGỒI THIỀN Như, bằng lót chỗ ngồi Như, vững mình ngồi ngay Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh! Mở bày pháp lành Ngồi tòa Bồ đề Thấy tướng chơn Phật. Lòng không chỗ chấp.

GÁNH NƯỚC ĐI VÒNG THÁP
Như, bằng thấy nước chảy Như, quanh mé hữu tháp
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Đặng như nguyện lành! Chỗ đi không nghịch
Rửa sạch bợn nhơ. Nên trí tất cả.
QUA SÔNG THĂM BỊNH
Như, bằng thấy sông lớn Như, thấy người tật bịnh
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Đặng nương dòng pháp Biết thân luống dối
Vào biển trí Phật. Khỏi pháp đua tranh.
QUA CẦU CẠO TÓC
Như, bằng thấy đường cầu Như, cạo bỏ tóc râu
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Rộng độ tất cả Lìa xa phiền não
Cũng như gác cầu. Rốt ráo vắng lặng.
KHEN PHẬT NGỦ NGHỈ
Như, khen Phật tướng tốt Như, đúng giờ ngủ nghỉ
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Nên được thân Phật Thân đặng yên ổn
Chứng pháp vô tướng. Lòng không rối loạn.
BÀI HỌC SA DI

RỬA CHƠN TẮM GỘI
Như, bằng rửa nơi chơn Như, tắm rửa thân mình
Cầu cho chúng sanh! Cầu cho chúng sanh!
Có đủ sức thần Thân tâm không dơ
Chỗ đi không ngại. Trong ngoài sáng sạch.
Đây là những câu nguyện kiểu mẫu, chớ đúng thật, mỗi người phải tự đặt ra câu chú nguyện cho thuận hạp theo duyên, mỗi việc; có như thế mới kìm giữ tâm đạo của Sa di, và phát tâm Chánh đẳng Chánh giác thật hành tinh tấn được vậy.

KỆ GIỚI

1. Giới như trái đất 2. Định như cây trồng trên trái đất 3. Huệ như trái cây Giới là nguồn cội của đạo Phật, giới còn thì đạo Phật vẫn còn, giới mất thì đạo Phật phải mất;

giới ví như khuôn hình cái trống, để bảo thủ lấy cái tiếng đầm ấm thanh tao của nó; giới ví như bầu không khí để hộ lấy sự sống của muôn loài. Giới ví như bức tường để ngăn cản các nẻo phóng tâm, chẳng cho lục trần thâm nhập. Có giới mới có thể phân biệt được nẻo chánh đường tà; có giới mới có sự an vui hòa hảo; giới là cái nhơn sanh của giống người và trời, nghĩa là giới mới có thể bảo giữ cho con người được hoàn toàn tấn hóa. Giới luật dắt dẫn người hành đạo từ thấp chí cao, tùy đẳng cấp, chớ sự tu hành chẳng phải không chuyên mà thành, không hành mà đắc. Giới ví như bờ biển, bao giờ cũng lài, cũng thấp, cũng bằng phẳng, chớ không phải dốc, đứng và hẩm sâu như các giếng, ao vậy. Vì thế nên

KỆ GIỚI

vị nào hiểu rõ giới luật ấy rồi, thì hết lòng vui thích mà hành theo. Điều luật mà Phật đã giáo huấn cho các hạng Thinh Văn rồi, ví dầu có điều chi uất trắc đến đỗi phải chịu luật tử hình đi nữa, cũng không thể nào ai dám bạo gan mà bỏ điều luật ấy. Cũng như nước trong biển cả, hằng giữ lấy mực nước cũ, chớ không vì một nguyên nhân gì mà phải đầy vơi như nước ở sông, ở rạch. Bởi thế nên vị nào hiểu hết điều luật ấy rất lấy làm vui thích mà hành theo. Những kẻ vì tính xấu, quyết lòng phá giới, làm cho người khác phải khổ tâm, hoặc che lấp các việc xấu của mình, mà bài xích kẻ khác, mình chưa đáng bực thầy mà tự xưng là thầy, không phải người cao siêu đức hạnh lại tự nhận là cao siêu đức hạnh, trong lòng chứa đầy ác dục, nhơ nhớp tợ như đống rác dưới thềm. Thánh chúng không thể chung cùng, nên xét lại hầu đem kẻ ấy ra khỏi Giáo hội lập tức. Ví dầu kẻ ấy có gượng ngồi chung trong đám hiệp hòa kia đi nữa, kẻ ấy ở trong Giáo hội cũng không còn giá trị trong Giáo hội, mà chúng hiệp hòa lại phải khổ tâm với kẻ ấy, chẳng khác nào biển cả, không bao giờ chứa một cái tử thi, dầu có đi nữa, cũng bị nước biển lần hồi đưa vào mé, rồi đưa tạt lên bờ! Trong các đẳng cấp của các hạng người trong xã hội, khi xuất gia vào thọ lãnh giới luật, mà Phật đã giáo hóa

rồi, thì cần nhứt phải dứt bỏ danh vọng, thế lực, dòng dõi, tổ tông mà nhìn nhận lấy chủng tộc Sa môn, họ hàng Khất sĩ mới được. Ví như nước của các nguồn sông, khi chảy vào đến biển rồi cũng phải dứt bỏ cái nguyên chất của nó, mà chung lấy một chất với nước biển. Dầu cho có một số nhiều vị nhập Vô dư Niết bàn cùng là đắc Hữu dư Niết bàn đi nữa, trong Giáo hội cũng không đến nỗi phải thưa thớt quạnh hiu, hay là đông đầy náo nhiệt. Ví như nước của các nguồn sông, rạch, cùng nước ở trên không trung, sa vào biển cả, cũng không thể làm cho biển cả vì lẽ ấy mà phải đầy vơi, sái mực. Giới luật chỉ đồng một phẩm vị giải thoát, ví như nước trong biển cả, chỉ có một chất mặn mà thôi. Giới luật có nhiều điều quý báu, hằng làm cho con người đặng mở mang tấn hóa. Những điều ấy như vầy: bốn chỗ niệm, bốn ý dứt, bốn pháp mầu, năm căn, năm lực, bảy phần Bồ đề, tám món Thánh đạo là những pháp quá cao thượng. Ví như trong biển cả có nhiều vật báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, châu đỏ, mã não, những vật báu ấy chỉ thường có ở nơi đáy biển. Giới luật là nơi dung thân của những bậc thiện căn, như: Tu Đà Huờn đạo, Tu Đà Huờn quả; Tư Đà Hàm đạo, Tư Đà Hàm quả; A Na Hàm đạo, A Na Hàm quả; A La Hán đạo, A La Hán quả; cũng ví như biển cả, là nơi cư trú của những loài cá lạ to lớn khác thường.

Những giới cấm mà Phật đã hạn định cho các đệ tử đó, có mười điều lợi ích như vầy: 1. Đặng sự tốt cho nhà đạo. 2. Đặng sự an vui cho nhà đạo. 3. Đặng đè nén những bọn dể duôi phạm giới. 4. Đặng sự an ổn cho những bậc trì giữ giới luật. 5. Đặng ngăn đón các pháp ác trong đời hiện tại. 6. Đặng ngăn đón các pháp ác trong kiếp vị lai. 7. Đặng dìu dắt những kẻ dữ về lành. 8. Đặng dìu dắt những kẻ sẵn lành cho càng thêm tấn hóa. 9. Đặng bảo tồn pháp luật. 10. Đặng nâng cao pháp luật. Nên truyền thừa giới luật ra, cho những kẻ nào đã phạm, dầu chánh phạm hoặc tùng phạm rõ biết rằng: Giới luật mà người đã phạm đó, đức Thế Tôn đã hạn định ra, bởi nguyên nhân trước kia có một vị đã phạm như vậy. Thế thì người tu Phật cần nhứt phải giữ giới luật, nếu muốn giữ được hoàn toàn tinh tấn, thì phải cần biết giới luật có bảy đặc ân như vầy: 1. Giới luật giúp cho kẻ thực hành đạt được cái giác. 2. Giới luật giúp cho kẻ thực hành xa lìa sự tu hành thiên về một bên, để tìm sự vui sướng.

3. Giới luật giúp cho kẻ thực hành được tránh khỏi bốn đường ác đạo. 4. Giới luật giúp cho kẻ thực hành được dứt khỏi các điều phiền não. 5. Giới luật giúp cho kẻ thực hành dứt khỏi các tội lỗi về tình dục. 6. Giới luật giúp cho kẻ thực hành rửa sạch các pháp chẳng lành nơi thân, khẩu, ý. 7. Giới luật giúp cho kẻ thực hành đắc hai bậc Thánh quả, Nhập lưu và Nhứt lai. Giới luật phác họa ra sao, phải để y như vậy, không bao giờ được sửa đổi, nếu sửa đổi thì không còn đạo Phật. Giới luật là một điều cần thiết cho Giáo hội. Bởi vậy trên thế gian này, kẻ nào có duyên với Phật, đã theo đạo thì phải theo chế độ nhất định; nên chi Phật đạo ví như biển cả, nước ở đâu đâu, như ở sông, ở rạch, hoặc ở không trung, chảy vào biển rồi đồng hóa một màu; trong Giáo hội cũng thế, dầu sang, hèn, trí, ngu gì, vào Giáo hội rồi cũng coi nhau đồng một hạng, mặc dầu căn cơ độn lợi, hễ người thông minh thì hết lòng thương mà dìu dắt kẻ tối tăm, ấy là do nơi giới luật mà được vậy. Giới luật là một chế độ rất khít khao chặt chẽ, cho đến mỗi vị thọ Cụ túc giới rồi, dầu cho đi, đứng, ngồi, nằm, dầu cho đăng đàn thuyết pháp, dầu cho trì bình khất thực, mỗi mỗi cách hành vi đều có giới luật nghiêm răn. Tu là trau, sửa, hễ tu

KỆ GIỚI

hành thì đức hạnh làm gốc, mà đức hạnh do giới luật phát sanh, nếu nghiêm trì giới luật, tu hành chín chắn, đó tức là con đường giải thoát! Giới luật là món đắc dụng cho kẻ tu hành, ví như nền tảng chắc chắn để cất lầu cao, lại ví như bờ rào rất khít khao, không cho vọng tâm phóng túng. Một người thay mặt cho Phật thật không phải dễ, mỗi cách hành động như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, mặc, nói, làm, mỗi cách cư xử đều phải giống y như Phật, cho đặng thiện tín, hễ thấy Tăng cũng như thấy Phật. Tăng chúng chỉ giữ giới, tướng mạo trang nghiêm, ở ăn theo Phật, cũng đủ khêu gợi được lòng tín ngưỡng của bá tánh. Tăng chúng thay mặt cho Phật, ít ra cũng phải học hỏi uyên thâm, ngõ hầu hiểu thông và giảng giải lại những lý thuyết rất cao siêu, huyền diệu mà Phật đã thấy khó cho chúng sanh, sau khi thành Chánh đẳng Chánh giác. Người thay mặt cho Phật lẽ đương nhiên mỗi mỗi phải y theo Phật, phải trọn lòng vâng chịu theo chế độ của Giáo hội Tăng già; theo chế độ ấy, dầu cho tâm chưa được hoàn toàn trong sạch, chớ nết hạnh cũng được sửa đổi rất nhiều, cũng được đức hạnh đáng cho thiện tín

cúng dường, sùng bái! Một người trước khi xuất gia để vào Giáo hội, phải chịu đủ điều kiện bắt buộc theo luật xuất gia. Làm lễ xuất gia xong, phải giữ giới tập sự, chịu các điều khổ hạnh trong một thời gian nhứt định, ấy cũng là phương pháp nung đúc lòng kiên nhẫn của người tu. Bởi tu Phật cần nhứt phải kiên tâm trì chí, đến khi vào hàng xuất gia thiệt thọ rồi, lại phải

chịu câu thúc trong vòng giới luật, chịu dưới chế độ của Giáo hội cho đến trọn đời; nếu không chí quả quyết, giữa đường trở lại, hoặc tâm không trong sạch, chất chứa bụi trần, đã không xứng đáng làm người thay mặt cho Phật, lại thêm một mối hại cho Phật pháp nữa. Chế độ của Giáo hội là những quy củ chuẩn thằng để bó buộc Tăng chúng cùng chung khuôn khổ, để nâng cao địa vị của mình, cho đặng thọ hưởng lòng ham mộ cúng dường của thiện tín; chế độ khuôn khổ ấy giúp người nghiêm giữ nó, chiến thắng biết bao nhiêu trận giặc một cách vẻ vang, khí cụ ấy tức là giới luật vậy. Cũng như các chế độ khác, đạo Phật được thạnh hành chừng nào, thì chế độ của Giáo hội lại càng thắt chặt chừng ấy. Những ai muốn theo đạo Phật mà không chịu nghiêm trì theo chế độ của Giáo hội, tức khi giáo pháp; khi giáo pháp tức khi Phật; khi Phật tức khi tâm; mình không kể cái tâm của mình, để cho nó tự do phóng túng, chừng nó phóng túng được rồi, tưởng không việc ác nào mà chẳng dám làm. Phương chi trong Giáo hội đều là những người đã ly gia cắt ái, muốn tu Vô thượng Bồ đề, tự nhiên phải nghiêm trì giới luật, bởi chưng giới luật là bá hạnh vi tiên. Giới luật chẳng trì giữ, quả Bồ đề đâu được đắc thành. Tiên triết xưa có nói: Chúng sanh thọ giới, tức là vào ngôi chư Phật; giới năng sanh định, định năng phát huệ, huệ

KỆ GIỚI

năng minh tâm, minh tâm kiến tánh là thành Phật; xưa nay thành Phật Thánh cũng đều do giới luật vậy; muốn tu hành thì phải nghiêm giữ giới luật, phát đại nguyên dõng mãnh tinh tấn mới đạt quả Niết bàn đặng. Ấy vậy, trong phạm vi chật hẹp, giới luật có thể nâng cao địa vị người lên nẻo tối cao, cho đặng giải thoát phiền não cõi trần, thật quý báu vô cùng! Nên chi Phật đã ân cần dặn bảo, người tu hành há dám dể duôi mà hờ hững hay sao? Tóm lại, muốn xuất gia tu Phật, phải hoàn toàn chịu dưới chế độ nghiêm luật của Giáo hội Tăng già.

MƯỜI GIỚI TẬP SỰ SA DI

1. Cấm sát sanh.
2. Cấm trộm cắp.
3. Cấm dâm dục.
4. Cấm nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa chửi.
5. Cấm uống rượu, tham lam, sân giận, si mê.
6. Cấm trang điểm phấn son, dầu hoa, áo quần hàng lụa tươi tốt.
7. Cấm nghe, xem hát, múa, đờn, kèn, yến tiệc vui đông.
8. Cấm ngồi ghế cao, nằm giường rộng, chiếu lớn xinh đẹp.
9. Cấm ăn sái giờ từ quá ngọ đến ngọ mai (phải ăn chay).
10. Cấm rớ đến tiền, bạc, vàng, của quý, đồ trang sức.

1. Giới thứ nhất: CẤM SÁT SANH Trên ví đến chư Phật thánh, thầy cùng cha mẹ, dưới cho đến những loài bò, bay, máy, cựa, côn trùng nhỏ nhít, nếu có mạng sống là chẳng đặng giết hại: hoặc mình giết, hoặc xúi người giết, hoặc thấy giết mà vui lòng, đều phạm giới sát cả! Ngày xưa những nhà đạo đức từ tâm, qua mùa Đông bắt rận bỏ ống tre, phủ bông gòn cho ấm, cạo mồ hôi cho ăn, vì sợ chúng đói lạnh mà chết đi! Lại như sự lược nước, vì sợ uống lầm giết mạng vi trùng; sự che đèn, vì sợ con thiêu thân uổng tử; chẳng dám nuôi mèo, nuôi chồn, vì sợ chết nhiều con vật khác! Ấy đó là việc làm của người đã chứng đạo từ bi! Loài nhỏ nhít mà lòng thương xót dường ấy, huống hồ mạng sống to lớn, quan hệ đến bực nào? Ngày nay dầu ta chẳng làm được như người xưa, chớ lẽ nào ta lại giết hại? Như có thấy người giết, ta nên dùng lời khôn khéo, khuyên nhắc người phát khởi từ tâm, rộng ơn tha mạng sống ấy, khiến cho đương lúc ngặt nghèo, bỗng trở nên yên úy, cám cảnh biết ngần nào! Vậy nên nhớ rằng: Sự sanh tử luân hồi là bởi tại dây oan trái, muốn giải thoát phải tháo mở hận thù.

2. Giới thứ hai: CẤM TRỘM CẮP Nếu không phải của người cho thì chẳng đặng lấy, chẳng những vàng bạc là vật báu quý mà thôi, dầu cho đến những vật hèn hạ như mũi kim, ngọn cỏ cũng vậy

nữa, hoặc của chúng Tăng, hoặc của quan, của dân, của hết thảy, hoặc cướp lấy, trộm lấy, dối trá mà lấy đến như sự dối dò, thảy đều là trộm đạo. Xưa có kẻ Sa di lấy trộm của Giáo hội 7 trái cây, một Sa di khác nữa lấy trộm của chúng Tăng vài cái bánh, một Sa di khác nữa lấy trộm của chúng Tăng chút đỉnh đường phèn, cả ba đều đọa địa ngục! Vậy nên nhớ rằng: Thà để chặt tay chớ chẳng lấy của quấy.

3. Giới thứ ba: CẤM DÂM DỤC Kẻ tại gia giữ năm giới, ấy chỉ ngăn việc tà dâm, chớ người xuất gia thọ mười giới, phải dứt hẳn sự dâm dục, nếu chẳng ngăn ngừa để phạm gọi là phá giới. Xưa có một Ni cô trong tâm móng khởi dâm dục bèn nói như vầy: Chẳng phải sát sanh, chẳng phải trộm đạo thì không tội báo vậy. Kẻ ấy cả thân mình túa ra lửa dữ, sa về chốn địa ngục! Người đời bởi do lòng dục mà giết hại thân mình, tiêu tan sự nghiệp; ta mong đổi phàm làm Thánh, theo đạo bỏ đời, há lại phạm như vậy hay sao? Há không biết dâm dục là nguồn gốc của sự sanh tử luân hồi hay sao? Vậy nên nhớ rằng: Dâm dục mà sống đi nữa cũng chẳng bằng trinh khiết mà chết!

4. Giới thứ tư: CẤM NÓI LÁO Nói láo có bốn thứ: 1. Một là vọng ngữ: Lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải, thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, gọi là chẳng thiệt. 2. Hai là ỷ ngữ: Khoe khoang ỷ thị, trau chuốt lời nói, ra tuồng màu mè, hồ mị, ỏng ẻo, làm cho mỗi câu văn để quyến rũ người say mê xiêu lòng lạc dạ. 3. Ba là ác khẩu: Miệng dữ hỗn xược, mắng nhiếc, rủa sả người ta. 4. Bốn là lưỡng thiệt: Hai lưỡi đâm thọc, tới ở đây nói chuyện đằng kia, tới đằng kia nói chuyện ở đây, châm chích cho người xa lìa ân nghĩa, ghẹo chọc cho người nóng nảy đua tranh! Những đến trước khen, sau chê, mặt phải lưng quấy, nói tội cho người, nói xấu chuyện người..., đều phạm về giới thứ tư vậy! (Cũng như chưa dứt lòng phàm mà nói chứng quả Thánh, ấy thật đại vọng ngữ, tội nặng vô cùng). Chỉ trừ lúc gặp người tai nạn gấp rút, lòng từ bi dùng phương chước

khéo trợ cứu, ấy chẳng phạm mà thôi. Người đời xưa hạnh nết thuần lương, tự nhiên chẳng bao giờ nói vọng, huống chi mình nay là người đạo, lìa bỏ cảnh đời mà còn đeo mang nghiệp quấy hay sao!

KỆ GIỚI

Kinh có chép rằng: Một Sa di kia chê cười một vị Tỳ kheo tụng kinh như tiếng chó sủa, mà vị Tỳ kheo ấy thiệt là bậc A la hán chẳng chấp, lại đi dạy Sa di sám hối, cho nên Sa di đó khỏi đọa địa ngục, nhưng còn phải mang thân chó; một lời nói dữ mắc hại biết dường nào! Vậy nên nhớ rằng: Con người ở đời có búa để sẵn trong miệng, nói lời nói dữ, ấy là mình chém thân mình! 5. Giới thứ năm: CẤM UỐNG RƯỢU Rượu là món rất hại, chỉ trừ cơn bịnh nặng phải dùng làm thuốc đó thôi, nhưng nếu chưa trình cho Giáo hội hay biết, thì một giọt nhỏ chẳng đặng thấm môi. Cho đến chẳng đặng ngửi mùi rượu, chẳng đặng đứng tại quán rượu, chẳng đặng lấy rượu cho người uống! Xưa có một người thiện nam, nhơn phá giới rượu, mà phạm luôn 36 lỗi khác, ấy thật là chỉ có một lần uống no đủ, mà biết bao lần chịu thiếu thốn, về sự mất phước an vui, thêm tội khổ sầu, đời đời mê muội, mất giống trí huệ, loạn vọng điên cuồng, thật là dữ hơn thuốc độc. Người tại gia còn thế, lại như kẻ xuất gia, nếu uống rượu, thật đáng tủi hổ cho tiếng nhà sư! Vậy nên nhớ rằng: Thà uống nước đồng sôi chớ chẳng uống rượu! 6. Giới thứ sáu: CẤM CHƯNG DIỆN ĐEO BÔNG Chẳng đặng trau giồi về sự mặc, chẳng đặng dùng phấn sáp, dầu thơm, đeo bông.

Phật dạy: Tam y chỉ dùng bô bố to dề xấu xí, cấm hẳn tơ lụa nhiễu hàng, sợ e lông thú ruột tằm, những sinh mạng vì mình chết thảm, lòng từ bi bao nỡ mặc cho đành! Nhà Hạ, vua Võ mặc áo xấu, ông Công Tôn dùng mền vải; ấy là bậc vương thân quyền quới nhứt đời, chẳng se sua chưng diện, nay người đạo há tham huê dạng mà làm việc trái ngược hay sao? Ca sa hoại sắc, rách rưới, tạm che hình đó mới hạp đạo! Xưa có người ba mươi năm đi có một đôi giày, ngày nay có ai được vậy?

7. Giới thứ bảy: CẤM CA HÁT, CỜ BẠC Chẳng đặng đờn ca hát xướng, cũng chẳng đặng tới nghe, xem. Xưa có vị tiên nhơn, bởi nghe gái hát, âm thinh dịu dàng mà phải dứt mất phép linh; nghe xem còn hại dường ấy, huống chi tự mình hát xướng, vui chơi. Ta vì đường sanh tử, bỏ tục tầm thanh, há lại còn ham vui theo đàng bất chánh, kỹ nhạc chơi bời, cờ bạc, các cách chơi tiêu khiển, giải trí của người đời đều nguy hại cho lòng đạo cả!

8. Giới thứ tám: CẤM NGỒI GHẾ CAO, NẰM GIƯỜNG RỘNG Phật dạy: Giường nằm không cao quá tám ngón tay (4 tấc), nếu trên nữa là phạm, chẳng đặng chạm trổ sơn vẽ, cùng chưng, treo màn chắn lụa là!

KỆ GIỚI

Người xưa dùng cỏ lót ngồi, nghỉ qua đêm dưới gốc cây, nay có giường chõng, kể đã hơn nhiều lắm vậy, lẽ nào còn tham rộng lớn buông lung vóc huyễn hay sao? Ông Hiếp Tôn Giả trọn đời lưng không dính chiếu. Ông Cao Phong Diệu thiền sư, ba năm nguyện đứng chẳng nương giường. Ông Ngộ Đạt thọ nhận trầm hương tòa, tổn phước mà mắc báo! Ta nên coi những gương ấy hầu sửa mình.

9. Giới thứ chín: CẤM ĂN SÁI GIỜ Hàng chư Thiên ăn sớm mai, Phật ăn giờ ngọ, súc sanh ăn sau giờ ngọ, ngạ quỷ ăn đêm. Người tu học Phật, chẳng ăn quá giờ ngọ; loài ngạ quỷ nghe khua bát thì trong cổ khát khao phừng lửa, cho nên ăn trong giờ ngọ hãy còn vắng vẻ, huống hồ quá ngọ. Xưa có vị cao tăng, nghe vị sư gần bên sau giờ ngọ còn nổi lửa, bất giác Ngài sa nước mắt, thương trong Phật pháp suy đồi; chỉ trừ người vóc yếu bịnh nhiều, món ăn chiều ấy như món thuốc, chữa lành bịnh rồi thôi! Kỳ dư ai trái lời Phật dạy, thật đáng tủi hổ! Thương kẻ đói lòng, chẳng nỡ ăn nhiều, chẳng đành ăn ngon, chẳng an lòng mà ăn, phải như vậy! Bằng chẳng đặng vậy, ắt mắc tội nặng nề! Chưa phải bịnh nặng mà ăn sau giờ ngọ, không đáng gọi là bậc Sa di vậy!

10. Giới thứ mười: CẤM GIỮ TIỀN, BẠC, VÀNG Thuở Phật sanh tiền, chư Tăng đều đi khất thực, chùa không lửa khói. Vật ăn, đồ mặc, chỗ ở, thuốc men đều nhờ nơi những người cư sĩ hộ trì Phật pháp, nên tiền bạc không chỗ dùng, Phật cấm nghe biết, huống chi cầm giữ! Xưa nhà nho thanh bạch, chẳng đoái của bằng vàng. Nay ta Khất sĩ, xưng nghèo, chứa của để làm gì? Người tu đời nay không phải Khất sĩ, nên chi lúc ở am chùa hoặc đi phương xa, cũng chưa khỏi dụng phí tiền bạc, trái lời Phật dạy dường ấy, hổ mang danh Phật tử vô cùng! Hãy thương kẻ ngặt nghèo, thường hành bố thí, chớ cầu nhiều, chớ chứa để, chớ buôn bán, chớ dùng của báu trau giồi xác thân, ăn mặc đơn giản thanh bần mới phải người tu giải thoát.

TỨ Y PHÁP TRUNG ĐẠO 1) Người tu xuất gia: Phải lượm những vải bỏ mà đâu lại thành áo, nhưng có ai cúng vải, đồ cũ thì được nhận. 2) Người tu xuất gia: Chỉ ăn đồ xin mà thôi, nhưng ngày hội thuyết pháp được ăn tại chùa. 3) Người tu xuất gia: Phải nghỉ dưới cội cây, nhưng có ai cúng lều am nhỏ bằng lá một cửa thì được ở. 4) Người tu xuất gia: Chỉ dùng cây, cỏ, vỏ, lá mà làm thuốc trong khi đau, nhưng có ai cúng thuốc, đường, dầu thì được dùng.

KỆ GIỚI

250 GIỚI XUẤT GIA TRUNG ĐẠO
Tứ phần luật Tỳ kheo (Khất sĩ)
Giới bổn (Tam y nhứt bát)
8 ĐIỀU LẠ CỦA BIỂN
1. Bực bao giờ cũng lài thấp
2. Nước vẫn giữ mực thường
3. Không bao giờ dung chứa tử thi
4. Các nước tuôn vào biển hóa một màu
5. Dầu thêm bớt cách mấy cũng tự nhiên
6. Chất mặn không thay đổi
7. Trong biển có nhiều vật báu
8. Trong biển có nhiều quái thú to lớn.
8 ĐIỀU LẠ CỦA PHÁP LUẬT
1. Dẫn dắt người hành đạo từ thấp chí cao
2. Điều luật không ai vì lẽ gì dám bỏ

3. Kẻ nhơ nhớp sẽ bị sa thải
4. Bình đẳng như nhau không giai cấp
5. Giáo hội dầu thêm bớt vẫn y nhiên
6. Pháp luật đồng một phẩm vị giải thoát
7. Pháp luật có 37 phần chánh giác 8. Pháp luật là nơi dung thân của Hiền Thánh.

10 ĐIỀU LỢI ÍCH
CỦA PHÁP LUẬT
1. Đặng sự tốt cho Tăng
2. Đặng sự an vui cho Tăng
3. Đặng đè nén những kẻ dể duôi phá giới
4. Đặng yên ổn cho bậc Tỳ kheo giữ giới
5. Đặng ngăn đón các pháp ác trong đời hiện tại
6. Đặng ngăn đón các pháp ác trong kiếp vị lai
7. Đặng dìu dắt kẻ dữ về lành
8. Đặng dìu dắt kẻ sẵn lành cho thêm tấn hóa
9. Đặng bảo tồn pháp luật
10. Đặng nâng cao pháp luật.
7 CÁI ĐẶC ÂN CỦA GIỚI LUẬT
1. Giúp cho kẻ thật hành đạt được 3 cái giác
2. Giúp cho kẻ thật hành xa lìa sự tu hành một bên
3. Giúp cho kẻ thật hành tránh khỏi 4 đường ác đạo
4. Giúp cho kẻ thật hành dứt khỏi các điều phiền não
5. Giúp cho kẻ thật hành dứt các tội lỗi của tình dục
KỆ GIỚI

6. Giúp cho kẻ thật hành rửa sạch các pháp ác nơi thân, khẩu, ý. 7. Giúp cho kẻ thật hành đắc quả Nhập lưu và Nhứt lai.

4 GIỚI TRONG SẠCH
(THÀNH TỰU)
1. Giới thành tựu do sự thu thúc theo giới bổn
2. Giới thành tựu do sự thu thúc lục căn
3. Giới thành tựu do sự chánh mạng
4. Giới thành tựu do sự nương theo phép quán tưởng trước rồi mới dùng bốn món vật dụng.
5 PHẬN SỰ CỦA PHẬT
1. Trong buổi mai, Ngài ngự đi trì bình khất thực
2. Trong buổi chiều, Ngài thuyết pháp
3. Trong buổi hoàng hôn, Ngài giáo hóa chư Tăng
4. Trong canh khuya, Ngài đáp lời vấn của chư Thiên

5. Trong canh năm, Ngài xem xét chúng sanh về nhơn duyên.

4 PHÁP THÁI QUÁ

CỦA KẺ NON NÚI

1. Nhịn đói không ăn uống
2. Lõa lồ không mặc đậy
3. Mưa nắng phơi ngoài trời
4. Đau liều mạng không uống thuốc.

4 PHÁP BẤT CẬP

CỦA NGƯỜI THÀNH THỊ

1. Ăn nhiều bữa, lựa món ngon
2. Mặc khoe khoang dư dả
3. Ở nhà ngói, lầu đài
4. Không đau mà uống thuốc bổ dưỡng, cất dành.

26 ĐIỀU NUÔI MẠNG TÀ KIẾN

ĐỐI VỚI TU SĨ

1. Giả cách làm tề chỉnh
2. Giả cách làm vui vẻ
3. Nói ướm
4. Giả bộ hăm dọa
5. Được nơi đây cho nơi kia, được nơi kia cho nơi đây
6. Cho tre

KỆ GIỚI

7. Cho cây lá
8. Cho bông hoa
9. Cho cây trái
10. Cho cây xỉa răng
11. Cho nước rửa mặt
12. Cho vật để tắm
13. Cho vật để thoa dồi
14. Cho đất của Tăng
15. Tôn kính kẻ thế
16. Thật ít, dối nhiều
17. Giữ giùm con cho người
18. Làm tay sai cho người
19. Làm thầy thuốc cho người
20. Làm kẻ đem tin cho người
21. Dâng mình cho người sai việc
22. Đem cơm cho người rồi đi xin sau mà ăn
23. Cho đi cho lại

24. Xem thiên văn địa lý

25. Xem ngày tháng sao hạn cho người

26. Xem tài tướng và xem thai đàn bà.

DIỆT LÒNG HAM MUỐN

1. Người nào trong lòng chứa đầy những sự ham muốn, làm các việc cho được danh vọng với đời, thì khác nào mùi hương trầm bay thoảng qua thơm phức, nhưng trong giây phút thì tan mất hết; những người mê muội ấy chỉ biết háo danh, chớ không hề ra sức tìm chơn học đạo, dầu họ được toại kỳ sở nguyện đi nữa, họ cũng vẫn nghèo hèn về đạo đức, mà sau đấy họ còn ân hận mãi. 2. Sắc đẹp với sang giàu, hai thứ này giống như miếng mật dính trên lưỡi dao, biết bao kẻ dại kê miệng nếm thử, không ngờ phải bị đứt lưỡi đớn đau! 3. Cỏ khô đem kê gần lửa, thì nó bắt cháy phừng lên; nếu người tu hành không tránh xa tình dục, thì sẽ phát cháy như cỏ khô kia. 4. Trong các thứ dục tình, duy có thói say mê sắc tốt là dữ hơn hết, không có dục tình nào thắng nó nổi, nhưng may thay có một mình nó mà thôi, nếu có một thứ dục tình nào khác cũng mạnh như nó, thì khó mà học đạo được. 5. Nếu trong lòng muốn tưởng quấy, hãy suy xét làm sao cho tấm lòng trở nên thanh tịnh như cũ. Vậy thì hãy

DIỆT LÒNG HAM MUỐN

bắt từ trên đầu, suy nghĩ tới dưới chơn, rồi ở ngoài suy nghĩ vô trong thân thể. Này, trong mình con người chỉ chứa những chất ô uế: xương, thịt, máu, mủ... Suy nghĩ như vậy, bắt gớm nhờm, mà trừ được các tư tưởng quấy. 6. Người ở trong vòng ham muốn giống như kẻ điên cầm đuốc đi ngược gió, nếu không quăng đuốc phải cháy tay, sự vụng về của họ đã thấy rõ ràng; bởi vậy, khi người còn mang tam chướng là tham, sân, si và chưa thấy được đạo, thì in như kẻ điên cầm đuốc đi ngược gió mà không buông để đến phải cháy tay. 7. Người đời bị các điều ham muốn làm chóa mắt, nên không biết đàng nào là đàng chánh, họ giống như nước bùn có lộn năm thứ màu, nếu có cái chi làm cho nước xao động, thì dòm xuống nước không thấy được hình. Cái trí cũng thế, nếu bị các điều ham muốn làm chộn rộn, thì nó trở nên nhơ bợn, không thấy được đạo. Trái lại, những người biết thú tội và ăn năn chừa cải, nếu gặp được chơn sư tức thì ngộ đạo, cũng như nước lọc hết chất bùn, trở nên trong sạch, dòm vô liền thấy hình rõ ràng. 8. Lại ví như nồi nước để trên lửa, sôi lên sùng sục, hơi bay ngun ngút, ai lại gần dòm vô, thế nào cũng không thấy bóng của mình; vậy nếu mang lấy tam chướng vào mình và phạm giới luật, thì khó bề thấy được đạo. Song, nếu ai biết lo rửa sạch tâm trần, dầu khi bỏ xác phàm rồi về cảnh Phật ở chốn nào. Và tới lúc đi đầu thai kiếp sau, sự học thức thế nào đi nữa, chung cuộc cũng thấy rõ đường đạo.

9. Những kẻ phải kinh sợ vì quá tríu mến gia đình, hoặc mê của tiền gia thế, thì giống như người mắc chốn lao tù, bị xiềng, bị còng, vừa buồn rầu, vừa hãi hùng. Ở trong khám còn mong ra được, chớ quá tríu mến gia đình, thì sự lo sợ khác nào lúc vào hang cọp, kẻ mê muội vì tình thương nặng quá và không đề phòng, thì có thể nào dứt được sự khổ não! 10. Ham muốn quá phải chịu đau đớn, có đau đớn tất phải lo sợ, hễ hết ham muốn thì hết đau đớn, hết đau đớn thì hết lo sợ. 11. Người học đạo giống như miếng cây trôi ra vàm sông, nếu miếng cây ấy trôi dõi theo dòng nước, không bị tấp

vào bờ, không ai vớt lên, không phải vị hung thần hay kiết thần nào làm cho trở lại, không ở lình bình một chỗ, không hư không mục, tất nhiên trôi ra biển cả. Khi con người nhập đạo rồi, không còn bị các điều ham muốn làm cho lầm lạc, không để cho các tình dục làm chủ, giữ lòng thanh tịnh và ráng sức làm lành thì đắc đạo vậy. 12. Đạo không có hình dạng rõ ràng, muốn biết nó ra sao chẳng có ích chi cả, nhưng lo trau giồi tâm trí thì quý lắm, ví như tấm kiến trau giồi sáng suốt, tức nhiên hình rọi thấy rõ ràng. Bởi vậy, ngày nào con người dứt được các điều ham muốn, lòng vẫn trống không tức thì cửa đạo mở rộng, con người bước vào đó rồi, thì nhớ hết mấy kiếp trước.

DIỆT LÒNG HAM MUỐN

13. Kẻ mới học đạo, giống như một người chống cự với muôn ngàn kẻ nghịch, ví như người kia mặc y giáp, mang khí giới rồi ra trận, hoặc người ấy sợ mà trở lại liền, hoặc đi nửa đường trở lại, hoặc tử trận, hoặc thắng trận về xứ được người tôn trọng vinh vang. Bởi vậy, nếu ai bền chí giữ gìn tánh hạnh, hết sức ăn ở theo đường đạo đức, không để cho sự dốt nát mê muội làm lầm lạc, thì tránh được hết các tình dục và sẽ đắc đạo. 14. Người học hỏi trong đường đạo giống như sắt, người ta nấu đặng lọc cho sạch, nấu nhiều lần mới lấy ra hết sét và cặn cáu, chừng ấy mới có thể dùng làm nên nhiều đồ tốt... Bởi vậy, những người nhập đạo, lần hồi rửa sạch cái tâm, chẳng cho dính chút bợn nhơ nào, và cứ một lòng lo đạo đức, thì thế nào cũng đắc đạo. Bằng như họ lo rầu, làm cho hư hại tinh thần họ, mà rồi cái ảnh hưởng ấy nó làm cho họ xa đường đạo; hễ xa đường đạo thì họ phải lầm lỗi, và tội của họ làm chất chứa thêm hoài. 15. Khi con người chuyên lo đạo đức, xa lánh các tình dục, thì giống như xâu chuỗi treo trên không, mỗi ngày mỗi rứt từng hột, cứ rứt hoài thì xâu chuỗi phải hết. Bởi vậy cho nên nếu ai phá tan sự vô minh mê muội, thì đắc đạo rất dễ dàng. 16. Một con bò chở nặng, đi ngang qua vũng lầy, hồi đi thì cực nhọc rên siết, nhưng qua đến bờ khô ráo nghỉ ngơi rồi, nó quên hết các sự mệt nhọc; người học đạo cũng thế, các tình dục làm cho người lo sợ, cũng như lo sợ vũng lầy,

nhưng dầu cho người sợ sệt thế nào, nếu người bền chí dốc lòng, chuyên lo đạo đức, ắt người sẽ tránh khỏi các sự đau khổ của kiếp luân hồi. 17. Những nhà đạo sau khi thí phát rồi, thì bỏ hết của trần, ngày đi xin ăn, đêm ngủ dưới cội cây, chỉ dùng một bữa cơm ngọ mà thôi! Tại sao thế? Là bởi vì con người thường bị những sự vui sướng áng mắt, giục làm các việc lỗi lầm. 18. Phật xưa có dạy rằng: Các ngươi đừng quá tin ở tấm lòng của các ngươi, các ngươi hãy ráng giữ mình, đừng để say đắm về hình thức, vì hễ say đắm về hình thức thì phải chịu đau khổ, ngày nào được chứng quả La hán rồi, chừng ấy mới nên tin ở lòng mình. 19. Lìa cha mẹ, bỏ nhà cửa đặng nhập đạo, một lòng quyết chí học hỏi cho rõ chơn tâm, bổn tánh, và hiểu thấu phép vô vi của Phật, tức là thành một vị Tu đà huờn. Trì chí ăn ở theo 250 giới luật nghi, đừng bỏ qua một giới nào, ráng hết sức cho thâm nhập Tứ diệu đề và rửa lòng trong sạch là thành một vị A la hán. 20. Khi những vị đã dứt hết sự dục vọng, không thọ lãnh cái chi nữa, không tìm kiếm cái chi nữa, không bị đạo ràng buộc nữa, không bị việc trở ngại nữa, không còn tư tưởng nữa, không còn hành động nữa, không còn tham thiền nữa, không tỏ ra bề ngoài cái chi nữa, mấy vị ấy lên tới bậc Toàn giác tuyệt đối, đó tức là đạo.

ĐỊNH

40 ĐỀ MỤC THIỀN ĐỊNH

Chia ra làm 7 phần:

I. Mười đề trước mặt

II. Mười đề tử thi

III. Mười đề niệm niệm

IV. Bốn đề vô lượng tâm

V. Bốn đề vô sắc

VI. Một đề bất động

VII. Một đề tưởng.

I. Mười đề trước mặt

1. Dùng đất làm đề mục

2. Dùng nước làm đề mục

3. Dùng gió làm đề mục

4. Dùng lửa làm đề mục

5. Dùng vật có sắc xanh làm đề mục

6. Dùng vật có sắc vàng làm đề mục

7. Dùng vật có sắc đỏ làm đề mục

8. Dùng vật có sắc trắng làm đề mục

9. Dùng hư không làm đề mục

10. Dùng ánh sáng làm đề mục.

II. Mười đề tử thi

1. Tử thi sình nổi lên

2. Tử thi sình có sắc xanh

3. Tử thi sình có mủ chảy

4. Tử thi đã bị người chặt đứt nửa thân mình

5. Tử thi đã bị thú ăn có dấu nhiều chỗ

6. Tử thi đã bị người cắt đứt rời ra từng đoạn

7. Tử thi đã bị người bằm nhiều chỗ

8. Tử thi đã bị phạm khí giới máu chảy nhiều chỗ

9. Tử thi đã bị dòi đục đủ cả cửu khiếu

10. Tử thi chỉ còn những xương rời ra.

III. Mười đề niệm niệm

1. Tưởng nhớ luôn luôn đến đức của Phật

2. Tưởng nhớ luôn luôn đến đức của Pháp

3. Tưởng nhớ luôn luôn đến đức của Tăng

ĐỊNH

4. Tưởng nhớ luôn luôn đến đức của giới 5. Tưởng nhớ luôn luôn đến đức của bố thí 6. Tưởng nhớ luôn luôn đến đức của chư Thiên và đức tin của mình 7. Tưởng nhớ luôn

luôn đến sự chết 8. Tưởng nhớ luôn luôn theo thân thể 9. Tưởng nhớ luôn luôn đến hơi thở ra và thở vô 10. Tưởng nhớ luôn luôn đến Niết bàn, là nơi tịch tịnh dứt khỏi các sự thống khổ.

IV. Bốn đề vô lượng tâm
1. Rải tâm đại Từ đến tất cả chúng sanh
2. Rải tâm đại Bi đến tất cả chúng sanh
3. Rải tâm đại Hỷ đến tất cả chúng sanh
4. Rải tâm đại Xả đến tất cả chúng sanh.
V. Bốn đề vô sắc
1. Lấy hư không, không ranh mé làm cảnh giới
2. Lấy thức, không ngăn mé làm cảnh giới
3. Lấy cái chi dầu nhỏ nhen cũng không có, làm cảnh giới
4. Lấy phi phi tưởng làm cảnh giới.
VI. Một đề bất động Chăm chỉ suy xét tứ đại trong thân thể.

VII. Một đề tưởng Tưởng vật thực mình dùng là không sạch.

30 ĐỀ MỤC ĐEM ĐẾN NHẬP ĐỊNH 10 đề trước mặt 4 đề vô lượng tâm 10 đề tử thi 1 đề hơi thở 1 đề thân thể 4 đề vô sắc.

11 ĐỀ MỤC CÓ THẮNG LỰC ĐEM TÂM TỪ SƠ ĐỊNH TỚI NGŨ ĐỊNH 10 đề trước mặt + 1 đề hơi thở.

11 ĐỀ MỤC CÓ THẮNG LỰC ĐEM TÂM ĐẾN SƠ ĐỊNH 10 đề tử thi + 1 đề niệm theo thân thể.

3 ĐỀ MỤC CÓ THẮNG LỰC ĐEM TÂM TỪ SƠ ĐỊNH TỚI TỨ ĐỊNH 1 đề Từ + 1 đề Bi + 1 đề Hỷ.

ĐỊNH

5 ĐỀ MỤC ĐEM TÂM TỪ TỨ ĐỊNH ĐẾN NGŨ ĐỊNH 4 đề vô sắc (thiền vô sắc) 1 đề đại Xả (thiền hữu sắc).

5 LỚP NHẬP ĐỊNH
1. Tầm sát, hỷ, lạc, tịnh, định
2. Hỷ, lạc, tịnh, định
3. Lạc, tịnh, định
4. Tịnh, định
5. Định.
Phép nhập định bực trên, phải qua khỏi bực dưới “tầm sát”.
a) Cũng như hành phép “đại Xả” phải qua khỏi duyên hỷ của đại Từ.
b) Muốn thành thiền vô sắc, phải qua khỏi 9 đề trước mặt (trừ đề “hư không”).
c) 3 đề vô sắc, phải qua khỏi đề “hư không”.

10 ĐỀ TRƯỚC MẶT NÊN NIỆM THÊM (Khi đã niệm được 40 đề rồi). Còn 30 đề kia không nên niệm thêm.

22 ĐỀ MỤC DÙNG LÀM CẢNH GIỚI 10 đề trước mặt - 10 đề tử thi - 1 đề hơi thở - 1 đề niệm theo thân thể.

12 ĐỀ MỤC PHẢI DÙNG PHÁP THỂ LÀM CẢNH GIỚI 8 đề niệm niệm (trừ đề hơi thở, đề niệm thân thể) 1 đề tưởng vật thực - 1 đề bất động 1 đề thức không ngăn mé - 1 đề phi phi tưởng.

6 ĐỀ MỤC LÀM CẢNH GIỚI KHÔNG NHỨT ĐỊNH 4 đề vô lượng tâm 1 đề hư không, không ngăn mé 1 đề dầu cái chi nhỏ nhen cũng không có.

8 ĐỀ MỤC HÀNH TỪ TRƯỚC XAO ĐỘNG ĐẾN YÊN TỊNH 1 đề tử thi sình có mủ - 1 đề tử thi phạm khí giới 1 đề tử thi có dòi - 1 đề niệm hơi thở 1 đề nước - 1 đề lửa - 1 đề gió - 1 đề sáng.

ĐỊNH

12 ĐỀ MỤC KHÔNG THỂ HÀNH Ở CÕI DỤC THIÊN 10 đề tử thi - 1 đề tưởng vật thực 1 đề niệm theo thân thể.

13 ĐỀ MỤC KHÔNG THỂ DÙNG HÀNH Ở CÕI PHẠM THIÊN 10 đề tử thi - 1 đề niệm theo thân thể 1 đề tưởng vật thực - 1 đề niệm theo hơi thở.

19 ĐỀ MỤC PHẢI HÀNH BẰNG CÁCH
XEM TRƯỚC MẶT
1) 9 đề trước mặt (trừ đề gió)
2) 10 đề tử thi
3) 1 đề hơi thở: phải hành theo hơi thở ra vô
4) 1 đề gió: phải hành theo sự xem gió thổi bên ngoài
5) 1 đại Xả và 4 đề Vô sắc, thì bậc sơ cơ không nên hành
6) 9 đề trước mặt (trừ 1 đề hư không) là duyên sanh 4 đề vô sắc
7) 10 đề trước mặt là duyên sanh ngũ thông
8) 3 đề: Từ + Bi + Hỷ: là duyên sanh đề đại Xả
9) 3 đề vô sắc bậc dưới, là duyên sanh đề vô sắc bậc trên 10) 1 đề phi phi tưởng, là duyên sanh của diệt tưởng định 11) 40 đề mục thiền định, là duyên sanh các bậc Thánh nhân hiện kiếp, tức là sanh trí huệ 12) 10 đề tử thi và một niệm theo thân thể: hiệp với tính ái tình 13) 4 đề vô lượng tâm + 4 đề sanh, vàng, đỏ, trắng hiệp với tính sân 14) Đề niệm hơi thở, hiệp với tính si mê và tính tầm 15) 6 đề niệm niệm: Phật + Pháp + Tăng + giới + bố thí + đức tin đạo hạnh chư Thiên: hiệp theo tính tinh tấn 16) 4 đề mục: chết + Niết bàn + bất động + vật thực: hiệp theo tính giác 17) 10 đề mục còn lại: đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng, và 4 đề vô sắc: hiệp theo đủ các tính con người 18) Những người có tính tầm, phải hành để trước mặt một vòng tròn nhỏ 19) Những người có tính si mê, phải hành để trước mặt một vòng tròn lớn.

ĐỊNH

11 PHƯƠNG PHÁP QUÁN XÉT TỬ THI 1. Đây là tử thi trắng hoặc đen 2. Đây là thi hài của người ấu niên hoặc trung hay lão 3. Đây là phần đầu hoặc chơn 4. Ta đứng trong phần này, tử thi ở phía này 5. Tay ở phía này, chơn ở phía này 6. Phân biệt phía dưới bàn chơn, trên đầu da tóc 7. Phân biệt cho biết trong mình có 180 khớp xương 8. Phân biệt cho biết khoảng trong tay chơn và bụng 9. Phân biệt cho biết các khiếu của tử thi, hoặc nơi cao hay thấp 10. Phân biệt cho biết chỗ cao của tử thi, hoặc nơi thấp hay cao 11. Hoặc đem trí huệ quán xét khắp cả tử thi, cho đều đủ, nếu chỗ nào phát sanh ra rõ rệt, phải ghi nhớ chỗ ấy.

8 SỰ CHẾT CỦA ĐỀ NIỆM NIỆM 1. Phải nhớ sự chết rõ rệt, như kẻ nghịch cầm dao đưa ngang cổ 2. Phải nhớ vạn vật trong thế giới đều phải tiêu hoại không sao tránh khỏi

3. Phải nhớ đến sự chết của mình, và so sánh sự chết của người 4. Phải nhớ đến thân thể này, hằng bị nhiều tai hại, như là 80 thứ dòi 5. Phải nhớ tuổi thọ không lâu, bởi sự sống chỉ nhờ hơi thở ra vô 6. Phải nhớ sự sống không chừng, không nhứt định 7. Phải nhớ sự sống của chúng sanh, chỉ trên dưới 100 tuổi là cùng 8. Phải nhớ sự sống ngắn ngủi, trong chốc lát không chừng.

10 PHƯƠNG PHÁP HỌC NẰM LÒNG NƠI VỊ THIỀN SƯ 1. Phải ghi nhớ theo thứ tự mỗi thể 2. Phải ghi nhớ không nên đọc mau lắm 3. Phải ghi nhớ không nên đọc chậm lắm 4. Khi tâm bỏ đề mục, tìm hoàn cảnh khác, phải kiềm chế đừng để tâm xao lãng 5. Phải ghi nhớ bỏ sự niệm nơi tóc lông răng móng, chỉ phải nhớ đến sự nhơ nhớp, nhơ nhớp thôi 6. Phải ghi nhớ học theo thứ tự của mỗi thể, nếu thể nào phát sanh rõ rệt, thì bỏ ra ghi nhớ thể khác

ĐỊNH

7. Phải biết thể nào đem đến sự nhập định, là phải biết 32 thể, đều có thắng lực đem tâm hành giả đến bậc nhập định được cả 8. Phải thông hiểu tâm kinh mà đức Phật đã giải rằng: Phải ghi nhớ luôn đến 3 ấn chứng: thiền định, tinh tấn và tâm xả 9. Phải thông hiểu kinh Sitiha, mà đức Phật giải thầy Tỳ kheo có đủ 6 phép, nên tu hành, cho thấy rõ Niết-bàn 10. Phải thông hiểu kinh Sutta, mà đức Phật giải, phải hành theo 7 pháp Bồ đề, trong khi tâm giải đãi.

10 CÁI THỂ CỦA ĐỀ MỤC THIỀN ĐỊNH
1. Phải biết thể cách giải về số của đề mục
2. Phải biết đề mục có thắng lực đến gần nhập định và đề mục đem đến nhập định
3. Phải biết những phần của đề mục
4. Phải biết cách hành bỏ bực dưới lên bực trên
5. Phải biết đề mục nên niệm thêm, và đề mục không nên niệm thêm
6. Phải biết cảnh giới của đề mục
7. Phải biết cõi của đề mục
8. Phải biết cách tham thiền của đề mục
9. Phải biết duyên sanh của đề mục
10. Phải biết đề mục hạp với tánh nết của hành giả.

5 PHÉP VỀ CHỖ Ở
CHO HẠP CHÁNH ĐỊNH
1. Phải xa xóm từ một đến hai ngàn thước
2. Ban ngày không lẫn lộn người thế, ban đêm phải thanh vắng không nghe tiếng người
3. Không thú dữ và muỗi mòng nhiều
4. Dễ bề tìm bốn món vật dụng
5. Có bậc tri thức tiện cho mình học hỏi.
18 CẢNH KHÔNG THUẬN VỚI
PHÉP CHÁNH ĐỊNH
1. Chỗ ở rộng lớn
2. Chỗ ở mới tạo lập
3. Chỗ ở hư sập
4. Chỗ ở gần đường sá
5. Chỗ ở có ao nước
6. Chỗ ở có nhiều lê hoác
7. Chỗ ở có nhiều bông hoa
8. Chỗ ở có nhiều trái cây
9. Chỗ ở có nhiều người tựu hội
10. Chỗ ở trong thị tứ
11. Chỗ ở gần đường núi
ĐỊNH

12. Chỗ ở gần ruộng rẫy
13. Chỗ ở có người nghịch
14. Chỗ ở gần bến thuyền
15. Chỗ ở giáp biên giới, xa kinh đô
16. Chỗ ở gần trong ranh hai nước
17. Chỗ ở hay có nhiều điều lo sợ
18. Chỗ ở không có bậc thiện tri thức.
7 ĐIỀU NGHỊCH VỚI
ẤN CHỨNG THAM THIỀN
1. Chỗ trụ bất hạp ý
2. Chỗ trụ quá xa xóm hoặc quá gần
3. Những lời nói vô ích
4. Những người ham ăn hay nói
5. Vật thực ăn vào không hạp thân tâm
6. Thời khí nóng quá, thân không an trụ
7. Oai nghi không điều, khó cho tâm an trụ.
10 PHÉP HỘ ĐẠO 1. Dọn mình cho thong thả, nhứt là cạo tóc, cắt móng 2. Làm cho ngũ căn đồng nhau, riêng niệm căn phải có lực lượng để quan sát

3. Phải thông thuộc phương pháp niệm và gìn giữ sự thấy biết 4. Phải tùy nghi mà phấn chí, nghĩa là dùng trí huệ mà tinh tấn, hỷ, lạc, tham cứu phép vô thường, khổ não, vô ngã trong khi giải đãi 5. Phải tùy nghi khai hóa tâm, tức là phải dùng an định xả, tham cứu cho thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã trong khi phóng túng 6. Tùy nghi răn đe tâm, là phải suy xét đến pháp động tâm, hoặc đến đức của Phật 7. Tùy tiện để tâm tự do tự tại, là không cần phải phấn chí khai hóa tâm và răn đe tâm, khi tâm đã hành đúng phép Chỉ - Quán 8. Lánh xa kẻ không có lòng an tịnh, là kẻ hay bị thế lực buộc ràng 9. Thân cận cùng người có tâm an định 10. Phẩm hạnh như người đã có tâm nhập định.

4 PHẦN CHÁNH NIỆM 1. Nhớ chắc 32 tướng trong thân thể là vô thường, khổ não, vô ngã 2. Ghi nhớ rằng cái thọ vui hay cái thọ khổ là vô thường, khổ não, vô ngã

ĐỊNH

3. Ghi nhớ những sự lành hay sự ác là vô thường, khổ não, vô ngã 4. Ghi nhớ rằng các danh pháp và sắc pháp trong thế gian đều là vô thường, khổ não, vô ngã.

3 ĐỀ MỤC THIỀN ĐỊNH THƯỜNG
1. Niệm tâm đại từ
2. Niệm sự tử
3. Niệm sự nhơ nhớp tử thi.
5 PHÉP ĐỀ MỤC SỐ TỨC QUAN
1. Phải học cho hiểu thông đều đủ cách niệm hơi thở
2. Phải tìm học hỏi nơi thiền sư cho rõ rệt chỗ hoài nghi
3. Phải ghi nhớ giữ gìn ấn chứng đã phát sanh ra
4. Phải học cho biết sự nhập định được do đề mục này
5. Phải học cho biết rõ cái thể tướng của đề mục này.
8 PHÉP GHI NHỚ
1. Cách đếm hơi thở ra hít vô
2. Cách khắng khít chú ý theo hơi gió thở ra vô
3. Nơi mà hơi gió thổi ra vô tiếp xúc nhằm
4. Cách ghi nhớ chân chánh nhập định
5. Cách ghi nhớ về cái tướng vô thường
6. Cách dứt bỏ luân hồi nương theo 4 đạo 7. Cách trong sạch xa lánh phiền não nương theo 4 quả 8. Trí huệ suy xét thấy rõ thể tướng võ trụ.

3 CHẶNG HƠI THỞ Mũi + tim + rún.

5 CÁCH VUI THIỀN ĐỊNH
1. Như thấy trời chớp hoặc ánh sáng
2. Như sóng tạt vào mình
3. Da thịt đều nổi ốc
4. Rất khoái lạc trong tâm, thân có thể bay bổng
5. Mát lạnh và nhẹ nhàng cả thân tâm.

6 PHÉP TRỪ THAM DỤC
1. Phải học phép thiền định về vật bất tịnh
2. Phải chăm chỉ tưởng nhớ vật bất tịnh
3. Phải thu thúc lục căn
4. Phải tiết chế sự ăn uống
5. Phải năng thân cận cùng bậc thiện tri thức
6. Phải hằng nói lời dịu ngọt.
ĐỊNH

6 PHÉP TRỪ PHÓNG TÂM
1. Phải thông hiểu kinh luật cho nhiều
2. Phải siêng năng học hỏi điều hay lẽ phải
3. Phải thuộc nằm lòng giới luật
4. Phải xu hướng theo bậc lão thành
5. Phải năng thân cận cùng bậc thiện tri thức
6. Phải hằng nói lời dịu ngọt.
8 PHÉP BẤT TỊNH
1. Lòng sân hận 5. Gian xảo
2. Không tiết lộ 6. Tật đố
3. Ngang ngạnh 7. Kiêu căng
4. Mê tín 8. Chiều lòng theo kẻ ác.
5 NGUYÊN NHÂN TAN RÃ
1. Ta không thể tránh sự tàn phá của cái già
2. Ta không thể tránh khỏi sự bịnh được
3. Ta không thể tránh khỏi sự chết được
4. Ta sẽ phải chia lìa nhân vật tríu mến
5. Ta chỉ có cái nghiệp là của cải, nó là người cho ta quả lành hoặc dữ.
7 CÁI CHẾT SO SÁNH
1. So sánh sự chết của đại hoàng đế
2. So sánh sự chết của đại phú gia
3. So sánh sự chết của người có sức lực nhiều
4. So sánh sự chết của bậc đại tài biến hóa
5. So sánh sự chết của bậc đại trí huệ
6. So sánh sự nhập diệt của bậc Độc giác
7. So sánh sự nhập Niết bàn của Phật.
5 ĐIỀU NHƠ NHỚP
1. Nhơ nhớp vì màu sắc
2. Nhơ nhớp vì hình trạng
3. Nhơ nhớp vì mùi vị
4. Nhơ nhớp vì chỗ nương dựa

5. Nhơ nhớp vì không khí chỗ ở.

9 ĐIỀU NHƠ NHỚP

1. Sự hờn giận 4. Sự bỏn xẻn
2. Sự bạc ơn 5. Làm bộ làm tịch
3. Sự ganh gổ 6. Sự khoe khoang

ĐỊNH

7. Nói vọng ngữ 8. Tà kiến 9. Sự ưa thích những điều xấu xa tội lỗi.

10 PHÉP CHƯỚNG NGẠI

1. Sự ưa thích trong Dục giới
2. Sự ưa thích trong cảnh trời Sắc giới
3. Sự ưa thích trong cảnh trời Vô sắc giới
4. Ngã mạn
5. Tâm xao lãng
6. Sự tối tăm che lấp pháp Tứ diệu đề
7. Sự chấp rằng ngũ uẩn là thường tồn
8. Sự nghi ngờ về nhơn quả của thiện ác
9. Sự chấp theo pháp mà mình đã quen hành
10. Sự uất ức.

10 ĐIỀU QUYẾN LUYẾN

1. Quyến luyến vì săn sóc chỗ ở
2. Quyến luyến vì buộc ràng quyến thuộc
3. Quyến luyến vì thọ lợi
4. Quyến luyến vì sự học

7 PHẦN BỒ ĐỀ

1. Phân biệt sự lành với sự dữ
2. Tinh tấn mà lướt lên
3. An lạc trong vòng đạo đức
4. Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành
5. Nhớ tưởng đạo lý
6. Nhứt tâm đại định
7. Vui chịu với mọi cảnh ngộ.

7 TÌNH VỌNG Buồn, Vui, Mừng, Giận, Thương, Ghét, Muốn.

TỨ ĐẠI TRONG THÂN

20 PHẦN ĐẤT TRONG THÂN 1. Tóc - 2. Lông - 3. Răng - 4. Móng - 5. Da - 6. Thịt - 7. Gân - 8. Xương - 9. Tủy - 10. Thận - 11. Tim - 12. Gan - 13. Màng bao ruột - 14. Dạ dày - 15. Phổi - 16. Ruột già - 17. Ruột non - 18. Đồ ăn mới - 19. Phẩn - 20. Óc.

12 PHẦN NƯỚC TRONG THÂN

1. Mật - 2. Đàm - 3. Mủ - 4. Máu - 5. Mồ hôi - 6. Mỡ -

7. Nước mắt - 8. Trỉn da - 9. Nước miếng - 10. Nước mũi
- 11. Nhớt - 12. Nước tiểu.
ĐỊNH

6 PHẦN GIÓ TRONG THÂN
1. Gió quạt từ chơn lên tới óc
2. Gió quạt từ óc tới bàn chơn
3. Gió hằng có trong mình, ở ngoài ruột
4. Gió quạt trong gân
5. Gió ở cùng trong thịt từ chơn đến đầu
6. Hơi thở ra và thở vô.
4 PHẦN LỬA TRONG MÌNH
1. Lửa làm cho thân người ấm áp
2. Lửa làm cho thân người gầy ốm
3. Lửa làm cho thân người nóng nảy
4. Lửa làm cho vật thực tiêu tan.
24 CĂN NGUYÊN CỦA XÁC THÂN 1. Thị giác, đầu dây thần kinh nơi mắt, như đầu con chí 2. Thính giác, đầu dây thần kinh nơi tai, như chiếc cà rá 3. Khứu giác, đầu dây thần kinh nơi mũi, như móng con dê 4. Vị giác, đầu dây thần kinh nơi cái lưỡi, như cái bông 5. Sắc trần chạm vào thị giác và xúc giác

6. Thinh trần chạm vào thính giác
7. Hương trần chạm vào khứu giác
8. Vị trần chạm vào vị giác
9. Những đầu dây ở khắp mặt da, gọi là xúc giác
10. Nữ căn là căn nguyên phân biệt nữ nam
11. Nam căn là căn nguyên phân biệt nam nữ
12. Sự sống là sức bảo thủ cái thân tứ đại
13. Máu hằng giữ trái tim, cho khỏi khô héo
14. Tướng làm cho lời nói phát khởi
15. Tướng cử động của thân thể
16. Cửu khiếu, tướng trống rỗng trong thân, kêu là lỗ
17. Tướng nhẹ nhàng và nhậm lẹ của thân thể
18. Tướng mềm mại của thân thể
19. Tướng hữu dụng của thân thể
20. Tướng thay đổi của thân thể, lúc mới đầu thai
21. Tướng thay đổi của thân thể, từ sanh đến lớn
22. Tướng thay đổi của thân thể, từ lớn đến chết
23. Tướng vô thường của thân thể, trong ba thời kỳ
24. Cái tinh ba của vật thực, để dưỡng thân thể.
ĐỊNH

22 CĂN LÀNH 1. Nhãn căn - 2. Nhĩ căn - 3. Tỷ căn - 4. Thiệt căn - 5. Thân căn - 6. Ý căn - 7. Nam căn - 8. Nữ căn - 9. Mạng căn - 10. Khổ căn - 11. Lạc căn - 12. Ưu căn - 13. Hỷ căn - 14. Xả căn - 15. Tinh tấn căn - 16. Tín căn - 17. Niệm căn - 18. Định căn - 19. Huệ căn - 20. Vị trí đương tri căn - 21. Dĩ tri căn - 22. Cu tri căn.

32 THỂ TƯỚNG
(CHIA RA 6 PHẦN)
1. Tóc, lông, răng, móng, da
2. Thịt, thần kinh, xương, tủy, tinh ba
3. Tim, gan, màng bao ruột, bao tử, phổi
4. Ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, tủy trong óc
5. Nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt, nước tiểu
6. Mật, đàm, mủ, máu, mỡ đặc, mồ hôi.
NIẾT BÀN

1. Thân hình của Đấng Trọn Lành hãy còn, đã tách khỏi thế lực, dắt tới sự biến thành. Thân hình ấy còn bao lâu, thần thánh và thế nhơn sẽ còn thấy người, nếu thân hình đó vỡ tan, nếu đời sống của người đã đến kỳ cùng tận, dầu cho thần thánh, dầu thế nhơn cũng sẽ không còn thấy đặng người nữa. 2. Kẻ nào không mê đắm về cơ thể hữu hình, không là gì nữa hết, sẽ không thể nào còn mắc phải những sự khổ đau. Người đã bỏ mọi danh từ, người không còn trú vào một nơi nào nữa, người đã hủy sự ham muốn, xu hướng về một cơ thể hữu hình; vì bởi không điều lo lắng, không sự ước ao, nên thần thánh và thế nhơn muốn tìm người, dầu dưới thế này, dầu trong cõi khác, dầu trong những cõi trời, dầu trong mọi chỗ, cũng không thể gặp đặng người. 3. Không có lời nào đặng chỉ kẻ đã trở về quê cũ của người, bởi vì đối với người, mọi vật đều bị hủy bỏ, cả thảy những biến thái của lời nói cũng bị hủy bỏ. 4. Hãy tôn kính những bậc Đại Quang Minh đã vượt khỏi tất cả những điều trở ngại, và đã hoàn toàn tắt mất, những bực không thể lường được.

NIẾT BÀN

5. Những bực hiền minh ra khỏi đời. 6. Những bực hiền minh không làm gì hại cho sinh vật nào hết, luôn luôn kiềm chế xác thân nên đến được cõi yên lặng, nơi đó không có sự buồn rầu nào động tới người nữa được. 7. Tống được sự nhơ nhớp, người sẽ đến được trong cõi huyền diệu, trong cõi tuyệt hảo, khi gỡ hết nết xấu. 8. Chẳng phải dùng những cách chở chuyên, như voi hay lừa, ngựa mà người sẽ đến được, cõi không ai đạp chơn tới là Niết bàn. Người đến cõi đó với cái tôi đã quy phục được. 9. Có một chỗ kia, nơi đó không có đất, cũng không có nước, cũng không có lửa, cũng không có khí thở, cũng không có sự mênh mông của thời gian, cũng không có sự bao la của ý thức, cũng không cõi này, cũng không cõi kia, cũng không cõi nào trong hai cõi, mặt trăng và mặt trời, chỗ đó không đi tới, cũng không bỏ đi, cũng không đứng, cũng không biến thành, cũng không mất, không căn bổn, không kế tiếp, không chi điểm là đó. Đó là sự hết đau khổ. 10. Ta sẽ đi đến cái vô động, cái không lay chuyển, cái đó không thứ gì giống được hết. Đó là chơn phước cực đại. 11. Làm thế nào mà ở đó có thể có chơn phước được ở

chỗ không còn cảm giác? Chính không có cảm giác, điều này đúng là chơn phước đó.

12. Cũng giống như lửa, nháng ra dưới nhát búa của người thợ rèn, rồi kế đó lần lần trở lại sự yên lặng, và khi đó người ta không thể nói được nó đi đâu. Cũng như thế, chỗ cư trú của mấy bậc đã thật giải thoát, đã qua được con sông vui thích của giác quan và đến được cảnh chơn phước không thay đổi. 13. Chánh định của tuệ giác là chỗ ở của bậc đã siêu thăng vậy.

PHÁP VI TẾ

I. TAM TỤ, LỤC HÒA

TAM TỤ:

1. Dứt các điều ác
2. Làm các điều lành
3. Từ bi tế độ tất cả chúng sanh.

LỤC HÒA:

1. Thân cùng nhau hòa hiệp ở chung
2. Miệng không tranh đua cãi lẫy
3. Ý ưa nhau không trái nghịch
4. Giới luật đồng cùng nhau tu theo
5. Kiến thức riêng chỉ giải cho nhau
6. Tứ sự chia đồng với nhau.

II. NĂM PHÉP CÁI

1. Ham muốn 4. Phóng tâm
2. Sân hận 5. Hoài nghi.
3. Hôn trầm

NĂM NGUYÊN NHÂN PHÁP CÁI 1. Thấy sắc mà cho là đẹp, là nhân sanh tham dục 2. Thấy cảnh nghịch mà cố giận là nhân sanh oán hận 3. Không vui, lười biếng không thay đổi oai nghi, ham ăn và giải đãi, là nhân sanh hôn trầm 4. Lòng không an tịnh là nhân sanh phóng tâm 5. Sự không xem xét và ghi nhớ là nhân sanh hoài nghi.

SÁU PHÉP TRỪ THAM DỤC

1. Phải học phép thiền định về vật bất tịnh
2. Phải chăm chỉ tưởng nhớ vật bất tịnh
3. Phải thu thúc lục căn
4. Phải tiết chế sự ăn uống
5. Phải năng thân cận cùng các bậc thiện tri thức
6. Phải hằng nói lời dịu ngọt.

SÁU PHÉP TRỪ OÁN HẬN

1. Phải học đề mục về lòng bác ái
2. Phải cố gắng niệm đề mục thiền định bác ái
3. Phải xem xét cho thấy tỏ rõ, tất cả chúng sanh đều có nghiệp báo riêng

4. Phải tinh tấn xem xét cho thường mấy điều kể trên
PHÁP VI TẾ

5. Phải năng thân cận cùng bậc thiện tri thức 6. Phải hằng nói lời dịu ngọt.

SÁU PHÉP TRỪ HÔN TRẦM
1. Phải ghi nhớ và xem xét sự ăn uống không cho quá độ
2. Phải thay đổi oai nghi cho được an vui
3. Phải ghi nhớ tìm xét chơn lý
4. Phải ở nơi khoảng khoát
5. Phải năng thân cận cùng bậc thiện tri thức
6. Phải hằng nói lời dịu ngọt.
SÁU PHÉP TRỪ PHÓNG TÂM
1. Phải thông hiểu kinh luật cho nhiều
2. Phải siêng năng học hỏi điều hay lẽ phải
3. Phải thuộc nằm lòng giới luật
4. Phải xu hướng theo bậc lão thành
5. Phải năng thân cận cùng bậc thiện tri thức
6. Phải hằng nói lời dịu ngọt.
SÁU PHÉP TRỪ HOÀI NGHI 1. Phải thông hiểu kinh luật cho nhiều 2. Phải năng học hỏi điều hay lẽ phải

3. Phải thuộc nằm lòng giới luật
4. Phải có đức tin cho nhiều
5. Phải năng thân cận cùng bậc thiện tri thức
6. Phải hằng nói lời dịu ngọt.
III. CÁI ĐẮC CỦA PHẬT

8 CÁI GIÁC
1. Túc mạng minh 5. Thiên hiện minh
2. Thiên nhãn minh 6. Ý sanh thân minh
3. Lậu tận minh 7. Thiên nhĩ minh
4. Minh sát minh 8. Tha tâm minh.
15 CÁI HÀNH
1. Giữ giới bổn trong sạch
2. Đóng chặt lục căn
3. Có độ lượng trong sự ăn uống
4. Có độ lượng trong sự ngủ (ngủ ít thức nhiều)
5. Có đức tin chơn chánh
6. Có sự niệm tưởng chơn chánh
7. Biết hổ ngươi các sự tội lỗi
8. Biết ghê sợ sự tội lỗi

PHÁP VI TẾ

9. Chuyên cần học hỏi cho thấy xa hiểu rộng 10. Thường hành theo phép tinh tấn, không cho tâm thối chuyển trong việc tu hành 11. Quán tưởng cho chín chắn để trí huệ hiểu biết tận nguồn gốc của mọi sự vật 12. Hành chín chắn cho đắc quả Sơ thiền 13. Hành chín chắn cho đắc quả Nhị thiền 14. Hành chín chắn cho đắc quả Tam thiền 15. Hành chín chắn cho đắc quả Tứ thiền.

IV. TỨ DIỆU ĐẾ

KHỔ ĐẾ: 8 KHỔ

1. Sanh khổ 5. Thương yêu xa lìa khổ
2. Lão khổ 6. Thù ghét gặp gỡ khổ
3. Bịnh khổ 7. Cầu muốn chẳng đặng khổ
4. Tử khổ 8. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thái quá khổ.

TẬP ĐẾ: 12 NHƠN DUYÊN TẬP

1. Vô minh tập 4. Danh sắc tập
2. Hành tập 5. Lục nhập tập
3. Thức tập 6. Xúc tập
7. Thọ tập 10. Hữu tập 8. Ái tập 11. Sanh tập 9. Thủ tập 12. Tử tập.

DIỆT ĐẾ: 12 NHƠN DUYÊN DIỆT

1. Vô minh diệt 7. Thọ diệt
2. Hành diệt 8. Ái diệt
3. Thức diệt 9. Thủ diệt
4. Danh sắc diệt 10. Hữu diệt
5. Lục nhập diệt 11. Sanh diệt
6. Xúc diệt 12. Tử diệt.

ĐẠO ĐẾ: BÁT CHÁNH ĐẠO

1. Chánh kiến đạo 5. Chánh mạng đạo
2. Chánh tư duy đạo 6. Chánh tinh tấn đạo
3. Chánh ngữ đạo 7. Chánh niệm đạo
4. Chánh nghiệp đạo 8. Chánh định đạo.

V. 37 PHẦN BỒ ĐỀ

TỨ NIỆM XỨ: 4 PHÉP NIỆM 1. Quán tưởng đến thân thì thân dứt (niệm thân) 2. Quán tưởng đến bịnh thì bịnh dứt (niệm bịnh)

PHÁP VI TẾ

3. Quán tưởng đến ý thì ý dứt (niệm ý) 4. Quán tưởng đến pháp thì pháp dứt (niệm pháp).

TỨ Ý ĐOẠN: 4 PHÉP ĐOẠN

1. Dứt thân rồi không nhớ nữa (đoạn thân)

2. Dứt bịnh rồi không nhớ nữa (đoạn bịnh)
3. Dứt ý rồi không nhớ nữa (đoạn ý)
4. Dứt pháp rồi không nhớ nữa (đoạn pháp).
TỨ THẦN TÚC: 4 PHÉP THẦN
1. Phép niệm làm cho mắt thấy xa (Thiên nhãn)
2. Phép niệm làm cho tai nghe xa (Thiên nhĩ)
3. Phép niệm làm cho biết tâm kẻ khác (Tha tâm)
4. Phép niệm làm cho thân bay bổng lên không
(Thần túc).
NGŨ CĂN: 5 CĂN BỔN
1. Nhãn căn (Tín căn)
2. Nhĩ căn (Niệm căn)
3. Tỷ căn (Tinh tấn căn)
4. Thiệt căn (Trì giới căn)
5. Thân căn (Thiền định căn).
NGŨ LỰC: 5 SỨC LỰC
1. Sức lực kiềm chế con mắt (Tín lực)
2. Sức lực kiềm chế lỗ tai (Niệm lực)
3. Sức lực kiềm chế lỗ mũi (Tinh tấn lực)
4. Sức lực kiềm chế cái lưỡi (Trì giới lực)
5. Sức lực kiềm chế cái thân (Thiền định lực).
7 PHẦN BỒ ĐỀ: THẤT GIÁC Ý
1. Phân biệt sự lành với sự dữ
2. Tinh tấn mà lướt lên
3. An lạc trong vòng đạo đức
4. Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành
5. Nhớ tưởng đạo lý
6. Nhứt tâm đại định
7. Vui chịu với mọi cảnh ngộ.
8 MÓN CHÁNH ĐẠO: BÁT CHÁNH ĐẠO
1. Thấy biết chơn chánh (Chánh kiến đạo)
2. Suy gẫm chơn chánh (Chánh tư duy đạo)
3. Nói lời chơn chánh (Chánh ngữ đạo)
4. Làm việc chơn chánh (Chánh nghiệp đạo)
5. Nuôi mạng chơn chánh (Chánh mạng đạo)
PHÁP VI TẾ

6. Siêng cần chơn chánh (Chánh tinh tấn đạo) 7. Niệm tưởng chơn chánh (Chánh niệm đạo) 8. Định tâm chơn chánh (Chánh định đạo).

VI. TAM THẬP ĐỊA

THẬP ĐỊA THINH VĂN

1. Thọ tam quy địa 6. Nhập nhơn địa
2. Tín địa 7. Nhập lưu địa
3. Tín pháp địa 8. Nhứt vãng lai địa
4. Nội phàm phu địa 9. Bất lai địa
5. Học tín giới địa 10. Vô sanh địa.

THẬP ĐỊA DUYÊN GIÁC

1. Khổ hạnh cụ túc địa
2. Tự giác thậm thâm nhập nhị nhơn duyên địa
3. Giác liễu tứ thánh đế địa
4. Thậm thâm lợi trí địa
5. Cửu thánh đạo địa
6. Giác liễu pháp giới, hư không giới, chúng sanh giới địa
7. Chứng tịch diệt địa
8. Lục thông địa
9. Triệt hòa mật địa 10. Tập khí tiệm bạt địa.

THẬP ĐỊA BỒ TÁT

1. Hoan hỷ địa 6. Hiện tiền địa
2. Ly cấu địa 7. Viễn hạnh địa
3. Phát quang địa 8. Bất động địa
4. Diễm huệ địa 9. Thiện huệ địa
5. Cực nan thắng địa 10. Pháp vân địa.

VII. BÁT CHÁNH ĐẠO

4 PHẦN CHÁNH KIẾN

1. Thấy chắc các sự khổ
2. Thấy chắc lòng tham ái là nhân sanh các sự khổ
3. Biết chắc cảnh Niết bàn là nơi dứt khổ
4. Biết chắc con đường Trung đạo dắt dẫn đến nơi diệt khổ.

3 PHẦN CHÁNH TƯ DUY

1. Suy xét không đành làm loài vật phải bị hại
2. Suy xét không đành làm cho loài vật phải đau đớn
3. Suy xét tránh khỏi ngũ dục, đặng tìm xuất gia giải thoát.

PHÁP VI TẾ

4 PHẦN CHÁNH NGỮ

1. Không nói dối
2. Không nói lời đâm thọc
3. Không nói lời hỗn ẩu, ỷ thị
4. Không nói lời vô ích, khoe khoang.

3 PHẦN CHÁNH NGHIỆP
1. Không làm nghiệp sát sanh
2. Không làm nghiệp trộm cắp
3. Không làm nghiệp tà dâm.
5 PHẦN CHÁNH MẠNG
1. Không nuôi loài vật để bán
2. Không buôn bán người (làm sự mai dong)
3. Không buôn bán rượu
4. Không buôn bán thuốc độc
5. Không buôn bán khí giới.
4 PHẦN CHÁNH TINH TẤN
1. Ráng giữ không cho sự ác sắp khởi ra được
2. Ráng dứt sự ác đã có trong tâm
3. Ráng làm những sự lành mà mình chưa làm
4. Ráng làm những sự lành mà mình sẵn có cho được thêm lên.

4 PHẦN CHÁNH NIỆM 1. Nhớ nhắc 32 thể tướng trong thân thể là vô thường, khổ não, vô ngã 2. Ghi nhớ rằng cái thọ vui hay thọ khổ là vô thường, khổ não, vô ngã 3. Ghi nhớ những sự lành hay sự ác là vô thường, khổ não, vô ngã 4. Ghi nhớ rằng các danh pháp và sắc pháp trong thế gian đều là vô thường, khổ não, vô ngã.

4 PHẦN CHÁNH ĐỊNH
1. Sơ định: tầm sát, hỷ, lạc, tịnh, định
2. Nhị định: hỷ, lạc, tịnh, định
3. Tam định: lạc, tịnh, định
4. Tứ định: tịnh, định
(Ngũ định: định, đại định, Niết bàn).
TỨ DIỆU ĐẾ 1. Khổ đế: tám khổ 2. Tập đế: lòng thương muốn ái dục

PHÁP VI TẾ

3. Diệt đế: diệt lòng thương muốn ái dục 4. Đạo đế: tám chánh đạo.

13 KHỔ 1. Sanh khổ - 2. Lão khổ - 3. Bịnh khổ - 4. Chết khổ - 5. Sanh tử biệt ly khổ - 6. Thương tủi khổ - 7. Mệt nhọc khổ - 8. Tức giận khổ - 9. Nhớ tưởng khổ - 10. Ghét mà hiệp khổ - 11. Thương mà ly khổ - 12. Thất vọng khổ - 13. Chấp ngũ uẩn khổ.

3 PHẦN CỦA TẬP ĐẾ
1. Tâm ái dục trong cõi Dục
2. Tâm ái dục trong cõi Sắc
3. Tâm ái dục trong cõi Vô sắc.
3 LUÂN TRONG MỖI ĐẾ
1. Huệ thấy rõ diệu đế
2. Huệ thấy rõ sự trong diệu đế

3. Huệ thấy rõ sự trong diệu đế đã hành rồi

4. Luân trong bốn đế gọi là bánh xe pháp có 12 thể.

4 SỞ DỤNG 1. Công phu, thọ trì, niệm Phật, tham thiền 2. Quan sát cái tướng vô thường của vạn vật

3. Quan sát những sự hành động của thân, tâm 4. Tham cứu các giáo lý của chư Phật, Thánh.

8 GIÓ NGHIỆP 1. Gió lợi - 2. Gió hại - 3. Gió khổ - 4. Gió vui - 5. Gió vinh - 6. Gió nhục - 7. Gió khen - 8. Gió chê.

16 TÙY PHIỀN NÃO 1. Tham - 2. Giận - 3. Uất ức - 4. Thù oán - 5. Quên ơn - 6. Tranh cao thấp - 7. Ganh gổ - 8. Bón rít - 9. Giấu lỗi - 10. Tặng mình - 11. Cang ngạnh - 12. Chê người, khen mình - 13. Ngã mạn - 14. Khinh người - 15. Mê sa - 16. Cẩu thả.

3 PHÉP MINH SÁT 1. Vô thường - 2. Khổ não - 3. Vô ngã.

THẬP ÁC NƠI TAM NGHIỆP

1. Sát sanh

2. Trộm cắp Thân nghiệp

3. Tà dâm

4. Nói dối

5. Khoe khoang Khẩu nghiệp

6. Đâm thọc

7. Rủa chửi

PHÁP VI TẾ

8. Tham lam

9. Sân giận Ý nghiệp

10. Si mê

(Thập ác là không thập thiện; Thập thiện là không thập ác).

TAM NGHIỆP 1.Thân 2. Khẩu 3. Ý

10 TỘI NGŨ TRẦN

1. Ngũ trần ví như khúc xương bỏ rơi trên đất

2. Ngũ trần ví như miếng thịt thúi

3. Ngũ trần ví như cây đuốc rơm

4. Ngũ trần ví như lò lửa đang cháy

5. Ngũ trần ví như giấc mộng

6. Ngũ trần ví như vật mượn của người

7. Ngũ trần ví như trái cây có chất độc

8. Ngũ trần ví như dao với thớt

9. Ngũ trần ví như kiếm và lao

10. Ngũ trần ví như con rắn độc.

NGŨ TRẦN Sắc - Thinh - Hương - Vị - Xúc.

18 GIỚI
Nhãn căn Thấy thức Sắc trần
Nhĩ căn Nghe thức Thinh trần
Tỷ căn Ngửi thức Hương trần
Thiệt căn Nếm thức Vị trần
Thân căn Rờ thức Xúc trần
Ý căn Tưởng thức Pháp trần 6 căn 6 thức 6 trần
DANH HIỆU PHẬT
1. Như Lai 8. Điều Ngự Trượng Phu
2. Ứng Cúng 9. Thiên Nhơn Sư
3. Chánh Biến Tri 10. Phật
4. Minh Hạnh Túc 11. Thế Tôn
5. Thiện Thệ 12. Pháp Vương
6. Thế Gian Giải 13. Sĩ Trung Thắng
7. Vô Thượng Sĩ 14. Thiện Thượng Tôn.
3 TÁC Ý 1. Khi tính - 2. Khi làm - 3. Khi đã làm xong.

PHÁP VI TẾ

4 PHÉP TẾ ĐỘ
1. Phân phát của cải
2. Nói những lời làm cho người kính mến
3. Phải làm việc ích lợi
4. Phẩm cách làm người bình đẳng (chẳng nên tặng mình tự cao, tự trọng, phải tôn kính bậc trưởng thượng).
6 NGUỒN GỐC
1. Thần lửa là gốc của đạo Bà La Môn
2. Vua là gốc của tất cả con người
3. Biển là gốc của tất cả sông rạch
4. Thái âm là gốc của tất cả tinh tú
5. Thái dương là gốc của tất cả sự nóng nực
6. Chư Tăng là gốc của tất cả chúng sanh.
NGŨ UẨN Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

3 TƯ CÁCH
1. Tư cách chẳng làm điều dữ
2. Tư cách làm thêm những việc lành
3. Tư cách làm cho tâm trong sạch.
6 TƯ CÁCH DO NHỊN NHỤC
1. Tư cách không phỉ báng kẻ khác

2. Tư cách không làm khổ kẻ khác
3. Tư cách thu thúc trong giới luật
4. Tư cách có tiết độ trong việc ăn uống
5. Tư cách nằm ngồi trong chốn thanh vắng
6. Tư cách cố gắng trong sự tu tâm.
2 PHÁP KHÔNG TA Nhơn vô ngã - Pháp vô ngã.

5 PHÁP GIÁC
1. Danh 4. Chánh trí
2. Tướng 5. Như như.
3. Vọng tưởng
3 TẠNG PHÁP THÂN Kinh tạng - Luật tạng - Luận tạng

3 BẢO Phật bảo - Pháp bảo - Tăng bảo

PHÁP VI TẾ

7 TÌNH Hỷ - Nộ - Ái - Ố - Ai - Lạc - Dục.

3 TU Giới - Định - Tuệ

3 HỌC Giới - Định - Huệ.

4 ĐẠO 1. Nhập lưu đạo 3. Bất lai đạo 2. Nhứt vãng lai đạo 4. Vô sanh đạo.

4 QUẢ 1. Nhập lưu quả 3. Bất lai quả 2. Nhứt vãng lai quả 4. Vô sanh quả.

4 NIẾT BÀN
1. Hữu dư Niết bàn của bậc A la hán
2. Vô dư Niết bàn của bậc Bích chi
3. Đại Niết bàn của bậc Bồ tát
4. Vô thượng Đại Niết bàn của bậc Như Lai.
5 PHƯƠNG PHÁP ĐỂ TRAU TRÍ HUỆ
VÀ SỰ MINH TRIẾT
1. Phải xem kinh đọc sách
2. Phải năng biên chép và ghi nhớ
3. Phải năng suy cứu và thực hành để tìm đạo quả
4. Phải năng soạn dịch nghĩa lý Phật pháp
5. Phải năng tựu họp để biện luận về sự yên vui.
4 NHÂN PHẤN KHỞI TRÍ HUỆ
1. Sự giao thiệp với bậc thiện tri thức có 3 nghiệp thiện
2. Sự ghi pháp và cung kỉnh giữ lời giảng giải
3. Sự suy xét cho rõ lý để hành theo
4. Sự ráng hành theo các pháp mà đã suy xét rồi.
3 GIÁO LÝ 1. Lánh các điều ác 3. Rửa lòng trong sạch. 2. Làm các điều lành

3 CÁI MINH
1. Biết rõ tiền kiếp
2. Biết rõ sự sanh và tử
3. Biết rõ các pháp trầm mê.
PHÁP VI TẾ

4 HUỆ GIẢI TÍCH 1. Biết rõ các pháp 3. Biết cả tiếng nói 2. Biết cả nghĩa lý 4. Phát đại trí huệ.

3 CÁI ƠN CỦA PHẬT
1. Cái ơn đức về trí huệ
2. Cái ơn đức về trọn lành
3. Cái ơn đức về sự đại Từ bi.
4 ĐIỀU PHẬT DẠY
1. Chúng sanh hằng bị già bịnh dắt về chỗ chết
2. Chúng sanh không nơi nương tựa, không làm chủ sự sống
3. Chúng sanh không có một vật chi của mình được
4. Chúng sanh hằng bị thiếu thốn, làm tôi mọi cho ái dục.
3 SỰ TRẦM NỊCH
1. Trầm nịch trong ngũ dục về dục giới
2. Trầm nịch trong tà kiến
3. Trầm nịch trong vô minh.
3 TÂM VÔ THƯỜNG
1. Vô thường về ý tưởng
2. Vô thường về tâm thức
3. Vô thường về kiến thức.
3 VI TẾ PHIỀN NÃO
1. Vi tế phiền não về tình dục
2. Vi tế phiền não về tà kiến
3. Vi tế phiền não về vô minh.
4 ĐIỀU THIÊN VỊ
1. Thiên vị vì lòng dục vọng
2. Thiên vị vì lòng sân hận
3. Thiên vị vì lòng si mê
4. Thiên vị vì lòng sợ sệt.
4 ĐIỀU BUỘC RÀNG
1. Buộc ràng vì tính tham lam
2. Buộc ràng vì tính ưa hại người
3. Buộc ràng vì thói quen đã có
4. Buộc ràng vì chấp rằng: chúng sanh vạn vật trường tồn.
PHÁP VI TẾ

4 NGUỒN TỘI LỖI 1. Nguồn tình dục 3. Nguồn đoạn kiến 2. Nguồn thường kiến 4. Nguồn vô minh.

2 CÁCH HỎI CỦA PHẬT 1. Hỏi để thừa dịp thuyết pháp 2. Hỏi để nghiêm răn giới luật cho Thinh văn.

4 SỰ CHẤP
1. Sự mê chấp theo ngũ dục và sắc giới
2. Sự mê chấp theo tà kiến
3. Sự mê chấp theo pháp của mình đã quen hành
4. Sự mê chấp theo cái ta.
5 SỰ BỎN XẺN
1. Bỏn xẻn về chỗ ở
2. Bỏn xẻn về tình quen thuộc và bậu bạn
3. Bỏn xẻn về sự khen tặng và sắc đẹp
4. Bỏn xẻn về sự lợi lộc
5. Bỏn xẻn về các pháp.
10 PHÁP SAI LẦM
1. Sự hiểu theo tà đạo
2. Sự suy nghĩ sai bởi ba cái tâm thức
3. Lời nói không đúng đắn có bốn
4. Sự hành động không đúng đắn có ba
5. Sự nuôi mạng không chơn chánh có năm
6. Sự tinh tấn không đúng đắn trúng cách
7. Sự ghi nhớ không đúng đắn, ghi nhớ bậy
8. Thiền định không đúng đắn, chú tâm sai quấy
9. Tin tưởng không đúng đắn
10. Sự biết sai.
3 CÁI TIỀM THỨC 1. Ái tình 2. Thù hận 3. Lấn áp.

7 CÁI VI TẾ PHIỀN NÃO
1. Vi tế phiền não về tình dục
2. Vi tế phiền não về sự sanh
3. Vi tế phiền não về sự cố giận
4. Vi tế phiền não về tâm ngã mạn
5. Vi tế phiền não về tâm tà kiến
PHÁP VI TẾ

6. Vi tế phiền não về sự hoài nghi 7. Vi tế phiền não về vô minh.

10 ĐIỀU PHIỀN NÃO
1. Tâm dính dấp theo ngũ dục
2. Tâm sân hận trong ngũ dục

3. Tâm lầm lạc trong ngũ dục
4. Chấp ta
5. Chấp rằng cảnh sắc là nơi yên vui
6. Tâm lừ đừ
7. Tâm mê mệt
8. Tâm xao lãng
9. Tâm không hổ thẹn với điều tội lỗi
10. Tâm không biết ghê sợ những điều tội lỗi.

3 HẠNG PHỤ NỮ XUẤT GIA
1. Là nhiễm cái sở hành trong Giáo hội
2. Bị hoàn cảnh áp bức
3. Mộ chủ nghĩa độc thân.

3 NIẾT BÀN 1. Phiền não Niết bàn 3. Xá lợi Niết bàn. 2. Ngũ uẩn Niết bàn

10 TÂM TRÀO LƯU SANH TỬ
1. Vô minh hôn ám 6. Tâm ác liên tiếp theo nhau
2. Hay gần bạn dữ 7. Giấu điều tội lỗi
3. Chẳng vui theo điều lành 8. Chẳng sợ đường dữ
4. Tâm nghiệp tạo ác 9. Chẳng hổ chẳng kiêng
5. Ác tâm rải khắp 10. Chấp sai tánh tội.

10 TÂM NGƯỢC TRÀO LƯU SANH TỬ
1. Thâm tín nhơn quả 6. Phát Bồ đề tâm
2. Hổ thẹn và kiêng nể 7. Lánh dữ theo lành
3. Sanh lòng sợ sệt 8. Giữ gìn chánh pháp
4. Phát lồ sám hối 9. Hằng nhớ chư Phật
5. Dứt đoạn ác tâm liên tiếp 10. Xét tội tánh không.

4 THỨ THÁP 1. Xá lợi tháp 3. Pháp tháp 2. Vật dụng tháp 4. Kim thân tháp.

4 NƠI ĐỘNG TÂM
1. Chỗ Phật ra đời
2. Chỗ Phật chứng quả
3. Chỗ Phật quay bánh xe pháp lần đầu
4. Chỗ Phật nhập Niết bàn.

PHÁP VI TẾ

4 CHỖ THẦN THÔNG
1. Chỗ Phật từ cung trời Đao Lợi giáng trần
2. Chỗ Phật hiện thần thông tương đối
3. Chỗ Phật hàng phục con voi dữ
4. Chỗ Phật cảm phục đức vua Bénarès.

4 ĐẠO XỨ ẤN ĐỘ 1. Buddha - 2. Brahma - 3. Jaina - 4. Ajivaka.

8 ĐIỀU BIẾT VÔ ÍCH THẤP HÈN

1. Biết sách giải về thể học
2. Biết sách giải về các nguyên nhân khác
3. Biết sách giải về thiên văn học
4. Biết sách giải về đoán mộng
5. Biết sách giải về thần tướng học
6. Biết sách giải về sự cúng dường thần lửa
7. Biết sách giải về chuột cắn
8. Biết phương pháp cúng dường gia.

10 MỐI MÊ LẦM

1. Mê lầm bổn ngã 6. Tham vô sắc
2. Nghi não 7. Sân hận
3. Ham mộ nghi lễ 8. Tự cao cúng kiến
4. Tham dục 9. Xao động
5. Tham sắc 10. Vô minh.

5 PHẦN HƯƠNG

1. Giới hương 4. Giải thoát hương
2. Định hương 5. Giải thoát tri kiến
3. Huệ hương hương.

LỤC ĐỘ

1. Bố thí 4. Tinh tấn
2. Trì giới 5. Thiền định
3. Nhẫn nhục 6. Trí huệ.

TỨ VÔ LƯỢNG TÂM 1. Từ vô lượng tâm 3. Hỷ vô lượng tâm 2. Bi vô lượng tâm 4. Xả vô lượng tâm.

PHÁP VI TẾ

7 MÓN BÁU NHÀ PHẬT

1. Biết hổ thẹn tội lỗi 5. Bố thí
2. Biết ghê sợ tội lỗi 6. Trì giới
3. Đức tin 7. Trí huệ.
4. Nghe pháp

6 ĐẠO CHÚNG SANH

1. Địa ngục 4. A-tu-la
2. Ngạ quỷ 5. Nhơn
3. Súc sanh 6. Thiên.

7 QUẢ PHÁP

1. Nhập lưu 5. Duyên giác
2. Nhứt vãng lai 6. Bồ tát
3. Bất lai 7. Như Lai.

4. Vô sanh
17 CÁCH NHỚ
1. Cách nhớ tự nhiên
2. Bởi sự kích thích bên ngoài
3. Bởi ảnh hưởng một vinh quang
4. Bởi ảnh hưởng một dịp may
5. Bởi ảnh hưởng một việc rủi
6. Bởi một việc mường tượng
7. Bởi một việc trái hẳn
8. Bởi nghe lời nói
9. Bởi dấu hiệu
10. Bởi sự thúc giục
11. Bởi quen tay
12. Bởi quen tánh
13. Bởi thuộc lòng
14. Bởi tham thiền
15. Bởi ghi vào sổ sách
16. Bởi để cất
17. Bởi tín hiệp.
HẠNH đức vẹn toàn Đấng kính tôn
NGUYỆN đem chơn lý độ sanh tồn
BỒ đề an tọa ban mưa pháp
TÁT đỏa y hành hạnh Thế Tôn.
GIỚI BỔN TĂNG

TỨ PHẦN LUẬT TỲ KHEO 250 GIỚI Tỳ kheo Tăng Khất sĩ, trong ngày Rằm và 30 của mỗi tháng, phải tựu họp lại đọc luật, không được vắng mặt. Mỗi lần đọc phải từ 4 vị sắp lên (một Tăng là 4 vị, một Giáo hội là 20 vị). Sa di, tập sự phải đi ra. Ai vắng mặt phải có người thay lời. Giáo hội Tỳ kheo Ni có xin thỉnh Tăng qua thuyết pháp, phải sắp đi cho rồi. Chư Tỳ kheo phải tựu đủ rồi. Đại đức nói: Ngay hồi sanh tiền, Đức Phật có dạy chư Tăng phải họp mặt nhau một tháng 2 kỳ, để khuyên răn sám hối với nhau mà giữ gìn đạo hạnh, chúng ta cúi đầu, tôn trọng Phật Pháp Tăng. Nay chúng ta hội lại theo lệ cũ, mà chúng ta khéo giữ gìn, để bảo tồn Chánh pháp luôn luôn.

GIỚI BỔN TĂNG

Giới luật thật là mênh mông, mênh mông như biển cả, thật là quý giá, quý giá hơn vàng bạc, mà người ta hằng tầm tòi, chẳng biết mệt nhọc. Ấy vì muốn bảo tồn cái kho quý của giới luật Phật, nên chúng ta họp nhau tại đây, vậy chư Đại đức hãy nghe tôi, để khỏi phạm giới to hoặc nhỏ. Và các ngài chư Phật: Tỳ Bà Thi, Thích Khí, Tỳ Xá, Ca La Tôn Đại, Câu Na Hàm Mâu Ni, Ca Diếp, Thích Ca Mâu Ni, và các Ngài Đại từ Đại bi, đáng cho chúng sanh sùng bái, xin các Ngài giúp cho tôi nói, tôi muốn nói những điều tôi

phải nói, và chư Thinh văn Đại đức hãy nghe tôi. Một người thiếu chơn không đi được; cũng như thế, một người sống đời, mà thiếu luật, không lên cõi thượng thiên được. Ai muốn sanh lên cõi trên ngay kiếp này, phải giữ giới luật cho chín chắn kỹ càng, vì nó là chơn của mình, mà mình không được khinh thường. Một người đánh xe, lúc qua truông hiểm, thấy mất cái chốt ở bánh xe, hay thấy cốt xe gãy, nó có rầu hay không? Kẻ phạm giới cũng thế, đến giờ chết thì rầu lắm. Một người khác, soi gương vui hay buồn, là do ở mặt mình tốt hay xấu, sạch hay dơ; giới luật mà đọc ra đây cũng có cái kết quả y như vậy đó. Chư Thinh văn sẽ được vui hay buồn, là do nơi mình có trì giới hay phạm giới. Hai bên nghịch giao chiến, bên nhát thối lui; cũng như thế, ai trong sạch thì vững bụng, ai lầm lỗi phải sợ lo. Ông

vua hơn mọi người; biển cả hơn các thứ ngòi, rạch; mặt trăng hơn các ngôi sao; Phật hơn các Thánh hiền; cũng như thế, giới luật đọc hôm nay hơn các giới luật khác. Vậy nên Đức Phật của chúng ta có lập ra cái lệ này mà không ai được bỏ qua, mỗi kỳ nửa tháng phải đọc giới bổn một lần. Vậy thì bạch chư Đại đức, tôi xin đọc giới bổn, hãy nghe cho kỹ, hãy xét cho kỹ, ai thấy mình phạm hãy khai ra, còn ai biết mình vô tội cứ lặng thinh. Các Ngài mà nín, tôi sẽ kết nhận rằng: các Ngài trong sạch! Dầu tôi có hỏi chung, cũng cầm bằng hỏi riêng từng người. Ai có tội, để tôi hỏi qua 3 lần mà không trả lời, người ấy sẽ phạm giới vọng ngữ. Phật có dạy rằng: Ai vọng ngữ mà không khai ra, không thể nào tấn tới về đạo đức, các Ngài khá tránh chỗ đại hại đó. Ai phạm điều gì, và muốn thanh tịnh lại, cứ khai ra rồi sẽ được an tâm và vui vẻ. Vậy, tôi xin đọc đoạn vô đầu.

A. 4 ĐẠI GIỚI (TRỤC XUẤT)

1. Đại dâm giới - Cấm dâm dục

2. Đại đạo giới - Cấm trộm cắp

3. Đại sát giới - Cấm sát sanh

4. Đại vọng ngữ giới - Cấm nói dối.

(hỏi 3 lần)

GIỚI BỔN TĂNG

B. 13 GIỚI TỔN HẠI TĂNG TÀN (GIÁNG CẤP) 1. Cấm lấy tay tự làm sự dâm 2. Cấm rờ mình đàn bà 3. Cấm chọc ghẹo, dụ dỗ đàn bà 4. Cấm làm mai, cưới gả, sự hẹn hò 5. Cấm khoe phép tinh tấn với đàn bà 6. Cấm tự ý cất phòng sái luật, và không trình chỗ cất 7. Cấm không trình chỗ cất, mặc dầu tự ý thí chủ cất cho 8. Cấm cáo gian một vị Tỳ kheo khác một tội gì mà không có 9. Cấm dùng cách thế này thế kia, mà phá sự hòa hiệp ở Giáo hội 10. Cấm nghi quấy một vị Tỳ kheo khác một tội gì mà không có 11. Cấm binh vực kẻ phá sự hòa hiệp ở Giáo hội 12. Cấm không nghiêm làm quấy ác cho kẻ khác bắt chước 13. Cấm cưỡng lý khi làm quấy mà chẳng chịu nghe lời khuyên giải. (hỏi 3 lần)

C. 2 GIỚI KHÔNG ĐỊNH 1. Cấm ngồi nói chuyện với đàn bà chỗ vắng vẻ, đáng nghi ngờ

2. Cấm ngồi nói chuyện với đàn bà, tự do chỗ chán chường. (hỏi 3 lần)

D. 30 GIỚI PHÁ SỰ THANH BẦN (Cấm phòng 6 bữa) 1. Cấm cất giữ dư chăn, áo quá mười ngày 2. Cấm bỏ chăn, áo ở một nơi khác, trong một đêm 3. Cấm để dành vải quá một tháng, khi rách mất có người cúng 4. Cấm nhận áo của một Tỳ kheo ni xa lạ (trừ sự đổi áo mới) 5. Cấm để Tỳ kheo ni xa lạ, giặt nhuộm, cất giữ áo cho mình 6. Cấm hỏi xin áo với nam nữ thí chủ (trừ khi thắt ngặt) 7. Cấm nhận nhiều chăn áo quá bộ (trừ khi thắt ngặt) 8. Cấm tự ý muốn kiểu cắt may (khi có một thí chủ định sắm cho) 9. Cấm tự ý muốn kiểu cắt may (khi có nhiều thí chủ định sắm cho) 10. Cấm nhận tiền để may áo, và hối thúc Giáo hội may liền 11. Cấm dùng chăn áo bằng tơ, lụa, hàng (mặc dầu có pha lộn vải)

GIỚI BỔN TĂNG

12. Cấm dùng ngọa cụ màu đen rặt không có pha lộn màu khác 13. Cấm dùng ngọa cụ màu trắng rặt không có pha lộn màu khác 14. Cấm chưa đúng sáu năm, mà sắm thêm ngọa cụ khác 15. Cấm lấy ngọa cụ mới, che cho cái cũ làm mau hư 16. Cấm khi viễn hành có ai cúng vải, mà ôm đi xa quá ba ngàn thước 17. Cấm biểu Tỳ kheo ni xa lạ, giặt nhuộm, cất giữ vải cho mình 18. Cấm nhận tiền bạc vàng, gởi hoặc bảo kẻ khác nhận thế 19. Cấm buôn bán đồ quý báu 20. Cấm buôn bán bất luận vật gì 21. Cấm giữ thêm một cái bát, cất quá mười ngày 22. Cấm kiếm bát mới, tốt, mặc dầu đúng năm, mà cái cũ còn xài được 23. Cấm đem chỉ cho thợ dệt xa lạ, dệt áo cho mình khi có kẻ cúng 24. Cấm ra kiểu ni cho thợ dệt, khi thí chủ dệt áo cho mình 25. Cấm giận hờn đòi áo lại, khi đã cho người rồi 26. Cấm để dành thuốc, đường, dầu quá bảy ngày (trừ khi đau có người cúng)

27. Cấm xin vải choàng tắm mùa mưa, trước một tháng, dùng trước mười lăm ngày
28. Cấm lãnh áo trước kỳ, khi đến lệ còn hỏi nữa
29. Cấm gởi áo nhà quen quá sáu ngày, sư ẩn cư khi về
Giáo hội
30. Cấm lấy lén một món đồ gì của Giáo hội.
(hỏi 3 lần).
E. 90 GIỚI HÀNH PHẠT (QUỲ HƯƠNG) 1. Cấm cho rằng phải một việc sái 2. Cấm chê đè làm cho người ta rủn chí 3. Cấm nói hai lưỡi đâm thọc làm cho người ta giận nhau 4. Cấm ở chung nhà với đàn bà trong một đêm 5. Cấm ở quá hai đêm chung với người chưa thọ giới nhà sư 6. Cấm tụng kinh chung và một lượt với người chưa thọ đại giới 7. Cấm học tội một vị Tỳ kheo khác với người chưa thọ giới nhà sư 8. Cấm khoe mình đắc đạo có phép thần thông với người chưa thọ đại giới 9. Cấm một mình thuyết pháp với đàn bà năm sáu câu, mà không có đàn ông trí thức chứng dự

GIỚI BỔN TĂNG

10. Cấm đào đất, cuốc đất 11. Cấm đốn cây phá chỗ thần ở 12. Cấm cãi nhiều lời làm cho người ta phiền nghịch 13. Cấm chê bai, nói ác, xúc phạm đến vị sư trị sự trong Giáo hội 14. Cấm dùng đồ của chùa mà bỏ ở ngoài làm cho hư bể 15. Cấm dùng đồ của chùa, khi đi không dẹp cất 16. Cấm khi đi lữ hành, giành chỗ nằm của một người khác 17. Cấm đuổi hay sai đuổi ra khỏi phòng một Tỳ kheo không hạp ý mình 18. Cấm giăng mùng

lót ván, để cây rớt trúng người ta 19. Cấm lấy nước dùng mà trong ấy mình biết là có côn trùng 20. Cấm dùng đồ nhiều quá, mà lợp tịnh thất, chất nặng bậy làm sập 21. Cấm dạy đạo, đọc giới bổn với Tỳ kheo ni không có lệnh Giáo hội sai đi. 22. Cấm thuyết pháp với Tỳ kheo ni buổi chiều tối tới sáng, mặc dầu có lịnh. 23. Cấm nói giễu vị sư đi thuyết pháp cho Tỳ kheo ni là cốt để ăn uống no say

24. Cấm tặng áo cho Tỳ kheo ni xa lạ (trừ khi mua giùm hoặc đổi áo mới) 25. Cấm may áo cho Tỳ kheo ni xa lạ 26. Cấm ngồi chung với Tỳ kheo ni ở một chỗ che khuất 27. Cấm đi chung với Tỳ kheo ni (đầu làng này hay làng kia) 28. Cấm hẹn nhau đi chung một thuyền (trừ khi qua đò) 29. Cấm ăn cơm của thí chủ đãi, mà nhờ có Tỳ kheo ni nói vào 30. Cấm đi chung với đàn bà (đầu làng này tới đầu làng kia cũng vậy) 31. Cấm ăn đến hai buổi cơm một ngày, hai buổi hai ngày trong một nhà 32. Cấm ăn nhiều buổi cơm, ở nhiều chỗ trong một ngày (trừ cơn đau) 33. Cấm vắng mặt buổi cơm kỳ hội (trừ cơn đau, đi xa, trai tăng, tởi áo) 34. Cấm ăn no rồi mà ăn lại nữa (nhưng còn đói có thể hỏi thêm) 35. Cấm lãnh đồ ăn nhiều quá, mà không chia sớt lại cho vị khác 36. Cấm ép vị sư khác ăn no rồi, mà ăn lại nữa 37. Cấm ăn sái giờ từ quá ngọ tới ngọ mai

GIỚI BỔN TĂNG

38. Cấm dùng và để đồ ăn vào miệng, món chẳng phải của cúng dường 39. Cấm để dành đồ ăn cách đêm đặng khỏi đi xin 40. Cấm hỏi đồ ăn mỹ vị (trừ cơn đau tùy món cần dùng) 41. Cấm cố ý làm cho mấy vị Tỳ kheo khác trễ quá giờ ăn 42. Cấm trao tay thí đồ ăn cho kẻ nam nữ phái ngoại đạo 43. Cấm ăn rồi mà ngồi nán lại lâu trong nhà có đàn bà đẹp 44. Cấm lãnh đồ ăn rồi, mà ngồi lại chỗ kín, nhà có đàn bà đẹp 45. Cấm ngồi gần đàn bà chỗ chán chường 46. Cấm oán ghét, kiếm cớ làm cho một vị sư khác bơ vơ, nhịn đói 47. Cấm lãnh để dành nhiều thuốc 48. Cấm xem diễn binh tập lính 49. Cấm ở chung với quân binh hai ngày (trong khi có lý cớ gì) 50. Cấm ưa thích sự tập tành ngựa voi, quân binh đấu võ 51. Cấm uống rượu men, các thứ rượu, thuốc hút, á phiện, trầu cau 52. Cấm tắm rửa một cách quá tự do và giỡn cợt

53. Cấm lấy tay chân mà đánh đá người ta 54. Cấm bất tuân và khinh dể lời quở trách cản ngăn 55. Cấm dọa nạt làm cho một vị Tỳ kheo khác kinh sợ 56. Cấm tắm tới hai lần trong nửa tháng (trừ khi đau, dơ, nực) 57. Cấm vô cớ chụm lửa chỗ trống (trừ khi đau, lạnh, đêm tối) 58. Cấm giễu cợt mà giấu, hoặc xúi giấu đồ của người khác 59. Cấm lấy lén lại đồ, áo đã cho người ta rồi 60. Cấm mặc dùng áo chăn màu vải trắng (phải nhuộm cho xấu) 61. Cấm cố ý giết thác mạng thú vật 62. Cấm uống nước mà mình biết là có côn trùng 63. Cấm cố ý làm cho người ta buồn mà không khuyên giải 64. Cấm giấu tội thô tục, chọc ghẹo, giao dâm của một Tỳ kheo khác 65. Cấm nhận vào hàng Tỳ kheo, kẻ nào chưa đúng 20 tuổi trọn 66. Cấm khêu gợi sự rầy rà, sau khi đã êm thuận rồi 67. Cấm đi chung với gian nhơn (đầu làng này tới làng kia cũng vậy)

GIỚI BỔN TĂNG

68. Cấm nói dâm dục không ngăn trở sự thành đạo đắc quả 69. Cấm giữ tại chùa và để hầu mình, kẻ Sa di nói sái quấy ấy 70. Cấm giao thiệp, đưa đồ, nói chuyện với vị sư nói sái quấy ấy 71. Cấm chối tội nói rằng không biết để đi hỏi lại 72. Cấm nói phá rằng đọc

giới bổn là phiền hà vô ích 73. Cấm chối tội nói rằng tại mình không thuộc giới bổn 74. Cấm nói chư Tăng nghị xử chẳng công bình 75. Cấm phá khuấy làm gián đoạn buổi hội nghị (đi vắng, đi ra ngoài) 76. Cấm cản không cho thi hành điều mà Giáo hội đã quyết nghị 77. Cấm học đi học lại chuyện cãi lẫy gây gổ, sau khi đã êm thuận rồi 78. Cấm giận mà đánh một vị Tỳ kheo khác 79. Cấm giận mà vả, vặn tay một vị Tỳ kheo khác 80. Cấm cáo gian rằng: Vị Tỳ kheo khác phạm giới Tăng tàn 81. Cấm vào cung vua thình lình, không chờ đợi nghinh tiếp 82. Cấm lượm, sai lượm của quấy, vật bỏ rơi (trừ khi biết chủ giữ giùm)

83. Cấm vào làng sái giờ (trừ ra có việc của Giáo hội đúng giờ từ sáng tới ngọ)

84. Cấm ngồi ghế cao, nằm giường rộng, chiếu lớn xinh đẹp

85. Cấm dồn ghế, nệm, gối bằng gòn tốt

86. Cấm dùng ống đựng kim bằng xương, sừng, ngà

87. Cấm trải ngọa cụ choán chỗ rộng quá

88. Cấm dùng vải giẻ nhiều quá mà bó chỗ đau

89. Cấm dùng chăn tắm lớn quá

90. Cấm mặc áo rộng dài như áo của Phật.

(hỏi 3 lần)

F. 4 GIỚI ĐẶC BIỆT (XƯNG TỘI XẢ ĐỌA) 1. Cấm chẳng đau mà ăn nhờ đồ ăn của Tỳ kheo ni xa lạ 2. Cấm chẳng từ chối, Tỳ kheo ni nói với thí chủ đãi cơm mình trước 3. Cấm xin mãi một nhà, làm cho người ta nghèo túng 4. Cấm sư ẩn cư chỗ nguy hiểm, để có sự hại cho thí chủ đem cơm tới cho mình. (hỏi 3 lần)

G. 100 GIỚI NHỎ PHẢI HỌC (SÁM HỐI) 1. Cái chăn phải vận từ nịt lưng tới nửa ống chân, đừng có xăn

GIỚI BỔN TĂNG

2. Bộ áo ba cái phải mặc cho có thứ lớp 3. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà xăn áo lên 4. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà xăn áo lên 5. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà lật áo lên tới vai 6. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà lật áo lên tới vai 7. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà đội khăn, đội mũ 8. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà đội khăn, đội mũ 9. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà vừa đi vừa chạy 10. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ sau khi vừa đi vừa chạy 11. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà chắp tay sau lưng, chống nạnh 12. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà chắp tay sau lưng chống nạnh 13. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà lay chuyển thân mình 14. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà lay chuyển thân mình 15. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà múa tay 16. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà múa tay 17. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà không mặc áo che mình 18. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà không mặc áo che mình 19. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà trông bên này, bên kia

20. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà trông bên này, bên kia

21. Chẳng nên ngồi chồm hổm trong nhà cư sĩ

22. Hãy điềm tĩnh khi đi vào nhà cư sĩ

23. Hãy điềm tĩnh khi ngồi trong nhà cư sĩ
24. Chẳng nên cười cợt khi đi vào nhà cư sĩ
25. Chẳng nên cười cợt khi ngồi trong nhà cư sĩ
26. Phải để ý khi lãnh cơm
27. Khi lãnh cơm, đưa bát ra cho ngay thẳng, đừng để đổ
28. Khi lãnh canh, đưa bát cho ngay thẳng, đừng để đổ
29. Phải trộn cơm với đồ ăn đã lãnh
30. Món nào xúc trước thì ăn trước
31. Chẳng nên lựa bên này bên kia, hay giữa bát
32. Chẳng nên hỏi canh ngon hoặc món lạ (trừ khi đau tùy món cần dùng)
33. Chẳng nên xới cơm lên che khuất đồ ăn đặng lãnh thêm nữa
34. Chẳng nên thấy vị khác lãnh đồ ăn mà sanh lòng thèm
35. Lãnh cơm, đồ ăn đủ rồi, phủ cái bát lại, vừa ăn vừa suy nghĩ
36. Chẳng nên ăn lớn miếng

GIỚI BỔN TĂNG

37. Chẳng nên há miệng lớn mà đút đồ ăn
38. Chẳng nên nói chuyện khi ngậm một miệng đồ ăn
39. Chẳng nên lấy cơm vò viên mà thảy vào miệng
40. Chẳng nên ăn trám vàm đến đỗi rớt ra
41. Chẳng nên đưa đồ ăn từ má bên này qua má bên kia
42. Chẳng nên nhai lớn tiếng
43. Chẳng nên nút mạnh trong khi ăn
44. Chẳng nên lấy lưỡi liếm
45. Chẳng nên quơ tay trong khi ăn
46. Chẳng nên lấy tay lượm cơm rớt mà bỏ vào miệng
47. Chẳng nên cầm đến bình uống nước mà chẳng rửa tay
48. Chẳng nên tạt nước rửa bát ra sân của thí chủ
49. Chẳng nên đại, tiểu, hỉ mũi, khạc nhổ trên rau cỏ (trừ khi bịnh)
50. Chẳng nên đại, tiểu, hỉ mũi, khạc nhổ trên nước (trừ khi bịnh)
51. Chẳng nên đứng mà đại, tiểu (trừ khi bịnh)
52. Chẳng nên ở và ngủ trong chỗ thờ Phật (trừ khi canh giữ)
53. Chẳng nên cất đồ vật tại chỗ thờ Phật (trừ khi bị cướp)
54. Chẳng nên mang dép vào chỗ thờ Phật
55. Chẳng nên xách dép vào chỗ thờ Phật 56. Chẳng nên mang dép đi chung quanh chỗ thờ Phật 57. Chẳng nên mang giày vào chỗ thờ Phật 58. Chẳng nên xách giày vào chỗ thờ Phật 59. Chẳng nên ngồi ăn dưới chỗ thờ Phật (mà bỏ đồ dơ thúi) 60. Chẳng nên khiêng xác chết đi dưới chỗ thờ Phật 61. Chẳng nên chôn xác chết tại chỗ thờ Phật 62. Chẳng nên thiêu xác chết ngay chỗ thờ Phật 63. Chẳng nên thiêu xác chết chỗ nào mùi hôi thúi bay tới chỗ thờ Phật 64. Chẳng nên thiêu xác chết tại chỗ thờ Phật 65. Chẳng

nên đi dưới chỗ thờ Phật, mang đồ của người chết 66. Chẳng nên đại, tiểu tại chỗ thờ Phật 67. Chẳng nên đi nhà tiêu mang theo tượng Phật 68. Chẳng nên đại, tiểu chỗ nào mùi hôi thúi bay tới chỗ thờ Phật 69. Chẳng nên đại, tiểu ngay phía chỗ thờ Phật 70. Chẳng nên xỉa răng, súc miệng dưới chỗ thờ Phật 71. Chẳng nên tới trước chỗ thờ Phật mà xỉa răng, súc miệng

GIỚI BỔN TĂNG

72. Chẳng nên đứng bốn phía chỗ thờ Phật mà xỉa răng, súc miệng 73. Chẳng nên ở tại chỗ thờ Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ 74. Chẳng nên đứng trước chỗ thờ Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ 75. Chẳng nên đứng bốn phía chỗ thờ Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ 76. Chẳng nên ngồi đưa chân ngay chỗ thờ Phật 77. Chẳng nên ở, đứng trên cao hơn chỗ thờ Phật 78. Chẳng nên nắm tay một người khác mà đi dạo 79. Chẳng nên leo cây cao khỏi đầu (trừ khi có việc) 80. Chẳng nên bỏ bát vào bao mà quảy lên vai, chỗ đầu cây gậy 81. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: lật áo 82. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: quấn áo lên cổ 83. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: khỏa đầu 84. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: che đầu 85. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: chắp tay sau lưng, chống nạnh 86. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi guốc

87. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi dép 88. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cưỡi ngựa, đi kiệu 89. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: ngồi mà mình đứng 90. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: nằm mà mình ngồi 91. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: ngồi chỗ tốt mà mình ngồi chỗ xấu 92. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: ngồi chỗ cao mà mình ngồi chỗ thấp 93. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi trước mà mình đi sau 94. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi trên mà mình đi dưới 95. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đứng giữa mà mình đứng bên 96. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm gậy 97. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm gươm 98. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm giáo 99. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm dao 100. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm dù. (hỏi 3 lần)

GIỚI BỔN TĂNG

H. BẢY GIỚI GIẢI HÒA DIỆT TRÁNH

(Khi có việc xảy ra xung đột, bất bình thì xử cho êm đi)

1. Dùng cách tự thuận
2. Hoặc nói quyết rằng quên
3. Hoặc mình không biết, không cố ý
4. Hoặc xin lỗi thành thật mình đã lỡ phạm
5. Hoặc chuyển lên Giáo hội xem xét cho
6. Hoặc nhờ thầy quảng đại quyết định cho
7. Hoặc cùng nhau niệm Phật bỏ qua, khỏa lấp như cỏ mới mọc

HAI TRĂM NĂM CHỤC GIỚI

Bạch chư Đại đức! Tôi đã đọc để quý Ngài nghe, đoạn vô đầu:

A- Bốn đại giới 4giới
B- Mười ba giới tổn hại Tăng tàn 13 giới
C- Hai giới không định 2 giới
D- Ba chục giới phá sự thanh bần 30 giới
E- Chín chục giới hành phạt 90 giới
F- Bốn giới đặc biệt 4 giới
G- Một trăm giới nhỏ phải học 100 giới
H- Bảy giới giải hòa 7 giới
Cộng là: Hai trăm năm chục giới 250 giới
Tất cả bao nhiêu đó, mà Đức Phật Tổ dạy chúng ta, phải hội họp mỗi kỳ nửa tháng, đặng nghe đọc một lần. Vậy, cuộc hội họp này đến đây thì bế mạc. Nhưng trước khi giải tán, tất cả Giáo hội đều đọc kệ chung với nhau, đại khái như dưới đây. 1. ĐỨC PHẬT TỲ BÀ THI CÓ DẠY RẰNG: Bền chịu với các sự nhẫn nhục, ấy là giới hạnh đầu tiên, mà chư Phật hằng khuyên ta, kẻ đã xuất gia bỏ thế, mà còn phiền giận, thật không đáng với tiếng Tỳ kheo. 2. ĐỨC PHẬT THÍCH KHÍ CÓ DẠY RẰNG: Người ta có mắt lanh, bao giờ cũng vượt qua khỏi hố sâu thẳm, cũng như thế, bậc Phật Thánh thoát khỏi các nạn khổ. 3. ĐỨC PHẬT TỲ XÁ CÓ DẠY RẰNG: Tránh nói hành và tật đố, giữ giới hạnh, vừa lòng với sự đủ dùng về đồ ăn uống, bao giờ cũng thỏa thích trong tịnh thất thanh vắng của mình, bền chí về bổn nguyện và cố tiến thủ, ấy là các lý cốt yếu mà chư Phật đã ban truyền. 4. ĐỨC PHẬT CA LA TÔN ĐẠI CÓ DẠY RẰNG: Quanh quẩn trên hoa, con ong chỉ lấy mật trong hoa mà thôi, chớ không phá màu hoa và mùi hoa; cũng như thế, chư Tỳ kheo ở chung với Giáo hội, chớ nên làm nặng lòng ai hết, chớ xem coi họ có làm, hoặc không làm, mà phải lo lấy mình, xét coi đạo hạnh của mình, có vẹn toàn hay không. 5. ĐỨC PHẬT CÂU NA HÀM MÂU NI CÓ DẠY RẰNG: Chớ để cái tâm lạc bậy, hãy siêng học các giới luật

của Phật Thánh, như vậy người ta sẽ xa lánh mọi sự buồn, và tấn tới Niết bàn. 6. ĐỨC PHẬT CA DIẾP CÓ DẠY RẰNG: Chớ làm điều gì ác, phải làm các điều lành, cái sở ý của ngươi phải cho trong sạch luôn luôn, chư Phật đều dạy như vậy. 7. ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI CÓ DẠY RẰNG: Hãy giữ lời nói của ngươi, hãy làm cho tâm ý của ngươi trở nên thanh bạch, đừng làm một việc gì sái quấy, giữ ba điều ấy là theo chánh đạo, đạo của chư Phật đó. 8. CÁC NHÀ HIỀN ĐỨC GIỮ GIỚI, có ba điều an lạc lợi ích: một là danh tiếng thơm lành, hai là được cúng dường, ba là sanh lên cõi trên sau khi thác, nếu chưa đắc quả A-la-hán. 9. HÃY XEM QUA TRONG GIÁO HỘI, coi mấy nhà hiền đức, và thành tín, giữ giới luật thế nào? Giữ giới và sống trong sạch, là sự phát sanh trí huệ, là nền tảng mọi việc hay khác. 10. NOI THEO LỜI DẠY CỦA CHƯ PHẬT quá khứ, hiện tại và vị lai, người ta giải thoát khỏi mọi sự buồn thảm, mà chư Phật hằng khuyên người phải trân trọng giữ giới. Bảy Đức Phật trên kia đều bảo rằng: Sự giữ giới gỡ cho mình ra khỏi các việc trói buộc, và đưa mình lên đến nơi cùng tột là Niết bàn, bấy giờ sẽ dứt hết các cuộc phiền não. 11. CHÚNG TA PHẢI NOI THEO LỜI DẠY CỦA CHƯ PHẬT, chư Tiên, lời khuyên của Thánh hiền, gương

lành của mấy vị đệ tử đích đáng, để nong nả tới nơi an lạc của Niết bàn. 12. TRƯỚC KHI TỊCH KHỎI CÕI THẾ MÀ VÀO NIẾT BÀN, Đức Phật Tổ có khuyến khích chư Tăng mấy lời này: “Khi Ta từ giã, chư đệ tử chớ nói rằng Ta nhập Niết bàn là Ta hết bảo hộ đâu. Không, Ta để Luật lại, nó sẽ ủng hộ cho, hãy coi Ta là thầy mãi, bao giờ Luật của Ta còn trì giữ, thì đạo Phật vẫn còn tỏ rõ và thạnh hành. Nếu chư đệ tử giữ giới mà làm cho đạo sáng và thạnh, thì sẽ hưởng Niết bàn, còn để cho đạo tắt mất, thì trần thế sẽ bị chôn trở vào nơi hắc ám, cũng như lúc mặt trời lặn buổi chiều. Hãy giữ giới cho kỹ, hãy hội họp lại mà đọc giới bổn, theo như Ta đã dạy, ráng bảo tồn nó, vì nó giúp ích cho chúng sanh, giúp cho tiến theo nẻo Phật”. Kính lạy Ta bà thế giới THÍCH CA MÂU NI PHẬT (3 lạy) (Giới bổn này tất cả Khất sĩ đều dùng được hết) Luật Tăng đồ nhà Phật này của phái Đàm Vô Đức bộ, do Đại sư Đàm Đế dịch năm 254 sau Dương lịch.

GIỚI BỔN NI

TỨ PHẦN LUẬT TỲ KHEO NI 348 GIỚI Tỳ kheo ni, nữ Khất sĩ, trong ngày Rằm và 30 của mỗi tháng, phải tựu họp lại đọc luật, không được vắng mặt. Mỗi lần đọc phải từ 4 vị sắp lên (một Tăng là 4 vị, một Giáo hội là 20 vị). Sa di, tập sự phải đi ra. Ai vắng mặt phải có người thay lời. Chư Tỳ kheo ni phải tựu đủ. Vị Thượng tọa nói: Ngay hồi sanh tiền, Đức Phật có dạy chư Tăng Ni phải họp mặt nhau một tháng 2 kỳ, để khuyên răn sám hối với nhau mà giữ gìn đạo hạnh. Chúng ta cúi đầu tôn trọng Phật Pháp Tăng, nay chúng ta hội họp lại theo lệ cũ mà chúng ta khéo giữ gìn để bảo tồn Chánh pháp luôn luôn. Giới luật thật là mênh mông, mênh mông như biển cả, thật là quý giá, quý giá hơn vàng bạc mà người ta hằng tầm tòi chẳng biết mệt nhọc. Ấy là vì muốn bảo tồn cái kho

quý của giới luật Phật, nên chúng ta họp nhau tại đây; vậy các sư ni hãy nghe đây, để khỏi phạm giới to hoặc nhỏ, và các Ngài chư Phật: Tỳ Bà Thi, Thích Khí, Tỳ Xá, Ca La Tôn Đại, Câu Na Hàm Mâu Ni, Ca Diếp, Thích Ca Mâu Ni, các ngài đại Từ đại Bi đáng cho chúng sanh sùng bái, xin các ngài giúp tôi nói, tôi muốn nói những điều tôi phải nói, và các sư ni hãy nghe những lời của người quá khứ ở nơi tôi. Thiếu chơn không đi được; cũng như thế, thiếu luật không lên cõi thượng thiên được. Ai muốn sanh lên cõi trên, ngay kiếp này phải giữ giới luật cho kỹ, vì nó là chơn của mình đưa mình đi. Tên đánh xe, khi qua truông, thấy mất cái chốt ở bánh xe hay thấy cốt xe gãy thì nó rầu. Kẻ phạm giới luật cũng thế, đến giờ chết thì rầu lắm. Soi gương vui hay buồn là tùy mặt mình tốt hay xấu; đọc giới luật cũng thế, người nghe vui hay buồn là do nơi mình có giữ giới hay phạm giới. Hai bên nghịch giao chiến, bên nhát thối lui; cũng như thế, ai trong sạch thì vững bụng, ai lầm lỗi phải sợ lo. Ông vua hơn mọi người; biển cả hơn các thứ ngòi, rạch; mặt trăng hơn các ngôi sao; Phật hơn các Thánh hiền; cũng như thế, giới luật đọc hôm nay hơn các giới luật khác. Vậy nên Đức Phật của chúng ta có lập cái lệ này mà không ai được bỏ qua, mỗi kỳ nửa tháng phải đọc giới bổn một lần. Vậy thì bạch các Sư ni, tôi xin đọc giới bổn, hãy nghe cho kỹ, hãy xét cho kỹ: Ai thấy mình phạm hãy khai ra, còn ai biết rằng mình vô tội cứ lặng thinh. Các Sư ni mà

GIỚI BỔN NI

nín, tôi sẽ kết nhận rằng ai nấy đều trong sạch! Dầu tôi có hỏi chung cũng cầm bằng hỏi riêng từng người. Ai có tội, khi nghe hỏi qua 3 lần mà không trả lời, người ấy sẽ phạm giới vọng ngữ. Phật có dạy rằng: Ai vọng ngữ mà không khai ra, không thể nào tấn tới về đạo đức, chúng ta nên tránh chỗ đại hại đó. Ai có phạm điều gì, và có muốn thanh tịnh lại, cứ khai ra... rồi sẽ được an tâm và vui vẻ. Vậy, tôi xin đọc đoạn vô đầu.

TỨ Y PHÁP 1. Nhà sư khất thực: Phải lượm những vải bỏ mà đâu lại thành áo, nhưng có ai cúng vải, đồ cũ thì được nhận. 2. Nhà sư khất thực: Chỉ ăn đồ xin mà thôi, nhưng ngày hội, thuyết pháp, đọc giới bổn, được ăn tại chùa. 3. Nhà sư khất thực: Phải nghỉ dưới cội cây, nhưng có ai cúng lều, am nhỏ bằng lá, một cửa thì được ở. 4. Nhà sư khất thực: Chỉ dùng cây, cỏ, vỏ, lá mà làm thuốc trong khi đau, nhưng có ai cúng thuốc, dầu, đường thì được dùng.

BÁT KÍNH PHÁP 1. Ni cô bao giờ cũng phải lễ bái chư Tăng (dầu cho lớn tuổi thế mấy cũng vậy) 2. Ni cô không được phép trách mắng, rầy rà, nói hành chư Tăng

3. Ni cô không được phép xen vào việc ưng oan của chư Tăng 4. Ni cô tập sự hai năm, nếu muốn vào hàng xuất gia thiệt thọ, phải có Giáo hội chư Tăng chứng nhận 5. Ni cô nếu phạm giới phải sám hối giữa hai Giáo hội nữ và nam 6. Ni cô phải nhờ Giáo hội chư Tăng chứng minh đọc giới bổn mỗi kỳ nửa tháng 7. Ni cô không được tựu hội nghỉ mùa mưa ở một xứ không có chư Tăng 8. Ni cô phải nhờ chư Tăng sắp đặt chỗ nơi hành đạo, khi dứt mùa mưa.

TỲ KHEO NI 348 GIỚI

A- 8 ĐẠI GIỚI (TRỤC XUẤT)

1. Cấm dâm dục
2. Cấm trộm cắp
3. Cấm sát sanh
4. Cấm nói láo
5. Cấm rờ, đẩy, kéo một người đàn ông
6. Cấm đến gần, hoặc hẹn hò với một người đàn ông
7. Cấm giấu tội nặng của một Ni cô khác

GIỚI BỔN NI

8. Cấm a tùng theo một Ni cô khác phạm Đại giới. Bạch các Sư ni, tôi vừa đọc xong 8 Đại giới, vậy chẳng hay trong các Sư ni có ai phạm chăng? (hỏi 3 lần).

B- 17 GIỚI TỔN HẠI TĂNG TÀN (GIÁNG CẤP)

1. Cấm làm mai cưới gả, sự hẹn hò
2. Cấm cáo gian cô khác một tội gì mà không có
3. Cấm nghi quấy cô khác một tội gì mà không có
4. Cấm kiện thưa đến quan chức
5. Cấm cho nhập đạo một người phạm tội đáng chết
6. Cấm bênh vực một cô phạm Đại giới

7. Cấm đi xa một mình
8. Cấm vì ý riêng lãnh của đàn ông những thức cần dùng
9. Cấm vì ý riêng mượn kẻ khác lãnh thế của đàn ông những thức cần dùng
10. Cấm dùng cách này, thế kia mà phá sự hòa hiệp ở
Giáo hội
11. Cấm bênh vực kẻ phá sự hòa hiệp ở Giáo hội
12. Cấm không nghiêm, làm quấy ác cho kẻ khác bắt chước
13. Cấm cưỡng lý, khi làm quấy mà chẳng chịu nghe lời khuyên bảo
14. Cấm giấu lỗi một cô khác vì tình thân
15. Cấm đốc xúi những cô khác, bảo đừng nghe Giáo hội
16. Cấm đốc xúi những cô khác huờn giới
17. Cấm gây gổ và phiền trách Giáo hội.
Bạch các Sư ni, tôi vừa đọc xong 17 giới tổn hại, vậy chẳng hay trong các Sư ni có ai phạm chăng?
(hỏi 3 lần)
C- 30 GIỚI PHÁ SỰ THANH BẦN
(Cấm phòng 6 bữa)
1. Cấm cất dư chăn áo quá mười ngày
2. Cấm bỏ rơi chăn áo trong một đêm
3. Cấm để dành vải quá một tháng
4. Cấm hỏi xin áo nơi người thí chủ (trừ khi thắt ngặt)
5. Cấm nhận nhiều chăn áo quá bộ (trừ khi thắt ngặt)
6. Cấm tự ý muốn kiểu cắt may (khi có một thí chủ định sắm cho)
7. Cấm tự ý muốn kiểu cắt may (khi có nhiều thí chủ định sắm cho)
8. Cấm nhận tiền để may áo và hối thúc Giáo hội may liền
9. Cấm nhận tiền, bạc, vàng hoặc bảo kẻ khác nhận thế
GIỚI BỔN NI

10. Cấm buôn bán đồ quý báu 11. Cấm buôn bán bất luận vật gì 12. Cấm kiếm bát mới tốt, nếu cái cũ còn xài được 13. Cấm đem chỉ cho thợ dệt xa lạ, dệt áo cho mình 14. Cấm ra kiểu ni cho thợ dệt, khi thí chủ dệt áo cho mình 15. Cấm giận hờn mà đòi áo lại, khi đã đổi cho người rồi 16. Cấm để dành thuốc, dầu, đường quá bảy ngày (trừ khi đau có người cúng) 17. Cấm lãnh áo trước kỳ, khi đến lệ còn hỏi nữa 18. Cấm lấy lén một món gì của Giáo hội 19. Cấm mua sắm đồ cho một người đàn ông 20. Cấm dùng làm của riêng mình, món đồ mà người ta cúng cho Giáo hội 21. Cấm dùng làm của riêng mình, món đồ mà một cô khác trao ra để giao cho Giáo hội 22. Cấm dùng đồ của thí chủ cho về việc khác (dùng sái luật đạo, không theo ý thí chủ) 23. Cấm nhân danh Giáo hội mà sắm đồ riêng cho mình 24. Cấm có đến hai cái bát để thay đổi 25. Cấm chứa nhiều đồ tốt đẹp, xuê lịch 26. Cấm hứa cho một cô khác vải bó rịt trong cơn đau mà không cho

27. Cấm đổi lấy áo của thí chủ cho, chớ không lấy áo của Giáo hội phát (vì áo cho đó tốt hơn) 28. Cấm bất bình mà đòi áo lại khi đã cho người rồi 29. Cấm dùng may áo mùa Đông đến bốn xấp vải 30. Cấm dùng may áo mùa Hè trên hai xấp rưỡi vải. Bạch các Sư ni, tôi vừa đọc xong 30 giới phá sự thanh bần, vậy chẳng hay trong các Sư ni có ai phạm chăng? (hỏi 3 lần)

D- 178 GIỚI HÀNH PHẠT (QUỲ HƯƠNG) 1. Cấm cho rằng phải một việc sái 2. Cấm chê đè làm cho người rủn chí 3. Cấm nói hai lưỡi đâm thọc làm cho người giận nhau 4. Cấm ở chung phòng với người đàn ông trong một đêm 5. Cấm ở chung phòng cùng người chưa thọ giới xuất gia 6. Cấm tụng kinh chung cùng người chưa thọ giới xuất gia 7. Cấm học tội của một Ni cô cùng người chưa thọ giới xuất gia 8. Cấm khoe mình đắc đạo có phép thần thông cùng người chưa thọ Đại giới 9. Cấm thuyết pháp với người đàn ông năm sáu câu mà không có đàn bà trí thức chứng dự

GIỚI BỔN NI

10. Cấm đào đất giết thác côn trùng
11. Cấm đốn cây phá chỗ thần ở
12. Cấm cãi nhiều lời làm cho người phiền nghịch
13. Cấm dùng lời chê ngạo và thề thốt
14. Cấm dùng đồ của chùa mà bỏ hư bể
15. Cấm dùng đồ của chùa mà không dẹp cất
16. Cấm giành chỗ nằm của người khác, khi đi lữ hành
17. Cấm đuổi hay sai đuổi khỏi phòng một Ni cô không hạp ý mình
18. Cấm giăng mùng lót ván để cây rớt trúng người
19. Cấm lấy nước dùng mà biết có côn trùng
20. Cấm lợp tịnh thất dùng đồ nhiều quá (chất nặng sập)
21. Cấm ăn nhiều bữa cơm trong một ngày (trừ khi đau)
22. Cấm vắng mặt buổi cơm kỳ hội (trừ cơn đau, đi xa, trai tăng, tởi áo)
23. Cấm lãnh đồ ăn nhiều mà không chia sớt cho vị khác
24. Cấm ăn sái giờ (từ quá ngọ đến ngọ mai)
25. Cấm để dành đồ ăn đặng khỏi đi xin
26. Cấm dùng và để vào miệng món chẳng phải cúng dường
27. Cấm cố ý làm cho mấy vị khác trễ quá giờ ăn
28. Cấm ăn rồi mà ngồi nán lâu nơi nhà có đàn ông 29. Cấm lãnh đồ ăn rồi mà còn ngồi lại chỗ kín, nơi nhà có đàn ông 30. Cấm ngồi gần đàn ông chỗ chán chường 31. Cấm oán ghét kiếm cớ làm cho vị khác bơ vơ nhịn đói 32. Cấm lãnh để dành nhiều thuốc 33. Cấm xem diễn binh tập lính 34. Cấm ở chung với quân lính hai ngày (trừ khi có lý cớ gì) 35. Cấm ưa thích sự tập tành ngựa voi, quân binh, đấu võ 36. Cấm uống rượu men, các thứ rượu, á phiện, thuốc hút, trầu cau 37. Cấm tắm rửa một cách quá tự do và giỡn cợt 38. Cấm lấy tay chơn đánh đá người 39. Cấm bất tuân và khinh dể lời quở trách, can ngăn 40. Cấm dọa nạt làm cho người kinh sợ 41. Cấm tắm tới hai lần trong nửa tháng (trừ khi đau, dơ, nực) 42. Cấm vô cớ chụm lửa chỗ trống (trừ khi đau, lạnh, đêm tối) 43. Cấm

giễu cợt mà giấu hoặc xúi giấu đồ của người

GIỚI BỔN NI

44. Cấm lấy lén lại đồ đã cho người rồi 45. Cấm mặc dùng áo chăn đồ vải trắng (chẳng nhuộm xấu) 46. Cấm uống nước có côn trùng 47. Cấm cố ý giết mạng thú vật 48. Cấm cố ý làm cho người buồn mà không khuyên giải 49. Cấm giấu tội của một Ni cô khác 50. Cấm khêu gợi sự rầy rà, sau khi đã êm thuận 51. Cấm đi chung với gian nhơn (đầu làng này tới làng kia) 52. Cấm nói dâm dục không ngăn trở sự thành đạo đắc quả 53. Cấm giao thiệp, đưa đồ, nói chuyện với kẻ nói sái quấy ấy 54. Cấm giữ tại chùa và để hầu mình kẻ nói sái quấy ấy 55. Cấm chối tội hay nói rằng chưa hay kẻ ấy sái quấy 56. Cấm nói phá rằng đọc giới bổn là phiền hà vô ích 57. Cấm chối tội nói rằng tại mình không thuộc giới bổn 58. Cấm nói Giáo hội nghị xử chẳng công bình 59. Cấm phá khuấy làm gián đoạn buổi hội nghị (đi vắng, đi ra ngoài)

60. Cấm cản không cho thi hành những điều Giáo hội đã quyết nghị
61. Cấm học đi học lại chuyện cãi lẫy sau khi đã êm thuận
62. Cấm giận đánh một Ni cô khác
63. Cấm giận xô đẩy, vặn tay một Ni cô khác
64. Cấm giận cáo gian một cô khác phạm giới tổn hại
65. Cấm vào cung vua thình lình, không chờ đợi nghinh tiếp
66. Cấm lượm, sai lượm của quấy, vật bỏ rơi (trừ khi biết chủ mà giữ giùm)
67. Cấm vào làng sái giờ (trừ ra có việc của Giáo hội)
68. Cấm ngồi ghế cao, nằm giường rộng
69. Cấm dồn ghế, nệm, gối bằng gòn tốt
70. Cấm ăn tỏi, hành, hẹ, nén, kiệu
71. Cấm bất tuân chẳng cạo chơn mày
72. Cấm cười bậy
73. Cấm nói chuyện thế tục
74. Cấm hai cô dùng tay bỡn cợt (trửng giỡn)
75. Cấm một ni, một sư uống nước chung và quạt cho nhau
76. Cấm xin cơm mà để dành lại
77. Cấm đại, tiểu làm dơ cây cối
GIỚI BỔN NI

78. Cấm quăng ra ngoài rào, đồ đại, tiểu khi đêm 79. Cấm đi xem hát 80. Cấm nói chuyện với đàn ông chỗ vắng vẻ 81. Cấm nói chuyện với đàn ông chỗ chán chường 82. Cấm bảo cô khác đi xa để nói chuyện với đàn ông 83. Cấm ở nhà cư gia mà ra đi thình lình, không cho chủ nhà hay 84. Cấm vào nhà cư gia mà chủ nhà chẳng hay biết rồi tự tiện ở đêm nơi đó 85. Cấm vào nhà cư gia mà chủ nhà không hay biết rồi ngồi nằm nơi đó 86. Cấm vô nhà người, vào phòng kín với đàn ông 87. Cấm đọc bậy với kẻ khác lời của bà thầy dạy học 88. Cấm thề oán tức tối 89. Cấm tranh hơn thua, đấm ngực, kêu la 90. Cấm hai cô nằm chung (trừ khi đau) 91. Cấm hai cô ngủ chung (trừ khi cần kíp) 92.

Cấm làm phiền hoặc làm trễ mấy cô khác trong cuộc tụng kinh, hộ niệm, làm lễ, giảng đạo 93. Cấm chẳng săn sóc người ở gần mình trong cơn đau 94. Cấm trong mùa mưa đuổi một cô đi chỗ khác, sau khi mình đã tầm xong chỗ ngụ

95. Cấm đi xa lúc mùa mưa (vì làm dơ đồ và giết sâu bọ)
96. Cấm đã hết mùa mưa mà chẳng đi
97. Cấm đi quanh trong vùng nguy hiểm
98. Cấm đi quanh trong xứ lộn xộn
99. Cấm thân cận và ở chung nhà với đàn ông
100. Cấm đi xem đền đài cung điện của vua
101. Cấm tắm dưới nước mà chẳng có choàng tắm
102. Cấm dùng choàng tắm rộng quá thước tấc
103. Cấm may một cái áo để quá năm ngày
104. Cấm may áo rồi mà chẳng mặc liền
105. Cấm nhân danh Giáo hội, phát áo và vải rồi để dành một ít cho mình
106. Cấm mặc đồ của một cô khác mà không hỏi trước
107. Cấm lấy áo của một cô khác mà cho người
108. Cấm có ý cản trở sự phát áo của Giáo hội
109. Cấm dùng lời nói cản trở sự phát áo của Giáo hội
110. Cấm làm cách thế cản trở sự phát áo của Giáo hội
111. Cấm đã có người giải hòa mà không chịu hòa
112. Cấm trao tay thí đồ ăn cho kẻ ngoại đạo
113. Cấm ra tay làm việc nhà cho người cư gia
GIỚI BỔN NI

114. Cấm tự tay mình kéo chỉ quay tơ 115. Cấm nằm, ngồi trên giường ván của cư gia 116. Cấm nghỉ đêm nơi nhà cư gia mà sáng sớm đi không cho chủ nhà hay 117. Cấm đọc chú như mấy kẻ pháp phù 118. Cấm dạy người ta đọc chú 119. Cấm cho nhập đạo một cô có thai 120. Cấm cho nhập đạo một cô còn có con nhỏ 121. Cấm cho nhập hàng Ni cô một người chưa đúng hai mươi tuổi trọn 122. Cấm cho nhập hàng Ni cô một người chưa tập sự hai năm 123. Cấm cho nhập hàng Ni cô một người phạm Đại giới (mặc dầu đúng tuổi và đã tập sự) 124. Cấm cản không cho nhập hàng Ni cô một người đã đủ điều kiện 125. Cấm cho nhập đạo sớm lắm và chẳng tập sự 126. Cấm cho nhập đạo mà chẳng có Giáo hội chư Tăng thị nhận 127. Cấm giấu những sự sơ thất ấy 128. Cấm đã thâu nhận học trò mà không lo dạy dỗ trong hai năm tập sự

129. Cấm mới nhập đạo chưa được hai năm mà thâu nhận học trò 130. Cấm một cô thiếu sức mà truyền giới Cụ túc cho người 131. Cấm một cô thiếu tuổi mà truyền giới Cụ túc cho người 132. Cấm một cô thiếu phép mà truyền giới Cụ túc cho người 133. Cấm phiền trách khi Giáo hội chẳng cho phép truyền giới 134. Cấm nhận một kẻ tập tu vào hàng Ni cô thiệt thọ, nếu người nhà kẻ ấy chẳng thuận 135. Cấm làm cho một thiếu phụ buồn chán, sợ sệt đặng bỏ gia đình nhập đạo 136. Cấm hứa nếu ai dễ dạy thì cho nhập đạo, kế không giữ lời 137. Cấm hứa nếu ai cúng áo thì cho nhập đạo, kế không giữ lời

138. Cấm mới nhập đạo chưa được một năm mà thâu nhận người khác cho thọ giới Cụ túc 139. Cấm sau khi thâu nhận một Ni cô mà để qua đêm mới đi trình diện với Giáo hội chư Tăng 140. Cấm vắng mặt ngày đọc giới luật (trừ khi đau)

GIỚI BỔN NI

141. Cấm quên hỏi Giáo hội cầu thầy thuyết pháp và đọc giới bổn
142. Cấm đến cuối mùa mưa quên đọc lại với Giáo hội chư Tăng những điều nghe thấy
143. Cấm họp nhau trong mùa mưa ở một xứ không có chư Tăng
144. Cấm vào tịnh xá chư Tăng mà không xin phép
145. Cấm nhiếc mắng mấy Ni cô khác
146. Cấm dùng lời thô bỉ khêu nên sự rầy rà ở Giáo hội
147. Cấm khi bịnh không có Giáo hội cho phép mà để người khác cắt hoặc bó cho mình
148. Cấm ăn no rồi mà còn ăn lại nữa
149. Cấm ganh ghét các Ni cô khác
150. Cấm dồi mài trang điểm thân mình
151. Cấm dồi phấn xức dầu
152. Cấm xúi một Ni cô dồi phấn xức dầu
153. Cấm xúi một kẻ tập tu dồi phấn xức dầu
154. Cấm xúi học trò dồi phấn xức dầu
155. Cấm xúi người tại gia dồi phấn xức dầu
156. Cấm bận áo mỏng thấy mình
157. Cấm lấy y phục của người tại gia mặc vào
158. Cấm mang giày, cầm dù đi ra đường 159. Cấm đi kiệu (trừ khi đau) 160. Cấm vào làng mà chẳng mặc áo Ni cô 161. Cấm khi đêm vào nhà cư sĩ (nếu không mời thỉnh) 162. Cấm vào buổi chiều, mở cổng chùa ra đi, không cho mấy cô khác hay 163. Cấm sau khi mặt trời lặn, mở cổng chùa ra đi, không cho mấy cô khác hay 164. Cấm vắng mặt ngày hội trong mùa mưa 165. Cấm cho nhập đạo một cô bịnh khó 166. Cấm cho nhập đạo một cô bán nam bán nữ 167. Cấm cho nhập đạo một cô có bịnh khác thường 168. Cấm cho nhập đạo một cô mắc nợ hoặc tàn tật 169. Cấm học cách bói đoán vận mạng, sanh nhai theo người thế tục 170. Cấm dạy người cách bói đoán vận mạng 171. Cấm đã có ai bảo đi mà chẳng đi 172. Cấm chẳng xin phép mà thình lình hỏi lý một vị sư 173. Cấm ngồi nằm chỗ đường đi làm khó và phiền kẻ khác 174. Cấm cất tháp, xây mồ một Ni khác trong vòng chùa chư Tăng

GIỚI BỔN NI

175. Cấm một Ni cô già gặp một vị sư trẻ mà chẳng làm lễ theo luật
176. Cấm vừa đi vừa uốn éo thân mình
177. Cấm mặc đồ và trang điểm như mấy cô ở thế
178. Cấm xúi một cô gái ngoại đạo dồi phấn xức dầu.

Bạch các Sư ni, tôi vừa đọc xong 178 giới hình phạt, vậy chẳng hay trong các Sư ni có ai phạm chăng?

(hỏi 3 lần)

E- 8 GIỚI ĐẶC BIỆT (XƯNG TỘI XẢ ĐỌA)

1. Cấm nếu không đau, không được xin sữa (đậu)
2. Cấm nếu không đau, không được xin dầu
3. Cấm nếu không đau, không được xin mật (hoa)
4. Cấm nếu không đau, không được xin đường
5. Cấm nếu không đau, không được xin bột
6. Cấm nếu không đau, không được xin cháo
7. Cấm nếu không đau, không được xin đồ ngon
8. Cấm nếu không đau, không được xin đồ quý.

Bạch các Sư ni, tôi vừa đọc xong 8 giới đặc biệt, vậy chẳng hay trong các Sư ni có ai phạm chăng?

(hỏi 3 lần).

F- 100 GIỚI NHỎ PHẢI HỌC (SÁM HỐI) 1. Chẳng nên vận chăng có lằn xếp 2. Chẳng nên mặc áo không thứ lớp 3. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà xăn áo lên 4. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà xăn áo lên 5. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà lật áo lên tới vai 6. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà lật áo lên tới vai 7. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà đội khăn, đội mũ 8. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà đội khăn, đội mũ 9. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà vừa đi, vừa chạy 10. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ sau khi vừa đi, vừa chạy 11. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà chắp tay sau lưng hoặc chống nạnh 12. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà chắp tay sau lưng hoặc chống nạnh 13. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà lay chuyển thân mình 14. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà lay chuyển thân mình 15. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà múa tay 16. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà múa tay

GIỚI BỔN NI

17. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà không mặc áo che mình 18. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà không mặc áo che mình 19. Chẳng nên đi vào nhà cư sĩ mà trông bên này, bên kia 20. Chẳng nên ngồi trong nhà cư sĩ mà trông bên này, bên kia 21. Chẳng nên xao động khi đi vào nhà cư sĩ 22. Chẳng nên xao động khi ngồi trong nhà cư sĩ 23. Chẳng nên cười cợt khi đi vào nhà cư sĩ 24. Chẳng nên cười cợt khi ngồi trong nhà cư sĩ 25. Chẳng nên ngồi chồm hổm trong nhà cư sĩ 26. Chẳng nên nhìn liếc khi lãnh cơm 27. Chẳng nên đưa bát nghiêng, để cơm phải đổ 28. Chẳng nên đưa bát nghiêng, để canh phải đổ 29. Chẳng nên phân biệt thức ăn 30. Chẳng nên kén chọn món ăn 31. Chẳng nên lựa bên này, bên kia hay giữa bát 32. Chẳng nên hỏi canh ngon hoặc món lạ (trừ cơn đau) 33. Chẳng nên xới cơm lên che khuất đồ ăn (đặng lãnh thêm nữa) 34. Chẳng nên thấy vị khác lãnh đồ ăn mà sanh lòng ưa thích (thèm)

35. Chẳng nên thiếu sự trang nghiêm trong khi ăn
36. Chẳng nên ăn lớn miếng
37. Chẳng nên hả lớn miệng, đút đồ ăn
38. Chẳng nên nói chuyện khi ngậm một miệng đồ ăn

39. Chẳng nên lấy cơm vò viên thảy vào miệng
40. Chẳng nên ăn cho trám vàm đến đỗi rớt ra
41. Chẳng nên đưa đồ ăn má bên này qua má bên kia
42. Chẳng nên nhai lớn tiếng
43. Chẳng nên nút mạnh trong khi ăn
44. Chẳng nên lấy lưỡi liếm
45. Chẳng nên quơ tay khi ăn
46. Chẳng nên lấy tay lượm cơm rớt bỏ vào miệng
47. Chẳng nên cầm tới bình uống nước khi chưa rửa tay
48. Chẳng nên tạt nước rửa bát ra sân thí chủ
49. Chẳng nên đại, tiểu, khạc nhổ, hỉ mũi trên rau cỏ (trừ khi bịnh)
50. Chẳng nên đại, tiểu, khạc nhổ, hỉ mũi trên nước sạch (trừ khi bịnh)
51. Chẳng nên đứng mà đại, tiểu (trừ khi bịnh)
52. Chẳng nên ở và ngủ trong tháp thờ Phật (trừ khi canh giữ)
GIỚI BỔN NI

53. Chẳng nên cất đồ quý tại tháp thờ Phật (trừ khi bị cướp) 54. Chẳng nên mang dép vào tháp thờ Phật 55. Chẳng nên xách dép vào tháp thờ Phật 56. Chẳng nên mang dép đi xung quanh tháp thờ Phật 57. Chẳng nên mang giày vào tháp thờ Phật 58. Chẳng nên xách giày vào tháp thờ Phật 59. Chẳng nên ngồi ăn dưới tháp thờ Phật mà bỏ đồ dơ thúi 60. Chẳng nên khiêng xác chết đi dưới tháp thờ Phật 61. Chẳng nên chôn xác chết tại tháp thờ Phật 62. Chẳng nên thiêu xác chết tại tháp thờ Phật 63. Chẳng nên thiêu xác chết ngay phía tháp thờ Phật 64. Chẳng nên thiêu xác chết chỗ nào mùi hôi thúi bay tới tháp thờ Phật 65. Chẳng nên mang đồ của người chết đi trước tháp thờ Phật 66. Chẳng nên đại, tiểu tại tháp thờ Phật 67. Chẳng nên đại, tiểu ngay phía tháp thờ Phật 68. Chẳng nên đại, tiểu chỗ nào mùi hôi thúi bay tới tháp thờ Phật 69. Chẳng nên đi nhà tiêu mang theo tượng Phật

70. Chẳng nên ở tại tháp thờ Phật mà xỉa răng, súc miệng 71. Chẳng nên đứng trước tháp thờ Phật mà xỉa răng, súc miệng 72. Chẳng nên đứng bốn phía tháp thờ Phật mà xỉa răng, súc miệng 73. Chẳng nên ở tại tháp thờ Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ 74. Chẳng nên đứng trước tháp thờ Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ 75. Chẳng nên đứng bốn phía tháp thờ Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ 76. Chẳng nên ngồi đưa chơn ngay tháp thờ Phật 77. Chẳng nên ở từng trên cao hơn chỗ thờ Phật 78. Chẳng nên nắm tay một người khác mà đi dạo 79. Chẳng nên leo cây cao khỏi đầu (trừ khi có việc) 80. Chẳng nên quảy bát nơi đầu cây gậy 81. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: lật áo 82. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: quấn áo lên cổ 83. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: che đầu 84. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: khỏa đầu 85. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: chắp tay sau lưng hoặc chống nạnh 86. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi guốc 87. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi dép

GIỚI BỔN NI

88. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cưỡi ngựa, đi kiệu 89. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: ngồi mà mình đứng 90. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: nằm mà mình ngồi 91. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: ngồi chỗ tốt mà mình ngồi chỗ xấu 92. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: ngồi cao mà mình ngồi thấp 93. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi trước mà mình đi sau 94. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đi trên mà mình đi dưới 95. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: đứng giữa mà mình đứng bên 96. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm gậy 97. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm gươm 98. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm giáo 99. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm dao 100. Chẳng nên vị tình thuyết pháp cho kẻ vô lễ: cầm dù Bạch các Sư ni, tôi vừa đọc xong 100 giới nhỏ phải học, vậy chẳng hay trong các Sư ni có ai phạm chăng? (hỏi 3 lần)

G- 7 GIỚI GIẢI HÒA

(Khi có việc xảy ra xung đột, bất bình thì nên xử cho êm đi)

1. Dùng cách tự thuận
2. Hoặc nói quyết rằng quên
3. Hoặc mình không biết, không cố ý
4. Hoặc xin lỗi thành thật mình đã lỡ phạm
5. Hoặc chuyển lên Giáo hội xem xét cho
6. Hoặc nhờ thầy quảng đại quyết định cho
7. Hoặc cùng nhau niệm Phật bỏ qua, khỏa lấp như cỏ mới mọc.

Bạch chư Sư ni! Tôi đã đọc để quý vị nghe đoạn vô đầu:

A- Tám đại giới 8 giới

B- Mười bảy giới tổn hại 17 giới

C- Ba chục giới phá sự thanh bần 30 giới

D- Một trăm bảy mươi tám giới linh tinh 178 giới

E- Tám giới đặc biệt 8 giới

F- Một trăm giới nhỏ phải học 100 giới

G- Bảy giới giải hòa 7 giới

Cộng là: Ba trăm bốn mươi tám giới 348 giới

GIỚI BỔN NI

Tất cả bao nhiêu đó, mà đức Phật Tổ dạy chúng ta, phải hội họp mỗi kỳ nửa tháng, đặng nghe đọc một lần. Vậy, cuộc hội họp này đến đây là chấm dứt. (Nhưng trước khi giải tán, tất cả Giáo hội đều đọc kệ chung với nhau, đại khái như dưới đây). 1. ĐỨC PHẬT TỲ BÀ THI CÓ DẠY RẰNG: Bền chịu với các sự nhẫn nhục, ấy là giới hạnh đầu tiên, mà chư Phật hằng khuyên ta, kẻ đã xuất gia bỏ thế, mà còn phiền giận, thật không đáng với tiếng người tu. 2. ĐỨC PHẬT THÍCH KHÍ CÓ DẠY RẰNG: Người ta có mắt lanh, bao giờ cũng vượt qua khỏi hố sâu thẳm, cũng như thế, bậc Phật Thánh thoát khỏi các nạn khổ. 3. ĐỨC PHẬT TỲ XÁ CÓ DẠY RẰNG: Tránh nói hành và tật đố, giữ giới hạnh, vừa lòng với sự đủ dùng về đồ ăn uống, bao giờ cũng thỏa thích trong tịnh thất thanh

vắng của mình, bền chí về bổn nguyện và cố tiến thủ, ấy là các lý cốt yếu mà chư Phật đã ban truyền. 4. ĐỨC PHẬT CA LA TÔN ĐẠI CÓ DẠY RẰNG: Quanh quẩn trên hoa, con ong chỉ lấy mật trong hoa mà thôi, chớ không phá màu hoa và mùi hoa; cũng như thế, các Ni cô ở chung với Giáo hội, chớ nên làm nặng lòng ai hết, chớ xem coi họ có làm, hoặc không làm, mà phải lo lấy mình, xét coi đạo hạnh của mình, có vẹn toàn hay không. 5. ĐỨC PHẬT CÂU NA HÀM MÂU NI CÓ DẠY RẰNG: Chớ để cái tâm lạc bậy, hãy siêng học các giới luật

của Phật Thánh, như vậy người ta sẽ xa lánh mọi sự buồn, và tấn tới Niết bàn. 6. ĐỨC PHẬT CA DIẾP CÓ DẠY RẰNG: Chớ làm điều gì ác, phải làm các điều lành, cái sở ý của ngươi phải cho trong sạch luôn luôn, chư Phật đều dạy như vậy. 7. ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI CÓ DẠY RẰNG: Hãy giữ lời nói của ngươi, hãy làm cho tâm ý của ngươi trở nên thanh bạch, đừng làm một việc gì sái quấy, giữ ba điều ấy là theo chánh đạo, đạo của chư Phật đó. 8. CÁC NHÀ HIỀN ĐỨC GIỮ GIỚI, có ba điều an lạc lợi ích: Một là danh tiếng thơm lành, hai là được cúng dường, ba là sanh lên cõi trên sau khi thác, nếu chưa đắc quả A-la-hán. 9. HÃY XEM QUA TRONG GIÁO HỘI, coi mấy nhà hiền đức, và thành tín, giữ giới luật thế nào? Giữ giới và sống trong sạch, là sự phát sanh trí huệ, là nền tảng của mọi việc hay khác. 10. NOI THEO LỜI DẠY CỦA CHƯ PHẬT quá khứ, hiện tại và vị lai, người ta giải thoát khỏi mọi sự buồn thảm, mà chư Phật hằng khuyên người phải trân trọng giữ giới. Bảy đức Phật trên kia đều bảo rằng: Sự giữ giới gỡ cho người ra khỏi các việc trói buộc, và đưa người lên đến nơi cùng tột là Niết bàn, bây giờ sẽ dứt hết các cuộc phiền não.

GIỚI BỔN NI

11. CHÚNG TA PHẢI NOI THEO LỜI DẠY CỦA CHƯ PHẬT, chư Tiên, lời khuyên của Thánh hiền, gương lành của mấy vị đệ tử đích đáng, để nong nả tới nơi an lạc của Niết bàn. 12. TRƯỚC KHI TỊCH KHỎI CÕI THẾ MÀ VÀO NIẾT BÀN, đức Phật Tổ có khuyến khích chư Tăng Ni mấy lời này: “Khi Ta từ giã, chư đệ tử chớ nói rằng Ta nhập Niết bàn là Ta hết bảo hộ đâu. Không, Ta để Luật lại, nó sẽ bảo hộ cho, hãy coi Ta là thầy mãi, bao giờ Luật của Ta còn trì giữ, thì đạo Phật vẫn còn tỏ rõ và thạnh hành. Nếu chư đệ tử giữ giới mà làm cho đạo sáng và thạnh, thì sẽ hưởng Niết bàn; còn để cho đạo tắt mất, thì trần thế sẽ bị chôn trở vào nơi hắc ám, cũng như lúc mặt trời lặn buổi chiều, hãy giữ giới cho kỹ, hãy hội họp lại mà đọc giới bổn, theo như ta đã dạy, ráng bảo tồn nó, vì nó giúp ích cho chúng sanh, giúp cho tiến theo nẻo Phật”. Kính lạy Ta bà thế giới THÍCH CA MÂU NI PHẬT (3 lạy) Luật Tăng đồ nhà Phật này của phái Đàm Vô Đức bộ, do Đại sư Đàm Đế dịch năm 254 sau Dương lịch. (Giới bổn này tất cả Khất sĩ đều dùng được hết)

GIỚI PHẬT TỬ

CÁC PHẬT TỬ LÓNG NGHE Xưa Phật bảo các hàng Phật tử xuất gia rằng: Có 10 giới trọng, nếu các ngươi thọ giới Phật tử, mà không tụng giới này, thời chẳng phải Phật tử, chẳng phải dòng giống Phật. Ta cũng tụng như vậy, tất cả Phật tử đã học, sẽ học, và nay học, cần phải học, kỉnh tâm vâng giữ. 1. PHẬT NÓI: Này Phật tử! Hoặc mình giết, bảo

người giết, phương tiện giết, khen ngợi giết, thấy giết vui theo, những đến chú thuật giết, nhơn giết, duyên giết, pháp giết, nghiệp giết, tất cả các loài có mạng sống, không nên cố giết. Bổn phận Phật tử phải luôn luôn khởi lòng từ bi hiếu thuận tìm phương cứu giúp tất cả chúng sanh; trái lại, lung lòng, vui ý, làm việc sát sanh, thời Phật tử ấy phạm trọng tội. 2. Này Phật tử! Mình trộm, xúi người trộm, phương tiện trộm, chú thuật trộm, nhơn trộm, duyên trộm, pháp trộm, nghiệp trộm, cho đến của quỷ thần, của có chủ, của giặc cướp, tất cả của cải, một cây kim, một sợi chỉ, không nên cố trộm; phép Phật tử phải sanh lòng hiếu thuận, Phật

tánh từ bi, thường giúp cho tất cả người được phước an vui, trái lại, trộm tài vật của người, thời Phật tử ấy phạm trọng tội. 3. Này Phật tử! Mình dâm, bảo người dâm, cho đến tất cả người nữ không đặng cố dâm, nhơn dâm, duyên dâm, pháp dâm, nghiệp dâm, hành dâm phi đạo. Nhẫn đến súc sanh cái, chư Thiên, quỷ thần gái, phép Phật tử phải sanh lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp trong sạch dạy cho người, mà trái lại khởi lòng dâm nhơ mọi người, thật không lòng từ bi, Phật tử ấy phạm trọng tội. 4. Này Phật tử! Mình nói vọng, dạy người nói vọng, phương tiện nói vọng, nhơn nói vọng, duyên nói vọng, pháp nói vọng, nghiệp nói vọng cho đến chẳng thấy nói thấy, thấy nói chẳng thấy, thân tâm nói vọng. Phép Phật tử thường sanh chánh ngữ, chánh kiến, cùng sanh chánh ngữ, chánh kiến cho tất cả chúng sanh, mà trái lại khởi ra tà kiến, tà ngữ, tà nghiệp cho tất cả chúng sanh, thời Phật tử ấy phạm trọng tội. 5. Này Phật tử! Mình bán rượu, bảo người bán rượu, nhơn bán, duyên bán, pháp bán, nghiệp bán, tất cả rượu không đặng bán, vì rượu là nhơn duyên sanh tội. Phép Phật tử phải làm cho hết thảy chúng sanh được trí huệ, sáng suốt, mà trở lại làm điên đảo cho tất cả chúng sanh, thời Phật tử ấy phạm trọng tội.

6. Này Phật tử! Miệng mình nói tội lỗi của bậc xuất gia Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, và cư sĩ tại gia, cho người khác nghe, hoặc bảo người nói, nhơn nói, duyên nói, pháp nói, nghiệp nói. Phép Phật tử nghe ngoại đạo, người ác chê đạo Phật là phi pháp, phi luật, thường sanh tâm chẳng lành dạy bọn dữ ấy, tin rõ lý đạo mới phải, mà trở lại nói tội lỗi trong Phật pháp, thời Phật tử ấy phạm trọng tội. 7. Này Phật tử! Khen mình chê người, bảo kẻ khác khen mình chê người, nhơn chê, duyên chê, pháp chê, nghiệp chê. Phép Phật tử phải thế cho hết thảy chúng sanh chịu những điều hủy nhục, việc xấu đem về mình, việc tốt nhường cho người, nếu khoe đức mình, giấu việc tốt người, làm cho người chịu điều hủy nhục, thời Phật tử ấy phạm trọng tội. 8. Này Phật tử! Mình bỏn xẻn, bảo người bỏn xẻn, nhơn xẻn, duyên xẻn, pháp xẻn, nghiệp xẻn. Phép Phật tử thấy tất cả người nghèo đến xin, tùy người ấy dùng món chi, đều giúp cho cả, thế mà Phật tử trở lại đem lòng sân ác, nhẫn đến không cho một món, mũi kim, sợi chỉ, có người cầu pháp không nói cho một câu, một bài kệ, chút pháp như vi trần, mà trở lại mắng nhiếc, thời Phật tử ấy phạm trọng tội. 9. Này Phật tử! Mình sân, bảo người sân, nhơn sân, duyên sân, pháp sân, nghiệp sân. Phép Phật tử phải thường sanh lòng từ bi hiếu thuận, đem căn lành, không xích mích cho tất cả chúng sanh, mà trở lại mắng nhiếc,

tay đánh cây đập, cho đến loài phi chúng sanh, ý còn chưa nguôi, người xin thú tội, nhỏ nhẹ cầu tha, vẫn còn giận hoài không hết thời Phật tử ấy phạm trọng tội. 10. Này Phật tử! Mình chê ngôi Tam bảo, xúi người chê ngôi Tam bảo, nhơn chê, duyên chê, pháp chê, nghiệp chê. Phép Phật tử thấy ngoại đạo và người ác chê Phật một tiếng như 300 mũi giáo đâm vào tim, huống chi tự mình chê chẳng sanh lòng tín, lòng hiếu thuận, mà trở lại giúp cho kẻ tà kiến và người dữ chê bai thời Phật tử ấy phạm trọng tội. Các nhơn giả khéo học giữ như 10 giới trọng của Phật tử đây, cần phải học không phạm một giới nào chừng bằng mảy bụi, huống chi phạm đủ trong 10 giới; nếu phạm giới này, đương đời không đặng phát tâm Bồ đề, cũng mất ngôi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, mười phát thú, mười trưởng dưỡng, mười kim cang, mười địa, tánh Phật quả nhiệm mầu, thường trụ, tất cả đều mất, đọa trong 3 đường dữ, hai kiếp, ba kiếp, chẳng nghe được danh hiệu của ngôi Tam bảo, vì thế nên chẳng dám phạm một giới nào cả, các người hết thảy Phật tử, nay học, sẽ học và đã học, mười giới này cần phải học hành, kỉnh lòng vâng giữ. Phật bảo các Phật tử rằng: Đã nói giới trọng rồi, còn 48 giới khinh nay nói! 1. Này Phật tử! Khi thọ giới xuất gia, Phật tử đặng giới này rồi, phải sanh lòng hiếu thuận, lòng cung kỉnh, thấy

vị Thượng tọa, Trưởng lão, Đại đức, đồng học, đồng hiểu, đồng tu, phải đứng dậy tiếp rước lễ bái, chào thưa, mà trái lại, Phật tử trở sanh kiêu ỷ, khinh dể và sân si, không đứng dậy, tiếp rước, lễ bái, không mỗi mỗi y phép cúng dường, nếu không thế, thời phạm khinh cấu tội. 2. Này Phật tử! Cố tâm uống rượu, vì rượu là thứ hay sanh vô lượng tội lỗi, nếu tự tay mình đưa chén rượu cho người uống, thời mắc quả báo năm trăm đời không tay, huống chi là tự mình uống, cũng chẳng đặng dạy tất cả người uống, và tất cả chúng sanh uống, huống mình uống rượu, tất cả các thứ rượu không đặng uống, nếu mình cố tâm uống, hoặc bảo người uống, thời phạm khinh cấu tội. 3. Này Phật tử! Cố ăn thịt, tất cả thịt chúng sanh không nên ăn, người ăn thịt đoạn mất hột giống đại từ bi của Phật tánh, tất cả chúng sanh thảy đều bỏ chạy. Thế nên quý vị Phật tử không đặng ăn thịt các loài chúng sanh, ăn thịt mắc vô lượng tội, nếu cố tâm ăn thịt, phạm khinh cấu tội. 4. Này Phật tử! Không đặng ăn ngũ vị tân: hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu, năm món hôi nồng này, để trong các thứ đồ ăn, cũng không nên ăn, nếu cố tâm ăn, phạm khinh cấu tội. 5. Này Phật tử! Thấy chúng Tăng phạm phá giới cấm mắc THẤT NGHỊCH, BÁT NẠN, hết thảy các tội phạm giới, đều phải dạy họ sám hối, mà Phật tử đã không dạy sám hối, lại còn để chung ở, chung hưởng của chúng Tăng và chung cùng Bố tát, đồng chúng tụng giới, mà không

cử tội người đó, cũng không dạy người đó sám hối, thời phạm khinh cấu tội. 6. Này Phật tử! Thấy Pháp sư, người đồng học, đồng hiểu, đồng hạnh, vào chùa, nhà, thành ấp hoặc trăm ngàn dặm đi đến, phải tiếp rước đưa đón, lễ bái, cúng dường hàng ngày món ẩm thực, giường ghế, thuốc thang, cúng dâng Pháp sư tất cả vật dụng đều cấp cho, thường thỉnh Pháp sư thuyết pháp, mỗi ngày lễ bái, chẳng sanh lòng giận rầu chán nản, vì pháp quên mình, thính pháp không mỏi, nếu chẳng vậy, thời phạm khinh cấu tội. 7. Này Phật tử! Tất cả chỗ có giảng kinh luật xuất gia thời Phật tử tân học, phải ôm

kinh luật đến chỗ Pháp sư giảng, mà nghe, học, thưa, hỏi, hoặc trong núi rừng, chùa am, hoặc dưới cội cây chẳng hạn, bao nhiêu chỗ nói pháp, đều đến nghe thọ, nếu không đến đó nghe, thọ, thưa, hỏi, thời phạm khinh cấu tội. 8. Này Phật tử! Đem lòng bỏ kinh luật thường trụ, cho là không phải Phật nói, mà vâng giữ theo những giới cấm kinh luật của tà kiến, của ngoại đạo, thời phạm khinh cấu tội. 9. Này Phật tử! Thấy tất cả người xuất gia tật bịnh thời thường phải cúng dường như cúng dường Phật không khác. Trong các món ruộng phước, về phước nuôi bịnh là thứ nhứt, hoặc Tăng sư đệ tử có bịnh, trăm chứng khổ não, đều phải cấp nuôi cho lành mạnh, thế mà Phật tử

lại dùng lòng hờn giận, không nuôi, cho đến chùa chiền, ngoài thành ấp, đồng nội, rừng núi, đường sá, thấy người xuất gia bịnh, không cứu giúp, thời phạm khinh cấu tội. 10. Này Phật tử! Chẳng đặng sắm tất cả thứ dao, gậy, cung, tên, búa, mác, những đồ đấu chiến, cùng bẫy dò lưới rập, thứ hại chúng sanh, tất cả chẳng đặng sắm. Phật tử, người ta giết thầy mình còn không trả thù, huống chi mình giết tất cả chúng sanh, chẳng đặng sắm đồ giết chúng sanh, nếu cố sắm đó, thời phạm khinh cấu tội. (Như vậy mười giới, cần phải học, kỉnh lòng vâng giữ) 11. Này Phật tử! Không đặng vì lợi dưỡng mà ác tâm làm sứ mạng cho nước khác, hội hiệp quân trận, khởi binh đánh nhau, giết vô số chúng sanh. Phật tử còn không đặng tới lui trong quân trận, huống là cố làm giặc trong nước, nếu cố làm đó, thời phạm khinh cấu tội. 12. Này Phật tử! Cố tâm mua bán, người lành tôi tớ cùng loài súc vật, bán chác quan tài, cây ván đồ đựng thây chết, mình còn không được làm, huống chi bảo người, nếu mình cố làm, hoặc bảo người khác làm, thời phạm khinh cấu tội. 13. Này Phật tử! Cố đem lòng ác, vô cớ mà vu báng người hiền lương, Pháp sư, Tăng sư, cư sĩ, nói phạm tội BẢY NGHỊCH, mười trọng, phải sanh lòng hiếu thuận, lòng từ bi, mà trở lại làm nghịch hại, khiến kia chẳng vui lòng, thời phạm khinh cấu tội.

GIỚI PHẬT TỬ

14. Này Phật tử! Đem lòng ác phóng lửa đốt núi rừng đồng nội, phóng lửa đốt thành, trại, lều, ấp, chùa am, đồng ruộng, cây cối, người ta, chỗ ở của quỷ thần cùng tất cả chỗ nào có sanh mạng, không đặng cố đốt, nếu cố tâm đốt, thời phạm khinh cấu tội. 15. Này Phật tử! Từ đệ tử Phật cho đến ngoại đạo, người ác, tất cả người quen biết, phải mỗi mỗi dạy họ vâng giữ kinh luật, dạy hiểu nghĩa lý đặng phát tâm Bồ đề, nhận rõ mười tâm PHÁT THÚ, mười tâm TRƯỞNG DƯỠNG và mười tâm KIM CANG, trong 30 tâm thứ lớp dạy rõ cách tu, trái lại Phật tử đem tâm giận dữ, tâm xấu xa, dạy càn kinh luật tà kiến, ngoại đạo v.v... phạm khinh cấu tội. 16. Này Phật tử! Hảo tâm trước học kinh luật, oai nghi, rộng hiểu nghĩa lý, thấy Phật tử mới học sau, từ trăm dặm ngàn dặm đến cầu hỏi kinh luật, phải y pháp dạy cho người biết, những khổ hạnh của Phật tử, nào cúng dường chư Phật, nếu không cúng dường chẳng phải Phật tử xuất gia, mỗi mỗi theo thứ lớp, nói Chánh pháp cho họ nghe, khiến lòng dạ họ mở tỏ, mà Phật tử cố vì lợi dưỡng, lời đáng dạy không dạy, nói ngược chữ nghĩa kinh luật, không sau không trước, chê bai ngôi Tam bảo, thời Phật tử ấy phạm khinh cấu tội. 17. Này Phật tử! Mình vì sự ăn uống, của cải, danh lợi và tiếng khen, thân cận nhà vua, vương tử, đại thần, bá quan, cậy mượn oai thế, đánh đập, lôi kéo, lấy ngang của cải, đủ cách cầu lợi phi lý, gọi là ác tâm,

đa cầu, hoặc

xúi người khác cầu, như vậy không lòng từ mẫn và hiếu thuận, thời phạm khinh cấu tội. 18. Này Phật tử! Phải học 12 bộ kinh, tụng giới mỗi ngày, giữ giới Phật tử, phải hiểu rõ nghĩa lý, khế hiệp với tánh Phật, mà Phật tử không biết một câu, một bài kệ, và nhơn duyên giới luật, láo rằng hiểu biết đó, tức là dối gạt mình, cũng dối gạt người khác nữa. Tất cả kinh pháp không biết, mà làm thầy truyền giới cho người, thời phạm khinh cấu tội. 19. Này Phật tử! Đem lòng ác, thấy Tỳ kheo giữ giới, tay bưng bát cơm, tu hạnh Phật tử, lại đâm thọc hai đầu vu hiếp người hiền, không việc ác nào mà chẳng làm, thời phạm khinh cấu tội. 20. Này Phật tử! Đem lòng lành làm việc phóng sanh, vì tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, mỗi đời ta từ đó mà sanh ra, nên chúng sanh trong sáu đường, đều là cha mẹ của ta cả, lại giết mà ăn, tức là giết cha mẹ của ta, tức là giết thân cũ của ta, tất cả nước, đất, lửa, gió, là thân trước của ta, nên thường làm việc phóng sanh, đời đời thọ sanh, là các việc còn hoài. Nên dạy người phóng sanh, nếu thấy người đời khi giết loài súc sanh, phải tìm phương giải cứu cho nó khỏi khổ, thường giảng nói giới Phật tử cứu độ chúng sanh, nếu chẳng thế đó, thời phạm khinh cấu tội. (Như trên 10 giới, cần phải học, kỉnh lòng vâng giữ). 21. Này Phật tử! Chẳng nên đem giận trả giận, đem thù trả thù, dầu người có giết thầy mình, Tăng chúng cũng

không nên giết lại, Phật mình bị giết cũng không nên trả thù, giết mạng trả mạng, không thuận hiếu đạo, cũng không nuôi tôi tớ, mỗi ngày đánh mắng khởi ba nghiệp tội miệng vô số huống cố phạm bảy tội nghiệp Phật tử xuất gia lại cố trả thù không lòng lành, đến nỗi trả thù, thời phạm khinh cấu tội. 22. Này Phật tử! Mới xuất gia chưa hiểu chi cả, mà ỷ mình thông minh có trí, hoặc ỷ cao sang tuổi lớn, họ hàng rân rát, hiểu rộng biết nhiều, phước to giàu đủ, dư của bảy báu, cậy đó mà ỷ thế khoe tài, sanh lòng kiêu mạng, không chịu hỏi học kinh luật với các vị Pháp sư học trước, còn Pháp sư kia, hoặc là cánh họ thấp, tuổi nhỏ, nhà hẹp, nghèo nàn, hèn hạ, mà thiệt có đức, bao nhiêu kinh luật đều thông, Phật tử tân học không đặng xem dòng họ của Pháp sư, mà không đến học hỏi nghĩa chơn đế thứ nhứt của Pháp sư, thời phạm khinh cấu tội. 23. Này Phật tử! Sau khi Phật diệt độ rồi, hảo tâm muốn thọ giới Phật tử, thời phải tới trước hình tượng Phật tự thệ nguyện mà thọ, cần phải sám hối trước tượng Phật, trong bảy ngày, đặng thấy tướng tốt thời đắc giới, nếu chưa thấy tướng tốt phải sám hối hai tuần, ba tuần cho đến một năm, cầu đặng tướng tốt, chừng nào tướng tốt đặng thấy rồi, thời đặng ở trước hình tượng Phật mà thọ giới, nếu không thấy tướng tốt của Phật, dầu ở trước tượng Phật mà thọ giới, cũng không gọi là đắc giới. Bằng như thọ giới nơi Pháp sư, trước có thọ Phật tử giới thì

không buộc phải thấy tướng tốt. Vì sao? Vì Pháp sư ấy có thầy nối truyền, nên không buộc thấy tướng tốt, bởi vậy khi thọ giới đối trước Pháp sư, sanh lòng chí trọng mà thọ, thời đắc giới. Hoặc trong ngàn dặm, không có thầy truyền giới, thì được ở trước tượng Phật, tự phát thệ thọ giới, song cần phải thấy tướng tốt. Nếu Pháp sư ỷ mình biết kinh luật, học giới, có Phật tử tân học đến hỏi nghĩa kinh luật, lại đem lòng khinh khi ghét bỏ, kiêu căng, không đáp tử tế mỗi lời nói, thời phạm khinh cấu tội. 24. Này Phật tử! Có

kinh luật của Phật, chánh kiến, chánh tánh, chánh Pháp thân, mà không chịu cầu học tu tập, khác nào bỏ của thất bảo, trở lại học theo sách vở của thế tục, lý luận của đời, các luận của ngoại đạo, tất cả thuyết của tà kiến, đó là nhơn duyên ngăn đạo, dứt mất Phật tánh chẳng phải tu hạnh Phật tử, nếu cố làm như thế, thời phạm khinh cấu tội. 25. Này Phật tử! Khi Phật diệt độ rồi, làm ông chủ thuyết pháp, chủ tu hành, chủ giáo hóa, chủ tọa thiền, phải sanh lòng từ, khéo sắp đặt hòa giải trong chúng và khéo giữ gìn của Tam bảo, đừng xài vô độ như của mình, nếu khuấy chúng gây tranh, rầy rà, còn mình lung lòng, xài của Tam bảo, phạm khinh cấu tội. 26. Này Phật tử! Ở trước trong chùa, thấy ông khách Tỳ kheo sau đến vào chùa, nhà, thành, ấp, hoặc đền vua, nhẫn đến chỗ kiết hạ an cư và trong đại hội, thời ông thầy ở trước đó, phải rước vào, đưa đi cúng các đồ ăn

uống, phòng, nhà, chiếu gối, giường chõng, mỗi việc phải cấp cho như không của, cúng dường tất cả vật dụng cho khách Tăng dùng, nếu có người đàn việt đến thỉnh chúng Tăng, thời khách Tăng cũng có dự phần thỉnh, chủ Giáo hội phải sắp thứ lớp cho khách Tăng thọ thỉnh, nếu ỷ ở trước trong chùa, lại thọ thỉnh riêng, mà không cho khách Tăng dự, mắc tội vô lượng, không khác súc sanh, không phải Sa môn, không phải con nhà Phật, phạm khinh cấu tội. 27. Này Phật tử! Không đặng thọ thỉnh riêng, thu lãnh của cúng về mình, của cúng ấy chung mười phương Tăng, thọ thỉnh riêng tức là lấy của Tăng mười phương và trong các ruộng phước là: chư Phật, thánh nhơn, thầy, chúng Tăng về mình dùng, phạm khinh cấu tội. 28. Này Phật tử! Khi có những người đàn việt nào muốn thỉnh chúng Tăng cần ruộng phước, thì phải vào trong chùa thưa với sư tri sự rằng: Tôi nay muốn xin thỉnh chúng Tăng cầu phước. Sư tri sự phải dạy lại rằng: Cứ theo thứ lớp mà thỉnh, thì đặng mười phương Hiền Thánh Tăng (người đời riêng thỉnh 500 vị La hán Phật tử Tăng, chẳng bằng theo thứ lớp mà thỉnh một vị phàm Tăng!). Nếu lựa mà thỉnh riêng là cách của ngoại đạo, xưa bảy lớp Phật, không có cách thỉnh riêng, nếu Phật tử làm vị sư tri sự không dạy, thời phạm khinh cấu tội. 29. Này Phật tử! Cố đem lòng ác, vì cố lợi dưỡng, buôn bán, sắc đẹp nam nữ, tay mình làm đồ ăn hoặc xay giã,

xem tướng đàn ông đàn bà, bàn mộng kiết hung, sanh nam hay nữ, chú thuật nghề khéo, tập luyện chim ưng, bào chế trăm ngàn thuốc độc, độc rắn, độc sâu, độc vàng bạc, đều không lòng từ mẫn, lòng hiếu thuận, nếu cố làm, thời phạm khinh cấu tội. 30. Này Phật tử! Cố đem lòng ác, mình chê Tam bảo, giả bộ nương gần, miệng cứ nói không, làm trong chỗ có, xu phụ về mặt của thế gian, mai mốt cho nam nữ tư thông, giao hội sắc dâm, gây các việc buộc ràng dính mắc, ăn chay lại sát sanh trộm cắp, hủy giới phá trai, phạm khinh cấu tội. (Mười giới này, cần phải học, kỉnh lòng vâng giữ) 31. Này Phật tử! Khi Phật tịch rồi, trong đời dữ, thấy kẻ ngoại đạo, tất cả người ác cướp tặc, bán hình tượng Phật, Phật tử, và bán kinh luật, hoặc bán Tăng sư, Ni cô, người tu Phật tử, kẻ phát tâm Bồ đề, bán làm tay sai cho quan, làm tôi mọi cho người, Phật tử thấy thế, phải sanh lòng từ bi, tìm phương cứu chữa đi các nơi giáo hóa tìm cách chuộc tượng Phật, Phật tử và Tăng sư, Ni cô cùng những người phát tâm Bồ đề, và tất cả kinh

luật, nếu không mua chuộc, thời phạm khinh cấu tội. 32. Này Phật tử! Không đặng buôn bán dao, gậy, cung, tên, cân non, giạ thiếu, cậy thế lực quan trên, lấy ngang của chúng, lòng ác trói buộc, phá hư việc thành công của người, và nuôi mèo, chồn, heo, chó v.v... nếu cố nuôi, thời phạm khinh cấu tội.

GIỚI PHẬT TỬ

33. Này Phật tử! Cố đem lòng ác, xem coi các kẻ nam nữ đánh lộn, cùng binh tướng đánh giặc nơi quân trận, cũng chẳng đặng nghe thổi ốc, trống, còi, đờn cầm, đờn sắt, đờn tranh, ống tiêu, ống sáo, đờn không hầu, các tiếng ca ngâm kỹ nhạc, chẳng đặng đánh bài bạc, cờ vây, cờ tướng, cờ đàn, cờ lục bát, đánh banh, quăng đá, gieo hồ, và phép coi bói, cỏ thi nhành dương, bát nước, sọ khô, làm việc bói xủ, và không đặng làm sứ cho cướp trộm, mỗi mỗi không nên làm, nếu cố tâm làm đó, phạm khinh cấu tội. 34. Này Phật tử! Khi đi đứng nằm ngồi, giữ gìn giới cấm, ngày đêm trì tụng giới này, trọng như ngọc kim cang, như đeo phao nổi qua khỏi biển lớn, như Tỳ kheo buộc cỏ, thường sanh lòng từ thiện chánh tín, tự biết mình là Phật chưa thành, chư Phật là Phật đã thành, phát tâm Bồ đề, mỗi niệm không lui sụt, nếu khởi một niệm ngoại đạo, phạm khinh cấu tội. 35. Này Phật tử! Thường phải phát tất cả lời nguyện: Hiếu thuận Tăng sư, nguyện gặp thầy hay, bạn lành đồng học, thường dạy cho ta kinh luật: MƯỜI PHÁT THÚ, MƯỜI TRƯỞNG DƯỠNG, MƯỜI KIM CANG và MƯỜI ĐỊA, đặng ta hiểu rõ, thà bỏ thân mạng, mỗi niệm không quên, tất cả Phật tử không phát nguyện này, phạm khinh cấu tội. 36. Này Phật tử! Phát đại nguyện ấy rồi, giữ giới cấm của Phật phải phát thệ rằng: Thà đem thân này nhảy vào đống lửa dữ, hầm lớn, núi đao, quyết không phạm kinh

luật của Phật ba đời: làm hạnh bất tịnh với tất cả người nữ, Lại nguyện rằng: Thà lấy ngàn lớp sắt nóng vấn giáp thân mình, quyết không dùng thân phá giới này: mặc những y phục của người đàn việt tín tâm. Lại nguyện rằng: Thà lấy miệng này nuốt hoàn sắt nóng và cục lửa to, trải trăm ngàn kiếp, quyết không đem miệng phá giới này: ăn uống trăm món của người đàn việt tín tâm. Lại nguyện rằng: Thà đem thân này nằm trên lưới sắt cháy đỏ, quyết không dùng thân phá giới này: ngồi nằm trăm thứ giường ghế của người đàn việt tín tâm. Lại nguyện rằng: Thà lấy thân này chịu 300 mũi giáo chĩa đâm vào mình, một kiếp, hai kiếp, quyết không đem thân phá giới này: dùng trăm thứ thuốc thang của người đàn việt tín tâm. Lại nguyện rằng: Thà đem thân này háp vào tấm sắt nóng, trải trăm ngàn kiếp, quyết không dùng thân phá giới này: ở trong ngàn lớp phòng nhà, vườn đất của người đàn việt tín tâm. Lại nguyện rằng: Thà lấy chùy sắt đập nát thân này, từ đầu đến chơn, nát ra như bụi, quyết không dùng thân phá giới này: chịu người đàn việt tín tâm cung kỉnh lễ bái. Lại nguyện rằng: Thà chịu lấy trăm ngàn dao mác đỏ nóng, khoét cặp mắt, quyết không dùng thân phá giới này: xem coi sắc đẹp. Lại nguyện rằng: Thà lấy trăm ngàn dùi sắt, xoi lụi lỗ tai, một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới này: nghe giọng hay, tiếng tốt. Lại nguyện rằng: Thà lấy trăm ngàn kéo bén, hớt bỏ cái mũi, quyết không dùng tâm phá giới này: tham ngửi mùi thơm. Lại nguyện rằng: Thà lấy trăm ngàn dao bén cắt cuống lưỡi, quyết không

GIỚI PHẬT TỬ

dùng tâm phá giới này: ăn trăm món quý của người đàn việt tín tâm. Lại nguyện rằng: Thà đem búa bén bằm chặt thân thể, quyết không dùng tâm phá giới này: ham cạ vật êm. Lại nguyện rằng: Tất cả chúng sanh đều đặng thành Phật. Phật tử nếu không phát nguyện như vậy, thời phạm khinh cấu tội. 37. Này Phật tử! Thường phải tu hạnh Đầu đà và mùa Hạ ngồi thiền, kiết hạ an cư, thường dùng ba y bình bát, tọa cụ, bàn lược, khăn tay, dao cạo với kinh luật. Phật tử khi tu Đầu đà, và khi du phương, đi đến trăm ngàn dặm, thì các món này thường đem theo mình, như chim có hai cánh. Đến ngày bố tát, Phật tử phải học, cứ mỗi nửa tháng một kỳ, thường bố tát tụng 10 giới trọng, 48 giới khinh. Khi tụng giới, phải tụng trước tượng Phật; một người Phật tử thời một người tụng, hoặc hai người, ba người, nhẫn đến trăm ngàn người, cùng một người tụng, người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp, hoặc khi đi hạnh Đầu đà, đừng vào chỗ nạn như cõi nước dữ, hoặc vua hung, đất cát gò, hố, cỏ cây rậm rạp, sư tử, hổ lang, nạn nước, lửa, gió cùng là cướp tặc, đường sá rắn độc, bao nhiêu chỗ nạn đều không đặng vào, chẳng những Đầu đà, dầu kiết hạ an cư, mãi những chỗ nạn như vậy, cũng chớ nên kiết, nếu cố kiết thời phạm khinh cấu tội. 38. Này Phật tử! Phải y theo thứ lớp mà ngồi, thọ giới trước ngồi trước, thọ giới sau ngồi sau, chẳng luận già trẻ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, quý nhơn, quốc vương, thái

tử, cho đến huỳnh môn tôi tớ, đều phải theo thứ lớp, thọ giới trước sau mà ngồi, đừng như ngoại đạo, người già trẻ trước sau lộn xộn, ngồi không có thứ lớp, khác nào kẻ binh nô (mọi rợ): trong đạo Phật ta, kẻ thọ giới trước ngồi trước, kẻ thọ giới sau ngồi sau, tại gia ngồi theo tại gia, xuất gia ngồi theo xuất gia, cho đến nam nữ cũng phải phân biệt, nếu Phật tử không mỗi mỗi y theo thứ lớp mà ngồi, thời phạm khinh cấu tội. 39. Này Phật tử! Thường phải dạy bảo cho tất cả chúng sanh, dựng lập chùa, tòng lâm, ruộng vườn và tháp Phật, cùng chỗ để mùa hạ ẩn cư ngồi thiền, bao nhiêu chỗ đạo tràng tu niệm đều phải tạo lập cả, Phật tử phải giảng kinh luật cho tất cả chúng sanh nghe, khi tật bịnh, nạn nước lửa, giặc cùng Tăng chúng mất, cũng phải giảng nói kinh luật; tất cả trai hội cầu nguyện, hoặc đi đường rủi bị nạn lửa thiêu, nước trôi, gió dữ, thổi chìm ghe tàu, nơi sông hồ, biển lớn, gặp nạn La sát, cũng đọc tụng giảng nói kinh luật này, nhẫn đến tất cả tội báo trong ba đường, tám nạn, bảy nghịch, gông cùm, xiềng xích trói buộc thân thể, hoặc lòng thường móng dâm, giận, ngu si, nhiều tật bịnh, cũng đều giảng nói kinh luật này. Phật tử mới học, nếu không như thế, phạm khinh cấu tội. (Chín giới này, cần phải học, kỉnh lòng vâng giữ) 40. Này Phật tử! Khi truyền giới cho Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, phải dạy họ mặc y phục nhuộm màu cho hiệp với đạo; chẳng những y phục, cho đến ngọa cụ đều phải

nhuộm, như người trong nước, nhơn dân mặc đồ thế nào, Tỳ kheo phải mặc cho khác với người thế tục. Khi muốn thọ giới xuất gia, thầy phải hỏi, người đương đời có phạm tội thất nghịch không? Pháp sư không nên cho người đương đời phạm tội thất nghịch thọ giới xuất gia. TỘI THẤT NGHỊCH là: làm cho mình Phật ra máu; giết cha mẹ, hòa thượng, giáo thọ, thánh nhơn, phá Tăng dạy lễ chuyển pháp luân, nếu phạm đủ bảy nghịch tội, thì đời này không được thọ giới, còn ngoài ra tất cả đều đặng thọ giới. Phép

xuất gia không đặng lạy vua chúa, cha mẹ, sáu thân chẳng mến, quỷ thần chẳng lạy, có người hiểu đặng lời Pháp sư, từ trăm ngàn dặm, đến cầu pháp mà Pháp sư đem lòng ác, lòng sân, chẳng chịu truyền giới cho đó, phạm khinh cấu tội. 41. Này Phật tử! Khi giáo hóa người khởi lòng tin thấy muốn thọ giới, mình làm Pháp sư, dạy bảo phải thỉnh hai thầy: Hòa thượng, Giáo thọ, hai thầy phải hỏi người có phạm bảy tội ngăn chăng? Nếu đương đời có phạm bảy tội ngăn, thời Pháp sư không nên cho người đó thọ giới xuất gia, nếu không có bảy tội ngăn đó, thời được thọ. Bằng có phạm 10 giới trọng, phải dạy sám hối nơi trước tượng Phật, ngày đêm tụng 10 giới trọng, 48 giới khinh, tha thiết ân cần, lạy ba đời ngàn Phật, cầu đặng thấy tướng tốt, hoặc một tuần, hai, ba tuần cho đến một năm, cầu thấy tướng tốt, tướng tốt đó là Phật đến rờ đầu, thấy hào quang, thấy hoa nở, các điều tướng lạ, liền đặng dứt tội.

Như không thấy tướng tốt, tuy sám hối cũng vô ích, song người ấy đương đời vẫn không đắc giới, nhưng được thêm căn lành thọ giới đời sau. Nếu phạm 48 giới khinh, phải làm phép đối thú, sám hối, tội liền tiêu hết, không như bảy tội ngăn nói trên. Song ông thầy dạy bảo phải hiểu rõ tất cả trong giới pháp, nếu không hiểu kinh luật, các tướng tội hoặc khinh, hoặc trọng, phải quấy cũng không hiểu, Đế Thứ Nhứt, Tánh Giống Quen, Tánh Nuôi Lớn, Tánh Giống Tánh, Tánh Hư Không, Tánh Giống Đạo, Tánh Chánh Pháp, trong đó có bao nhiêu QUÁN HẠNH cao thấp MƯỜI THIỀN CHI, tất cả phép tu mỗi mỗi không hiểu ý nghĩa ấy là gì, mà Phật tử vì danh lợi, vì tiếng khen, tưởng bậy, tham nhiều, ham cầu đệ tử, dối nói hiểu thông tất cả kinh luật, cho người cúng dường, đó là gạt mình, cũng gạt người nữa; hành vi như thế mà cố truyền giới cho người, thời phạm khinh cấu tội. 42. Này Phật tử! Không nên vì lợi dưỡng, đọc giới của ngàn Phật, chung với người chưa thọ giới Phật tử, ngoại đạo, cùng người dữ nghe, trước kẻ tà kiến cũng không nên đọc, những người ác đời đời sanh chỗ nào, không gặp được ngôi Tam bảo, vô tâm như cây, như đá nên gọi là ngoại đạo, bọn người tà kiến thế, không khác khúc cây. Phật tử đối trước người ác như vậy, lại đọc giới của bảy lớp Phật, thời phạm khinh cấu tội. 43. Này Phật tử! Tâm tín xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại quyết đem lòng hủy phạm chánh giới, thời không

GIỚI PHẬT TỬ

nên hưởng tất cả của người đàn việt cúng dường, cũng chẳng đặng đi trên đất và uống nước của vua, năm ngàn quỷ lớn, thường ngăn trước mặt, quỷ mắng là "đại tặc", vào nhà cửa, thành ấp, tất cả người đời mắng rằng: "Tặc trong Phật pháp", tất cả chúng sanh mắt không muốn ngó, những kẻ phạm giới không khác súc sanh, in như khúc gỗ, nếu cố hủy phá chánh giới, phạm khinh cấu tội. 44. Này Phật tử! Thường phải một lòng vâng giữ, đọc tụng kinh luật, biên chép giới Phật, dùng những vỏ cây, giấy tốt, lá tre, biên chép giữ gìn, thường dùng bảy báu hoa hương vô giá, tất cả vật quý, làm rương tráp đựng quyển kinh luật, nếu không như pháp cúng dường, thời phạm khinh cấu tội. 45. Này Phật tử! Thường đem lòng đại bi vào các chỗ thành ấp, cửa nhà, thấy bao nhiêu chúng sanh, thời phải bảo rằng: Chúng sanh các ngươi, đều phải thọ Tam quy, trì Ngũ giới, hoặc thấy heo, ngựa, trâu, dê, cả thảy mọi loài, phải lòng tưởng, miệng nói rằng: Súc sanh các ngươi phải phát tâm Bồ đề. Phật tử vào tất cả chỗ núi, rừng, sông, ruộng

đều phải khiến cho tất cả chúng sanh phát tâm Bồ đề. Phật tử ấy nếu không lòng giáo hóa chúng sanh như vậy, phạm khinh cấu tội. 46. Này Phật tử! Thường phải giáo hóa khởi lòng đại bi, hoặc khi vào nhà người đàn việt, quý nhơn, trong tất cả người, chẳng đặng đứng nói pháp cho người thế nghe, phải ngồi trên tòa cao nơi phía trước người thế mà nói.

Pháp sư Tỳ kheo không đặng đứng dưới đất thấp, vì tứ chúng mà nói pháp. Nếu khi thuyết pháp, vị Pháp sư ngồi tòa cao, hương hoa cúng dường, tứ chúng nghe, thời ngồi dưới thấp, như hiếu thuận cha mẹ, kỉnh vâng lời thầy dạy. Như Bà La Môn thờ lửa, nếu Pháp sư thuyết pháp không như vậy, phạm khinh cấu tội. 47. Này Phật tử! Đã đem lòng chánh tín thọ giới xuất gia của Phật, hoặc vua, thái tử, bá quan, bốn bộ đệ tử, còn ỷ mình cao sang phá diệt giới luật Phật, bày đặt quan chức ngăn cấm bốn bộ đệ tử ta, không cho xuất gia tu hành, cũng không cho dựng lập hình tượng, tháp Phật, và kinh luật, hoặc chức thống quan cai quản Tăng chúng và bộ sổ ghi tên Tăng chúng. Phật tử Tỳ kheo đứng dưới đất, còn người thế ngồi tòa cao, làm nhiều việc phi pháp, chẳng khác nào như quân lính hầu vua (đầy tớ hầu chủ nhà). Phật tử chính phải thọ tất cả người cúng dường, mà trái lại làm kẻ sứ cho quan, sái phép sái luật (nếu vị quốc vương, bá quan hảo tâm thọ giới xuất gia của Phật rồi thời đừng tạo tội, phá Tam bảo). Nếu cố tâm làm việc phá pháp ấy phạm khinh cấu tội. 48. Này Phật tử! Hảo tâm xuất gia, mà vì tiếng khen lợi dưỡng hiếp đáp trói buộc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, đệ tử thọ Phật tử giới, như cách ngục tù, như binh nô, khác nào dòi trong mình sư tử ăn thịt sư tử, không phải dòi ở ngoài mà ăn đặng, như vậy Phật tử tự phá Phật pháp, chẳng phải ngoại đạo thiên ma nào phá nổi, nếu thọ giới của

GIỚI PHẬT TỬ

Phật rồi, thì phải giữ gìn như thương con đỏ, như thờ cha mẹ, chớ nên phá hủy. Phật tử nghe kẻ ngoại đạo, người ác dùng lời chê hủy giới của Phật, khác nào như 300 mũi giáo đâm chĩa vào tim, ngàn đao muôn gậy đánh đập vào thân mình, thà chịu vào địa ngục thọ khổ trăm kiếp, chớ không chịu nghe người dữ, dùng lời ác chê phá giới cấm của Phật, huống chi mình phá, và làm gương bảo người phá. Lòng không hiếu thuận, nếu cố phá đó, phạm khinh cấu tội. (Chín giới này, cần phải học, kỉnh lòng vâng giữ). Này Phật tử! 48 giới khinh này, các ông phải thọ trì. Các vị Phật tử quá khứ đã tụng, Phật tử vị lai sẽ tụng và Phật tử hiện tại nay tụng.

BA TỤ GIỚI

1. Nhiếp luật nghi giới, nguyện đoạn tất cả ác.
2. Nhiếp thiện pháp giới, nguyện làm tất cả việc lành.
3. Nhiêu ích hữu tình giới, nguyện độ tất cả chúng sanh.

MƯỜI PHÁP THẾ GIỚI HẢI

1. Thế giới hải 4. Phật hải
2. Chúng sanh hải 5. Phật ba la mật hải
3. Pháp giới an lạc hải 6. Phật giải thoát hải

7. Phật biến hóa hải 9. Phật danh hiệu hải 8. Phật diễn thuyết hải 10. Phật thọ lượng hải. Chữ "hải" nghĩa là: rộng lớn, như nói "thế giới rộng lớn, chúng sanh rộng lớn, Phật biến hóa cũng rộng lớn v.v..."

PHÁP THẬP TRỤ: PHÁT THÚ TÂM

1.Xả tâm 6. Huệ tâm

2. Giới tâm 7. Nguyện tâm

3. Nhẫn tâm 8. Hộ tâm

4. Tấn tâm 9. Hỷ tâm

5. Định tâm 10. Đảnh tâm.

(Muốn hiểu nghĩa rộng của 10 tâm, xin xem trong bộ

Phạm võng hiệp chú).

PHÁP THẬP HẠNH:

THẬP TRƯỞNG DƯỠNG TÂM

1. Từ tâm 6. Hảo tâm

2. Bi tâm 7. Ích tâm

3. Hỷ tâm 8. Đồng tâm

4. Xả tâm 9. Định tâm

5. Thí tâm 10. Huệ tâm.

GIỚI PHẬT TỬ

PHÁP THẬP HỒI HƯỚNG:

THẬP KIM CANG TÂM

1. Tín tâm 6. Bất thối tâm

2. Niệm tâm 7. Đại thừa tâm

3. Hồi hướng tâm 8. Vô tưởng tâm

4. Đại tâm 9. Huệ tâm

5. Chơn tâm 10. Bất hoại tâm.

PHÁP THẬP THIỀN ĐỊNH

Cũng gọi là 10 pháp tam muội lớn.

1. Phổ quang tam muội

2. Diệu quang tam muội

3. Thứ đệ biến vãng sanh chư Phật quốc độ tam muội

4. Thanh tịnh thân tâm hành tam muội

5. Tri quá khứ trang nghiêm tạng tam muội

6. Trí quang minh tạng tam muội

7. Liễu tri nhứt thiết, thế giới Phật trang nghiêm tam muội

8. Chúng sai biệt thân tam muội

9. Pháp giới tự tại tam muội

10. Vô ngại luân tam muội

Chữ tam muội này cũng như nghĩa đại định vậy.

PHÁP THẬP ĐỊA
1. Bình đẳng địa 6. Hoa quang địa
2. Thiện huệ địa 7. Mãn túc địa
3. Quang minh địa 8. Phật hầu địa
4. Nhĩ diệm địa 9. Hoa nghiêm địa
5. Huệ chiếu địa 10. Nhập Phật địa.
PHÁP THẬP NHẪN
1. Âm thinh nhẫn 6. Như mộng nhẫn
2. Thuận nhẫn 7. Như hướng nhẫn
3. Vô sanh pháp nhẫn 8. Như ảnh nhẫn
4. Như huyễn nhẫn 9. Như hóa nhẫn
5. Như diệu nhẫn 10. Như không nhẫn.
PHÁP THẬP NGUYỆN
1. Thành thục chúng sanh vô hữu bi quyện nguyện
2. Cụ hạnh chúng thiện tịnh như thế giới nguyện
3. Thừa sự Như Lai thường sanh tôn trọng nguyện
4. Hộ trì chánh pháp bất tích thân mạng nguyện
5. Dĩ trí quán sát nhập chư Phật độ nguyện
GIỚI PHẬT TỬ

6. Dữ chư Bồ tát, đồng nhứt thể tánh nguyện
7. Nhập Như Lai môn liễu nhứt thế pháp nguyện
8. Kiến giả sanh tín vô bất hoạch ích nguyện
9. Thần lực trụ thế tận vị lai kiếp nguyện
10. Cụ Phổ Hiền hạnh tịnh trị nhứt thế chủng trí chi môn nguyện.
THEO THỨ LỚP 10 CHỖ Ở NÓI PHÁP
1. Tòa Kim Cang và nhà 6. Trời Hóa Lạc
Diệu Quang
7. Trời Sơ thiền
2. Cung Đế Thích
8. Trời Nhị thiền
3. Trời Diệm Ma
4. Trời Đâu Suất 9. Trời Tam thiền
5. Trời Tha Hóa 10. Trời Tứ thiền.

MƯỜI TÁM TRỜI PHẠM THIÊN (Chung gọi trời ở Sắc giới), phân làm 4 thiền:

I- Cõi Trời Sơ thiền có ba:
A.- Trời Phạm Chúng
B.- Trời Phạm Phụ
C.- Trời Đại Phạm.

II- Cõi Trời Nhị thiền có ba:
A.- Trời Thiểu Quang
B.- Trời Vô Lượng Quang
C.- Trời Quang Âm.
III- Cõi Trời Tam thiền có ba:
A.- Trời Thiểu Tịnh
B.- Trời Vô Lượng Tịnh
C.- Trời Biến Tịnh.
IV- Cõi Trời Tứ thiền có chín:

A. Trời Phước Sanh
Ba cõi này phàm
B. Trời Phước Ái phu tu chứng ở
C. Trời Quảng Quả.
Một cõi này ngoại D. Trời Vô Tưởng. đạo tu chứng ở

E. Trời Vô Phiền
F. Trời Vô Nhiệt Năm cõi này
G. Trời Thiện Kiến Thánh nhơn chứng
H. Trời Thiện Hiện quả thứ ba ở
I. Trời Sắc Cứu Cánh

GIỚI PHẬT TỬ

Thiên tử cõi lục dục: Sáu cõi trời Dục về cõi Dục giới:

1. Trời Tứ Thiên Vương Sáu cõi này cũng có 2. Trời Đao Lợi nam nữ, nhưng sự ăn ở và sung sướng 3. Trời Dạ Ma hưởng phước tự 4. Trời Đâu Suất nhiên hơn cõi 5. Trời Hóa Lạc người, không có sự dâm 6. Trời Tha Hóa

HUỲNH MÔN: Người nam không phải nam, nữ không phải nữ (bóng chàng).

BÁT BỘ 1. Trời – 2. Rồng – 3. Dạ xoa – 4. Càn thát bà – 5. A tu la – 6. Ca lầu la – 7. Khẩn na la – 8. Ma hầu la dà. Tám vị thần này, thường theo ủng hộ những người thọ trì giới của Phật.

BA LA DI TỘI Có 4 nghĩa: 1. KHÍ TỘI, nghĩa là: Phạm giới này rồi cũng như người đã bỏ ngoài biển Phật pháp, mất hẳn cả nhơn mầu và quả tốt. 2. ĐỌA TỘI, nghĩa là: Phạm giới này rồi, phải đọa trong ba đường: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

3. KIA HƠN, nghĩa là: Khi chưa phạm giới, thời mình hơn bọn ma quân, nay phạm rồi thời chúng nó hơn mình. 4. CỰC ÁC, nghĩa là: Phạm giới này rồi cũng ví như cái đầu đã đứt mất, như cây đứt gốc, như kim sứt lỗ, như viên đá bể hai, không tháp lại được.

THẤT NGHỊCH
1. Giết mẹ 5. Giết thầy Tỳ kheo
2. Giết cha 6. Giết Thánh nhơn

3. Giết vị Hòa thượng 7. Làm thân Phật

4. Giết vị Giáo thọ ra máu.

(Như ông Đề Bà Đạt Đa xô đá dập ngón chân Phật ra máu).

BÁT NẠN

1. Nạn địa ngục

2. Nạn ngạ quỷ

3. Nạn súc sanh

4. Nạn đui, què, điếc, câm, ngọng; sáu căn thiếu thốn

5. Nạn sanh nhằm trong nhà tà kiến, không trí huệ sáng suốt

6. Nạn sanh ra không gặp Phật ra đời, hoặc Phật diệt độ rồi ta mới sanh

7. Nạn sanh ra ở Bắc Cu Lô Châu

GIỚI PHẬT TỬ

8. Nạn sanh lên cõi trời Vô Tưởng: hai cõi này không có Phật pháp, nên hưởng hết phước rồi bị nạn sa đọa.

TRONG 8 THỨ RUỘNG PHƯỚC 1. Kỉnh Phật 2. Kỉnh Thánh nhơn 3. Kỉnh Hòa thượng 4. Kỉnh vị Giáo thọ 5. Kỉnh Tăng 6. Kỉnh cha 7. Kỉnh mẹ 8. Kỉnh mọi người có bịnh, vì đã có tâm thương nuôi và kỉnh trọng nữa, được phước bội phần, nên gọi là thứ nhứt. Trong Tứ phần luật nói: Nuôi bịnh có 5 công đức: 1. Phải biết chứng bịnh, món nào đáng cho ăn, món nào không đáng cho ăn. 2. Không nhờm gớm đàm mũi và đồ đại, tiểu tiện. 3. Chỉ có lòng thương nuôi, chớ không tính nuôi đặng cầu danh cầu lợi. 4. Về phần thuốc thang, chuyên chăm chu đáo và bền chí nuôi cho đến ngày lành, hoặc giờ phút tận số. 5. Cần nhứt là phải thường thường nói Phật pháp cho bịnh nhân nghe, giải cơn sầu muộn, và nhận rõ rằng:

“Thân này là một khối giả hợp, có ngày sẽ rã tan, hết tiếc nuối thân thì thân bớt đau; hết tiếc nuối của thì tâm bớt phiền não, và dù tới số cũng vẫn thanh tịnh mà được sanh lên cõi lành”.

MƯỜI HAI BỘ KINH Kinh đức Phật nói ra rất nhiều, song tóm lại làm thành 12 bộ: 1. KHẾ KINH: Những lời Phật nói khế hợp với chơn lý và căn cơ chúng sanh. 2. KỲ DẠ hay TRÙNG TỤNG: Phật nói lại đại ý trên, chánh văn cho mấy vị tới sau nghe. 3. GIÀ ĐÀ: Những bài kệ, bài tụng, Phật nói riêng từng đoạn, dụ như văn 8 câu hay 4 câu. 4. NHƠN DUYÊN: Được nhơn duyên nghe Phật thuyết pháp, như kinh Vị Tằng Hữu nói: Nhơn duyên Phật nói pháp cho ông La Hầu La nghe, mà cả chúng hội cũng được nghe. 5. BẢN SỰ: Là những nhơn duyên đời trước, tạo cái nhơn gì, mà đời nay được gặp Phật pháp. 6. BẢN SINH: Phật thuật nhơn duyên tiền thân của Ngài cho các vị đệ tử nghe để bắt chước tu hành. Dụ như Ngài nói: Thuở đời quá khứ lâu xa, Ngài còn làm người phàm, buông lung ba nghiệp thân, khẩu và ý, rồi đọa trong địa ngục hỏa sa, bị quỷ sứ hành hình mà Ngài hồi tâm

GIỚI PHẬT TỬ

quyết ý tu cho thành Phật, nên có hiệu là “THIỆN THỆ”, nghĩa là khéo qua, qua khỏi địa ngục, qua khỏi tam giới và trở lại độ sanh trong tam giới, mà không dính mắc cũng gọi là “khéo qua”. 7. VỊ TẰNG HỮU: Nói những thần thông, và biện tài vô ngại của Phật. 8. VÍ DỤ: Nói lời ví dụ để hiểu nghĩa lý trong kinh. 9. LUẬN NGHĨA: Phật trả lời những câu người hỏi, và rộng giải nghĩa lý cao thêm nữa. 10. TỰ THUYẾT: Không ai biết hỏi, Phật vì lòng từ bi tự nói dạy bảo như trong kinh A Di Đà (vô vấn tự thuyết). 11. PHƯƠNG QUẢNG hay TỲ PHẬT LƯỢC: Phật nói lý nghĩa rộng sâu. 12. THỌ KÝ: Phật dự định ghi chép các ông đệ tử sau này thành vị Phật chi, ở quốc độ nào. ĐỆ NHỨT NGHĨA ĐẾ: Tức là thể tánh của giới. Chánh nhơn của “tâm địa”, hay là cực quả thường trú. Danh từ tuy khác, chớ cũng một cái tâm cứu cánh thành Phật. TU TẬP THÀNH TÁNH: Cũng như nuôi lớn tánh tu tập (tức mười tâm phát thú). TÁNH KHÔNG LUI SỤT: Cũng như tánh không hư (tức mười tâm trưởng dưỡng). THEO LÝ TRUNG ĐẠO: Không chênh lệch (tức mười tâm kim cang).

TÁNH CHÁNH PHÁP: Tức mười địa, bực Đẳng giác Diệu giác. TỨ CHÚNG: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. BỐN BỘ ĐỆ TỬ: Cư sĩ, cư sĩ phụ, đồng nam, đồng nữ. Chỗ học là: BỰC HỮU HỌC (Nhị thừa Thinh Văn). Chỗ không học là: BỰC VÔ HỌC (quả Vô lậu A La Hán). Nói về pháp chủng tánh học tức vô học. Ở trong vô học mà hằng hay học tập, cho nên nói đừng sanh lòng phân biệt.

LUẬT NGHI

HỆ PHÁI PHẬT GIÁO KHẤT SĨ VIỆT NAM ĐỨC TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

1. Cấm tất cả Tăng sư cùng tập sự lớn nhỏ, chưa có xin phép Giáo hội, không có việc gì khẩn cấp, tự ý ra đi, lén trốn mà đi (phạm bị giáng cấp). 2. Cấm kẻ nào nói, tôi chỉ biết có một mình Sư trưởng; cả thảy phải quy tuân theo phép của Giáo hội. 3. Cấm nói thế sự vua quan, thiên cơ sấm giáng. 4. Cấm ố nghịch chuyên quyền tự cao lập phái chia rẽ Giáo hội. 5. Cấm tập sự tự ý đổi thầy. 6. Cấm Khất sĩ y bát làm việc nông, công, thương và binh. 7. Cấm Khất sĩ y bát có danh lợi, phong lưu, tài sắc, xe ngựa.

8. Cấm thâu nhận tín đồ, bổn đạo cư gia, lập môn phái, phép phù, chữa bịnh, âm thinh sắc tướng. 9. Cấm vô lễ ngã mạn, khi có việc chi phải cung kỉnh xin phép,Tăng chúng phải hiệp hòa, y theo thời khắc biểu. 10. Cấm tất cả trong Giáo hội, không ai được phép nói lớn tiếng thô bỉ, ngạo mạn. 11. Cấm nếu ai nói tự cao bất kể, khi có lỗi phải cung kỉnh Giáo hội xin sám hối làm gương. 12. Cấm luông tuồng mất hạnh, phải giữ sự trang nghiêm im lặng cho Giáo hội. 13. Cấm tự do khi có điều chi với quyến thuộc, mà không có bậc lớn tuổi đạo chứng kiến. 14. Cấm muốn thuyết pháp với cư gia, khi có bậc bề trên mà không xin phép trước. 15. Cấm cười giễu, pha lửng, thân cận với thiện nam, tín nữ, Ni cô. 16. Cấm thâu nhận đệ tử mà không lo dạy trong hai năm tập sự. 17. Cấm làm bậc thầy mà không giữ oai nghi; chớ nên tiếp chuyện với hàng phụ nữ, trẻ nhỏ ngoài giờ giảng đạo và nói cười, ngó mặt. 18. Cấm Khất sĩ y bát lo tài chánh trong khi in kinh sách (trừ khi Giáo hội cho phép).

19. Cấm Khất sĩ có một món của riêng, ngoài y bát; cho đến kinh sách cũng vậy. 20. Cấm ai không biết lịch sử của bậc bề trên mình. 21. Cấm phạm thứ lớp, mặc dầu sau

trước vẫn bằng nhau. 22. Cấm chẳng biết ngày giờ nhập đạo, mục đích, tên tuổi, cư sở của mình. 23. Cấm thâu nhận trẻ nhỏ dưới 18 tuổi cho nhập đạo tập sự (tùy theo mỗi cách). 24. Cấm cho một người dốt, không thông chữ Quốc ngữ thọ giới y bát (tùy theo mỗi cách). 25. Cấm cho tập sự một người không có một ông thầy tiếp dẫn. 26. Cấm cho thọ giới y bát người không có đủ ba ông thầy chứng nhận. 27. Cấm ngồi, nằm lỗi thứ lớp. 28. Cấm nói chuyện lỗi thứ lớp. 29. Cấm đọc kinh, độ cơm lỗi thứ lớp. 30. Cấm cười, khóc, nói lớn tiếng. 31. Cấm phân chia bè phái thân thuộc. 32. Cấm cố ý muốn, đòi hỏi, kêu xin sái luật. 33. Cấm các trò nhỏ nói chuyện chơi và cười giỡn.

34. Cấm người tu trí huệ mà nói chuyện nhiều và không giới định.
35. Cấm người xuất gia mà không tu thiền định.
36. Cấm đi riêng, trừ ra người có sức, Giáo hội cho phép, phải đi chung với Giáo hội.
37. Cấm nói chuyện người.
38. Cấm hành sái giờ.
39. Cấm nói xiên xỏ qua lại.
40. Cấm nói phạm thượng.
41. Cấm cãi cọ lớn tiếng.
42. Cấm vô lễ bất kỉnh với bậc bề trên.
43. Cấm nói lời thô lỗ cộc cằn.
44. Cấm nói lời vô ích với Sư trưởng.
45. Cấm nhận cúng dường tại chỗ nếu ngày thường không mưa, bịnh, có việc.
46. Cấm mấy trò nhỏ không đọc kinh sáng và chiều.
47. Cấm vào chơi trong tịnh xá cùng quanh quẩn
Sư trưởng.
48. Cấm ăn mặc sái phép y và bát.
49. Cấm xin xỏ cư gia thái quá.
50. Cấm không lo tu học, chỉ lo sự ăn, mặc, ở, bịnh.
LUẬT NGHI

51. Cấm nói ra lời ưng chịu, phải lặng thinh người bậc trên. 52. Cấm cho thọ giới một tập sự chưa thuộc Tứ y pháp, mười giới và bài kinh cúng dường. 53. Cấm cho vào hàng Tỳ kheo, kẻ nào chưa rành môn oai nghi giới bổn, những câu chú, kinh tụng. 54. Cấm trao tay lấy đồ gì với bất cứ ai. 55. Cấm không chứng minh khi có ai đưa đồ. 56. Cấm vào tịnh xá nói lớn tiếng, giỡn cười, xao động. 57. Cấm bỏ đi ra ngoài khi nhóm họp. 58. Cấm ham sự dư dả, tốt đẹp, trau giồi thân mình. 59. Cấm ở lộn xộn sái trật tự của Giáo hội. 60. Cấm xuất gia mà còn tình nghĩa bạn bè với kẻ thế, cho đến Tăng chúng quyến luyến với nhau. 61. Cấm xuất gia làm việc chung với cư sĩ, làm việc thế, nói cười, tiếp khách như cư sĩ. 62. Cấm nói chuyện nhiều ngoài một giờ mỗi ngày, có việc cần chỉ nói vài câu thôi. 63. Cấm xuất gia rồi mà còn nhìn nhận thân quyến, xã hội, gia đình tư riêng, không đặng hiệp đoàn. 64. Cấm viết giấy thơ từ mà nói chuyện hoặc gởi cho người thân quen biết mà không xin phép.

65. Cấm một vị sư theo gần Sư trưởng mãi, phải thay đổi mỗi ngày một vị. 66. Cấm người mới xuất gia mà thân cận với Sư trưởng. 67. Cấm Tăng chúng có của riêng ngoài tam y, quả bát, kinh luật, muỗng, bàn chải, tọa cụ, dao cạo, giấy tờ, móc tai, mùng (tập sự được hai bộ quần áo và mền). 68. Cấm chư Tăng đi xa có ba cái túi mang, xách lùm đùm không gọn như Ni cô. 69. Cấm người xuất gia mà còn buồn, vui, mừng, giận, thương, ghét, muốn, cười như trẻ nhỏ. 70. Cấm người xuất gia mà còn tham lam, sân giận, si mê. 71. Cấm người xuất gia mà còn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không trong sạch (như kẻ thế). 72. Cấm giấu lỗi mình cùng lỗi người với Giáo hội. 73. Cấm nói lén lỗi người (chỉ giùm phải nói trước mặt). 74. Cấm đem lòng phiền giận khi có ai chỉ giùm chỗ lỗi. 75. Cấm tranh cãi lớn tiếng, hơn thua phải quấy. 76. Cấm Tăng Ni mặc y vải bông, màu. Ai giới hạnh chưa xong phải mặc áo quần tập sự. Ni cô từ 12 đến 54 tuổi không đặng đi đâu một mình, không đặng tách phân Giáo hội. Dưới 18 tuổi cấm thâu nhận.

LUẬT NGHI

77. Cấm không đặng xem kinh sách ngoài khác của Giáo hội, giống như cư sĩ tại gia, nếu chưa phải là Tỳ kheo già kinh nghiệm, lâu năm tu học. 78. Cấm chưa tới tuổi 30 mà đi hành đạo tách xa Giáo hội. 79. Cấm học chữ, tiếng ngoại quốc (tùy theo trường hợp). 80. Cấm cho thọ giới y bát một người dốt văn tự Quốc ngữ (phải mặc áo quần tập sự). 81. Cấm cho mặc dùng y bát một người trì giới thiền định không được. 82. Cấm mặc dùng y bát đi ra ngoài, đi khất thực, nếu chưa hành đúng giới luật. 83. Cấm không đặng thiếu sót sự hành đạo của Tăng, mỗi chỗ phải do Giáo hội chứng minh và các Giáo hội nhánh mỗi kỳ 3 tháng phải trình bày về Trung ương một lần về sự tu học. 84. Cấm không đặng thiếu sót về sự chứng minh cho các Ni cô hành đạo mỗi chỗ. 85. Cấm mặc dùng y bát, Ni cô không hành đúng tám kỉnh pháp và giới luật thiền định. 86. Cấm cố ý bất hòa và sau mỗi việc không hòa. 87. Cấm Tăng sư mượn Ni cô làm giùm hoặc cất giữ một món, một việc gì.

88. Cấm Tăng sư khinh bỉ, ra lịnh, thị nạt Ni cô. 89. Cấm Tăng sư kêu đòi Ni cô đến riêng nói chuyện. 90. Cấm Tăng sư viết giấy tờ gởi đến Ni cô. 91. Cấm không có lịnh, chẳng có phép Sư trưởng, Giáo hội mà Tăng sư đến tịnh xá Ni cô. 92. Cấm Ni cô, tập sự nữ lễ bái tập sự nam. 93. Cấm Tăng sư, tập sự nam ở đêm trong vòng tịnh xá Ni cô. 94. Cấm Ni cô, tập sự nữ ở đêm trong vòng tịnh xá Tăng sư. 95. Cấm Tăng sư, tập sự nam để cho phụ nữ nghỉ đêm trong vòng tịnh xá. 96. Cấm Ni cô, tập sự nữ để cho nam nhân nghỉ đêm trong vòng tịnh xá. 97. Cấm Tăng sư, tập sự nam nói chuyện việc Ni cô, phụ nữ. 98. Cấm Ni cô, tập sự nữ nói chuyện việc Tăng sư, nam nhân. 99. Cấm Tăng sư bắt lỗi, rầy, phạt Ni cô, tập sự nữ mà không có lịnh Sư trưởng, Giáo hội. 100. Cấm Ni cô vô lễ bất kỉnh với chư Tỳ kheo. 101. Cấm sự đi thăm bệnh của Tăng Ni với nhau.

LUẬT NGHI

102. Cấm Tăng tới chùa Ni, Ni tới chùa Tăng mà không lịnh Sư trưởng, Giáo hội. 103. Cấm Tăng Ni nói chuyện với nhau mà không có trình bày với Giáo hội, Sư trưởng trước khi nói và sau khi nói. 104. Cấm Tăng tìm cớ nói chuyện riêng với một Ni cô. 105. Cấm

Tăng ngó mặt Ni hay Ni ngó mặt Tăng, cho đến thiện tín cũng vậy. 106. Cấm Tăng có hình Ni, Ni có hình Tăng. 107. Cấm trong chùa Tăng có chứa để hình Ni, trong chùa Ni có chứa để hình Tăng, cho đến dấu tích, kỷ niệm. 108. Cấm mượn cớ đưa gởi sách kinh để nói chuyện với nhau. 109. Cấm Tăng sư nói lời thô bỉ, cộc cằn với Ni cô. 110. Cấm Ni cô nói lời phiền nghịch, trái cãi, bất tuân theo lời dạy của Sư trưởng, Giáo hội. 111. Cấm dắt một người tập sự mặc áo quần đi khất thực. 112. Cấm nếu thiếu sức mà quyết đòi tách riêng Giáo hội. 113. Cấm hay kiếm chuyện này, chuyện kia làm phiền trong Giáo hội.

114. Cấm hay đòi hỏi, làm khó rầy trong Giáo hội. (Tất cả những chữ “Giáo hội” trong 114 điều Luật nghi này, ngày nay nên hiểu là “Hệ phái”).

Một trăm mười bốn điều răn
Do Tôn sư dạy chư Tăng Ni hành…
Ai mà giới luật thuộc rành
Giữ gìn chín chắn tu thành quả cao
Tu là sửa tánh giồi trau
Cho thân, khẩu, ý làu làu sạch trong
Vậy nên cần phải thuộc lòng
Để mà thúc liễm từ trong chí ngoài
Mới mong kiến tánh Như Lai
Minh tâm tỏ ngộ Phật đài bước sang…
Mục Lục

Lời nói đầu..... 3 Bài học Khất sĩ..... 5 Luật Khất sĩ..... 40 Bài học Sa di..... 70 Kệ giới..... 95 Định..... 120 Niết bàn..... 145 Giới bổn Tăng..... 179 Giới bổn Ni..... 202 Giới Phật tử..... 231 Luật Nghi..... 264

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY
Chịu trách nhiệm nội dung:
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH
Biên tập : NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG
Sửa bản in : HỒNG ANH
Trình bày : HOÀNG TRUNG
Bìa : LINH VŨ
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38225340 - 38296764 - 38247225 - 38256713 - 38223637
Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM - ĐT: 38256804
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM - ĐT: 39433868
Thực hiện liên kết:
Tịnh xá Trung tâm - 21 Nguyễn Trung Trực, Q. Bình Thạnh, TP. HCM.
In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14.5 x 20.5 cm
Tại: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng - Địa chỉ: 100 Lê Đại Hành, P. 7, Q. 11, TPHCM
Xưởng in: 510 Trường Chinh, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM.
XNĐKXB số: 353-2017/CXBIPH/03-23/THTPHCM cấp ngày 15/02/2017
QĐXB số: 553/QĐ- THTPHCM- 2017 ngày 05/05/2017
ISBN: 978 - 604 - 58 - 6152 - 3
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2017

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.